

TỔNG CỤC DU LỊCH
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH



HỘI THẢO

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TÂY NGUYÊN



HÀ NỘI - 2021

DANH MỤC CÁC BÀI THAM LUẬN

- PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TÂY NGUYÊN..... 3**
TS. Lê Quang Đăng
Phó trưởng phòng CLCS&MT Du lịch - Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch
- BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA BIDOUP - NÚI BÀ..... 17**
TS. Lê Văn Hương
Giám đốc Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà
- PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI VIỆC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VƯỜN QUỐC GIA YOK DON..... 20**
Ông Trần Đức Phương
GD Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ Vườn quốc gia Yok Don
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI CAO NGUYÊN KON HÀ NỪNG TỈNH GIA LAI... 23**
Ông Nguyễn Đức Hoàng
Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Gia Lai
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VƯỜN QUỐC GIA TÀ ĐÙNG - ĐẮK NÔNG..... 25**
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông
- ĐỊNH HƯỚNG SẢN PHẨM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN 27**
TS. Hồ Trung Thành
Vụ Lễ hành - Tổng cục Du lịch
- ĐỊNH HƯỚNG THỊ TRƯỜNG VÀ XÚC TIẾN QUẢNG BÁ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN..... 37**
Vụ Thị trường Du lịch - Tổng cục Du lịch
- LIÊN KẾT HỢP TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN .. 43**
Nguyễn Thị Lan Hương⁽¹⁾, Trần Thị Mỹ Linh⁽²⁾
(1) Phó trưởng phòng QLKH&HTQT, Viện NCPTDL;
(2) Học viện Chính sách và Phát triển

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI..... 51

TS. Trần Phương Mai

Viện Nghiên cứu Phát triển Du Lịch - Tổng cục Du lịch

GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN 60

ThS. Nguyễn Hoàng Mai

Phó trưởng phòng QLKH&HTQT - Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

GIẢI PHÁP TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC, Ý THỨC VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN..... 69

ThS. Nguyễn Thanh Bình

Vụ trưởng Vụ Khách sạn - Tổng cục Du lịch

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TỈNH KON TUM..... 79

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Kon Tum

BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI MỘT SỐ VƯỜN QUỐC GIA, KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở TÂY NGUYÊN 88

TS Vũ Văn Triệu

Nguyên Trưởng Đại Diện IUCN tại Việt Nam

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TÂY NGUYÊN

TS. Lê Quang Đăng

Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch - Tổng cục Du lịch

I. MỞ ĐẦU

Du lịch trải nghiệm thiên nhiên và khám phá thế giới động vật hoang dã ngày càng phát triển và trở thành xu hướng du lịch phổ biến trên thế giới. Loại hình du lịch này đã có những đóng góp to lớn đối phát triển du lịch ở nhiều quốc gia, góp phần tích cực vào công tác bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên tự nhiên. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) ước tính, 7% du lịch thế giới liên quan đến du lịch động vật hoang dã, mức tăng trưởng bình quân khoảng 3%/năm. Ước tính mỗi năm trên toàn cầu có hàng trăm triệu lượt khách du lịch thăm quan các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN), tìm hiểu động vật hoang dã; thị trường động vật hoang dã có giá trị ít nhất 37 tỷ đô la. Đặc biệt, 80% thu nhập hàng năm từ kinh doanh du lịch của các nước châu Phi là từ khách du lịch đến quan sát các loài động vật hoang dã, các hệ sinh thái tự nhiên.

Tuy nhiên, thực tế phát triển loại hình du gắn với động vật hoang dã ở một số nơi còn thiếu hiệu quả, biến tướng, lạm dụng và can thiệp quá mức đối với tài nguyên tự nhiên, gây ra những tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học, các hệ sinh thái, đặc biệt là đối với các loài động vật hoang dã. Theo Hiệp hội Bảo vệ động vật Thế giới (WAP), hiện có tới hơn 500.000 động vật hoang dã trên thế giới đang bị “bóc lột” vì du lịch giải trí. Theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF), từ năm 2016 đến 2018, Việt Nam có 13 điểm với 263 cơ sở buôn bán ngà voi với khối lượng khoảng 5.067 đến 13.166 sản phẩm từ ngà voi. Nhiều loài động vật hoang dã bị bắt, thuần chủng, huấn luyện để phục vụ các mục đích du lịch như voi, khỉ, hổ, sư tử, gấu,... Ngoài ra, nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã như thực phẩm (thịt thú rừng), thuốc chữa bệnh (cao hổ cốt, vảy tê tê, mật gấu, sừng tê giác, nhung hươu) và đồ trang sức làm từ sừng, nanh vuốt, lông và da các loài động vật hoang dã (ngà voi, nanh vuốt hổ, da cá sấu) cũng được sản xuất, bày bán tại rất nhiều điểm tham quan du lịch.

Tây Nguyên là một trong những vùng có tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng, phong phú bậc nhất ở Việt Nam. Tây Nguyên sở hữu nhiều VQG và KBTTN như Yok Đôn, Chư Yang Sin (Đắk Lắk); Tà Đùng (Đắk Nông), Kon Ka Kinh (Gia Lai); Chư Mom Ray, Ngọc Linh (Kon Tum); Bi Đúp Núi Bà (Lâm Đồng),... Các loài động vật hoang dã tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên khá đa dạng và phong phú, trong đó, có nhiều loài quý hiếm được đưa vào sách đỏ. Đây là lợi thế nổi trội để Tây Nguyên phát triển các loại hình du lịch sinh thái; du lịch nghiên cứu rừng nguyên sinh; du lịch gắn

với trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, tìm hiểu động vật hoang dã. Do đó, nghiên cứu **“phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã Tây Nguyên”** là cần thiết, một mặt góp phần đa dạng sản phẩm du lịch cho Tây Nguyên, mặt khác, tăng cường trách nhiệm của các bên liên quan đối với vấn đề bảo tồn động vật hoang dã, hạn chế những tác động tiêu cực từ du lịch đến thiên nhiên và động vật hoang dã Tây Nguyên.

II. PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. Du lịch có trách nhiệm

Theo *Tuyên bố Cape Town* (2002), du lịch có trách nhiệm (Responsible Tourism) được hiểu là hoạt động có trách nhiệm của các bên tham gia (nhà nước, doanh nghiệp, khách du lịch, cộng đồng và các tổ chức xã hội) nhằm tối đa hoá lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường và giảm thiểu các tác động tiêu cực, chi phí trong quá trình thực hiện du lịch. Kết quả của du lịch có trách nhiệm là tạo ra những địa điểm tốt hơn cho mọi người sinh sống và tham quan [9].

Du lịch có trách nhiệm tại các điểm đến (Responsible Tourism in Destinations) được hiểu là việc hạn chế tối đa các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường và xã hội; tạo ra lợi ích kinh tế lớn hơn và nâng cao phúc lợi cho người dân địa phương, cải thiện điều kiện làm việc và tham gia vào hoạt động du lịch; đóng góp tích cực vào việc bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hóa nhằm duy trì một thế giới đa dạng [3].

Nội hàm khái niệm của du lịch có trách nhiệm được thể hiện ở 03 khía cạnh chính:

- Có trách nhiệm với kinh tế: các hoạt động du lịch phải góp phần mang lại lợi ích kinh tế, tạo việc làm cho người lao động, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, giảm thiểu những rủi ro và tác động tiêu cực do quá trình tăng trưởng kinh tế mang lại.

- Có trách nhiệm với văn hoá - xã hội: các hoạt động du lịch phải góp phần bảo tồn các giá trị di sản văn hoá, tạo ra nhiều phúc lợi hơn cho xã hội, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến văn hoá - xã hội như: giảm giá trị di sản, du nhập văn hoá ngoại lai làm suy giảm hoặc biến tướng văn hoá truyền thống bản địa, các tệ nạn xã hội phát sinh từ du lịch như cướp giật, cò mồi, chèo kéo, ép giá, ứng xử thiếu thân thiện giữa khách du lịch với cộng đồng địa phương.

- Có trách nhiệm với thiên nhiên và môi trường: các hoạt động du lịch phải góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan tự nhiên và môi trường; bảo tồn các hệ sinh thái và đa dạng sinh học, bảo vệ động vật hoang dã; giảm xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính.

2. Du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã

Động vật hoang dã là một bộ phận của thiên nhiên. Trong khi đó, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên tự nhiên lại là một cấu phần của du lịch có trách nhiệm. Vì vậy, du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã là một khía cạnh hẹp, một bộ phận cấu thành của du lịch có trách nhiệm. Du lịch có trách nhiệm gắn

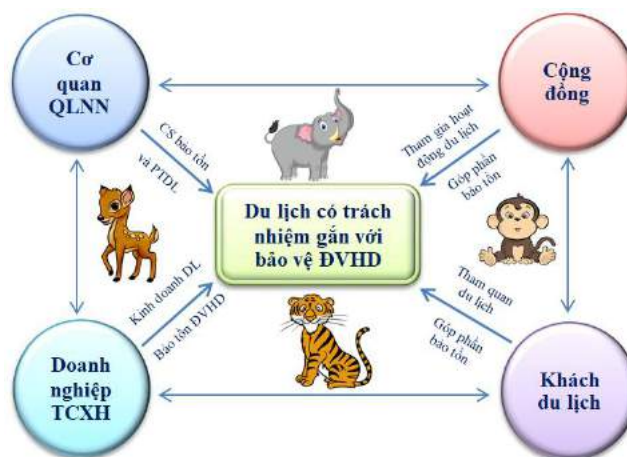
với bảo vệ động vật hoang dã có thể hiểu là các hoạt động du lịch có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến thế giới tự nhiên và động vật hoang dã, vừa đảm bảo phát triển du lịch mà không làm ảnh hưởng tới sự phát triển bình thường của các loài động vật hoang dã cũng như nỗ lực của các bên tham gia trong công tác bảo vệ động vật hoang dã.

Mối quan hệ giữa du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã, du lịch có trách nhiệm và du lịch bền vững được biểu thị qua sơ đồ Hình 1.



Hình 1. Du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã, du lịch có trách nhiệm và du lịch bền vững

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu, 2021)



Hình 2. Các bên liên quan trong phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu, 2021)

Là một khía cạnh hẹp của du lịch có trách nhiệm, các bên liên quan trong phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã được xác định gồm 04 nhóm đối tượng (chủ thể) chính (Hình 2).

(1) Cơ quan quản lý nhà nước

- Ban hành chính sách, cơ chế, quy định quản lý đối với bảo tồn động vật hoang dã, phát triển du lịch tại các VQG, KBTTN, phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã.

- Thực thi công tác quản lý, đảm bảo phát triển du lịch không gây ảnh hưởng đến công tác bảo tồn động vật hoang dã.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, sai phạm.

(2) Doanh nghiệp và các tổ chức xã hội

- Doanh nghiệp: Xây dựng kế hoạch, chiến lược và thực hiện các hoạt động kinh doanh du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã. Tuyên truyền cho nhân viên, khách du lịch có ý thức, trách nhiệm bảo vệ động vật hoang dã.

- Các tổ chức xã hội: thực hiện các kế hoạch hành động, các hoạt động cụ thể đóng góp tích cực cho công tác bảo tồn động vật hoang dã, gắn bảo tồn với phát triển du lịch và phát triển du lịch để phục vụ công tác bảo tồn.

(3) Khách du lịch

- Tham quan, trải nghiệm, khám phá thế giới tự nhiên, động vật hoang dã;
- Có trách nhiệm bảo vệ động vật hoang dã, không mua, bán, tiêu thụ các sản phẩm từ động vật hoang dã.

(4) Cộng đồng dân cư bản địa

- Tham gia làm du lịch cộng đồng, hướng dẫn du lịch, kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Chung tay bảo vệ động vật hoang dã; không săn, bắn, bắt, bẫy, mua, bán, tiêu thụ các sản phẩm từ động vật hoang dã.

Các hoạt động du lịch gắn với động vật hoang dã thường diễn ra tại các khu vực thiên nhiên hoang dã, tại các VQG, KBTTN, dưới sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng (kiểm lâm, ban quản lý), có thể theo tour, chương trình du lịch của doanh nghiệp hoặc tự túc với sự hỗ trợ, hướng dẫn của cộng đồng dân cư bản địa trong khu vực được cho phép. Một số loại hình du lịch gắn với động vật hoang dã như sau:

- Trekking, đi bộ trong rừng, khám phá thiên nhiên hoang dã kết hợp với (chủ động) săn tìm động vật hoang dã.

- Xem, quan sát động vật hoang dã (thụ động) tại các đài quan sát, điềm quan sát, vườn bách thú; quan sát động vật hoang dã tại trung tâm cứu hộ, trung tâm bảo tồn động vật hoang dã tại các VQG, KBTTN; quan sát động vật hoang dã đại dương (tham quan thủy cung, đi tàu lặn, lặn ngắm sinh vật biển); quan sát động vật hoang dã tại các thảo nguyên, đồng cỏ, hồ nước, sa mạc.

- Trải nghiệm với động vật hoang dã: cưỡi voi, chăm sóc động vật hoang dã, thả động vật hoang dã về với thiên nhiên.

- Tham gia các lễ hội và xem biểu diễn nghệ thuật với động vật hoang dã: đua voi, xiếc thú.

- Du lịch kết hợp với tìm hiểu, học tập, nghiên cứu về động vật hoang dã tại các khu bảo tồn, trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại các VQG, KBTTN, bảo tàng động vật hoang dã, nhà trưng bày, trung tâm thông tin, trung tâm giáo dục môi trường.

III. PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

1. Khái quát chung về du lịch Tây Nguyên

Tây Nguyên là khu vực thuộc miền Trung của Việt Nam; phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, phía tây giáp với các tỉnh Attapeu (Lào), tỉnh Ratanakiri và tỉnh Mondulakiri (Campuchia). Tây Nguyên bao gồm 5 đơn vị hành chính cấp tỉnh là:

Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích tự nhiên của Tây Nguyên là 54.640,6 km² (chiếm 16,5% diện tích cả nước); dân số tính đến năm 2019 là 5.842.681 triệu người (chiếm 6,1% dân số cả nước); mật độ dân số trung bình là 107 người/km².

Tây Nguyên là vùng có lợi thế tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú, đặc sắc, cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa. Du lịch Tây Nguyên thời gian qua đã có bước phát triển tích cực. Các chỉ tiêu chính của ngành du lịch tăng trưởng nhanh và ổn định. Giai đoạn 2015 - 2019, khách du lịch đến Tây Nguyên tăng từ hơn 6,3 triệu lượt khách năm 2015 lên gần 10 triệu lượt khách năm 2019 (gấp 1,55 lần năm 2015), tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 11,62%/năm. Tổng thu từ du lịch của Tây Nguyên cũng tăng đáng kể, từ 10 nghìn tỷ đồng năm 2015, tăng lên 14,7 nghìn tỷ đồng năm 2019, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 10,16%/năm (Bảng 1).

Bảng 1. Khách du lịch đến các tỉnh Tây Nguyên 2015 - 2020

Đơn vị: Khách: lượt. Tổng thu: tỷ đồng

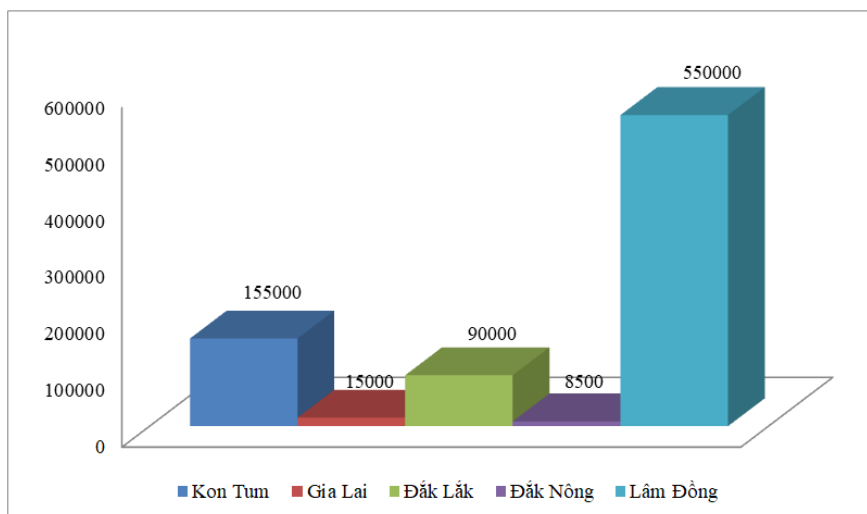
Tổng khách	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng số
Năm 2015	238.154	211.372	560.000	197.768	5.100.000	6.307.294
Năm 2019	462.000	845.000	950.000	385.000	7.150.000	9.792.000
Năm 2020	250.500	800.000	695.615	225.700	4.000.000	5.971.815
Tăng trưởng 2015-2019	18.02%	41.40%	14.13%	18.12%	8.81%	11.62%
Tổng thu:	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng số
Năm 2015	233,55	170,07	420	23,29	9.180	10.026,9
Năm 2019	297	510	1.050	41,5	12.870	14.768,5
Năm 2020	120	380	625	22,5	7.200	8.347,5
Tăng trưởng 2015-2019	6.19%	31.59%	25.74%	15.54%	8.81%	10.16%

Nguồn: Sở VHTT&DL các tỉnh Tây Nguyên

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khách du lịch đến Tây Nguyên giảm đáng kể, chỉ đạt gần 6 triệu lượt khách toàn Vùng (giảm khoảng - 39% so với năm 2019), chưa bằng số lượt khách đến của năm 2015. Tổng thu từ du lịch cũng giảm mạnh, chỉ còn khoảng 8,3 nghìn tỷ đồng, giảm khoảng - 43,5% so với năm 2019, thấp hơn tổng thu từ du lịch của năm 2015 (Bảng 1).

Khách du lịch đến Tây Nguyên chủ yếu là khách du lịch nội địa, khách quốc tế chiếm số lượng rất nhỏ, chỉ khoảng 9-10% trong cơ cấu tổng khách. Khách quốc tế đến Tây Nguyên cũng chủ yếu đến Lâm Đồng, Kon Tum và Đắk Lắk. Năm 2019, khách quốc tế đến Lâm Đồng đạt 550.000 lượt, chiếm 67,2% tổng khách quốc tế đến Tây Nguyên; Kon Tum 185.000 lượt, chiếm 18,94%;

Đắk Lắk 90.000 lượt, chiếm 11%; Gia Lai 15.000 lượt, chiếm 1,83%, Đắk Nông 8.500 lượt, chiếm 1,04% (Hình 3).



Hình 3. Biểu đồ khách quốc tế đến các tỉnh Tây Nguyên năm 2019

(Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê, Sở VHTT&DL các tỉnh Tây Nguyên)

Các sản phẩm du lịch chủ đạo đang được khai thác, phát triển ở Tây Nguyên hiện nay gồm:

- Du lịch sinh thái:

+ Du lịch tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, động vật hoang dã tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Du lịch tham quan thắng cảnh núi rừng, thác nước, hồ trên núi: hồ Tuyên Lâm, hồ Đan Kia Suối Vàng, hồ Xuân Hương (Lâm Đồng); hồ Tơ Nung (Gia Lai); hồ Lắk (Đắk Lắk); hồ Yaly (Kon Tum, Gia Lai); thác nước: Dalanta, Pongua, Pren (Lâm Đồng); thác Lư Ly, thác Draysap, thác Đắk G'lung, thác Liêng Nung, thác Gia Long (Đắk Nông); thác Draynur (Đắk Lắk); thác Phú Cường, thác Chín tầng (Gia Lai); thác Pa S'ỹ, thác Đắk Lung (Kon Tum).

+ Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ và núi: khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ Tuyên Lâm; khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Madagui (Lâm Đồng); khu du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng Măng Đen (Kon Tum); khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Lắk (Đắk Lắk); khu du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử Nâm Nung (Đắk Nông).

- Du lịch văn hoá:

+ Du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa bản địa các buôn làng (Bản Đôn, Buôn Jun, Buôn M'liêng; Buôn Kon K'tu, Buôn Kon B'ring, Làng Văn hóa Kon Klor; Làng Văn hóa Đắk Răng, Buôn Go - Cát Tiên...);

+ Du lịch tham quan, nghiên cứu các giá trị kiến trúc độc đáo (Nhà Rông, Nhà Dài, Nhà Mồ...);

+ Du lịch tham quan, nghiên cứu các giá trị văn hóa bản địa khác (nhạc cụ, nông cụ, trang phục...).

+ Du lịch tham quan các lễ hội truyền thống và văn hóa nghệ thuật dân gian (Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên, Lễ hội đua voi, Lễ Bỏ Mả, Lễ Đâm trâu, Lễ Cơm mới...); tham quan các lễ hội, festival (festival Hoa Đà Lạt, festival Trà Bảo Lộc, festival Cà phê Buôn Ma Thuột...).

+ Du lịch tham quan các di tích văn hóa lịch sử, cách mạng (Di tích Đăk Tô - Tân Cảnh, Ngục Kon Tum, Nhà thờ gỗ Kon Tum; Ngã Ba biên giới, Nhà tù Pleiku, Di tích lịch sử văn hóa làng kháng chiến Stor, Di tích lịch sử Tây Sơn Thượng Đạo, Chiến địa Plei Me; Nhà Đày Buôn Ma Thuột, Biệt điện Bảo Đại, Bảo tàng Dân tộc Đăk Lăk, Hang đá Đăk Tuôr - Krong Bông, Đồn điền CADA, Đình Lạc Giao, Chùa Sắc Tứ Khải Đoan, Tòa Giám mục Đăk Lăk, Tháp Yang Prong - Easoup; Di tích N'Trang Gưh, Cụm di tích lịch sử N'Trang Long; Thiền viện Trúc Lâm.

- *Du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm:*

Các hoạt động du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm đang được khai thác như: Du lịch leo núi (đỉnh Lang Biang, đỉnh Ngọc Linh); du lịch vượt thác, du lịch đu dây qua những cánh rừng (Datlanta); du lịch “phượt”; các giải marathon, đua xe đạp;...

- *Du lịch cộng đồng:*

Các làng du lịch cộng đồng Kon K'tu, Kon Klor, Kon Trang Long Loi, Kon Pring (Kon Tum); buôn Đôn, buôn Akô Đông, buôn Tring, buôn Jun (Đăk Lăk); làng du lịch cộng đồng K'Long, khu du lịch núi Lang Biang, khu du lịch Vườn quốc gia Bi Đúp - Núi Bà (Lâm Đồng);...

Voi là biểu tượng thiên nhiên của du lịch Tây Nguyên. Trước đây, du lịch cộng đồng tại Tây Nguyên nổi bật với các hoạt động du lịch trải nghiệm cùng đàn voi (cưỡi voi, chụp ảnh với voi), có sự dẫn dắt của người huấn luyện tại địa phương. Theo đó, khách du lịch trả một khoản tiền (khoảng 100.000 -200.000 đồng) cho một lượt cưỡi voi. Đăk Lăk là địa phương tập trung đông nhất các cá thể voi thuần phục và voi hoang dã. Hiện nay, Đăk Lăk có khoảng 5 quần thể voi hoang dã, quần thể nhỏ nhất gồm 5-10 cá thể, quần thể lớn nhất có 32 - 36 cá thể, phân bố chủ yếu ở VQG Yok Đôn. Tính đến năm 2018, số voi thuần chủng (voi nhà) trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk có khoảng 45 con, giảm gần 100 cá thể so với năm 2000. Việc khai thác voi nhà cho mục đích phục vụ du lịch là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng tới quần thể loài. Nhiều năm gần đây, lượng khách du lịch đổ về các bản buôn làng Tây Nguyên ngày càng tăng lên. Đặc biệt, vào mùa lễ hội, các đàn voi phải hoạt động liên tục cả ngày, thời gian nghỉ ngơi bị hạn chế, vì vậy nhiều con voi rơi vào tình trạng già, gầy yếu, sức khỏe bị suy nhược, thậm chí chết vì kiệt sức do phải phục vụ khách liên tục.

Trước áp lực ý kiến của xã hội, các chuyên gia, tổ chức bảo tồn động vật hoang dã, kể từ năm 2018 đến nay, các hoạt động trải nghiệm du lịch cưỡi voi đã được giảm đáng kể nhằm hạn chế nạn “cưỡng bức lao động” của voi. Thay vào đó, cộng đồng các buôn làng và các hộ gia đình kinh doanh du lịch từ voi thuần chủng đã và đang từng bước chuyển đổi hình thức trải nghiệm du lịch với

voi theo hướng thân thiện hơn. Khách du lịch chỉ đến tham quan, chụp ảnh voi từ xa hoặc cho voi ăn, tắm cho voi...¹.

2. Phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại một số Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên.

Tây Nguyên sở hữu nhiều VQG, KBTTN. Các hoạt động du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên và động vật hoang dã bước đầu hình thành, phát triển, đặc biệt tại một số VQG như Bi Đúp Núi Bà và Yok Don.

VQG Bi Đúp Núi Bà nằm trên địa bàn huyện Lạc Dương và một phần huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng, có diện tích vùng lõi 70.038,45 ha trong đó: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 33.582 ha; phân khu phục hồi sinh thái: 22.854 ha; phân khu dịch vụ, hành chính: 7.502 ha; diện tích khác: 6.100,45 ha. Mục tiêu và nhiệm vụ của VQG được xác định rõ là bảo tồn các hệ sinh thái rừng trong vùng khí hậu á nhiệt đới, núi cao và các loài động, thực vật rừng đặc hữu, quý hiếm. VQG Bi Đúp Núi Bà (Lâm Đồng) là điểm thu hút khách lớn nhất hệ thống các VQG, KBTTN ở Tây Nguyên. Năm 2019, Vườn đã phục vụ 8.576 lượt khách thăm quan, trong đó, khách quốc tế là 1.428 lượt, mang lại doanh thu từ du lịch đạt hơn 1,8 tỷ đồng.

Vườn quốc gia Yok Don nằm trên địa bàn 3 huyện: Buôn Đôn, Ea Súp (tỉnh Đắk Lắk) và huyện Cư Jút (tỉnh Đắk Nông), có diện tích 115.545 ha, trong đó: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 80.947 ha, phân khu phục hồi sinh thái là 30.426 ha và phân khu dịch vụ hành chính là 4.172 ha; vùng đệm có diện tích 133.890 ha. Rừng chủ yếu là rừng tự nhiên, phần lớn là rừng Khộp. VQG Yok Don là một trong số ít các VQG, KBTTN ở Tây Nguyên thực hiện khá tốt việc kết hợp giữa công tác bảo tồn với khai thác, phát triển du lịch. Giai đoạn 2016 - 2019, lượng khách du lịch đến tham quan Vườn luôn đạt ngưỡng trên 5.000 lượt khách mỗi năm. Năm 2019, lượng khách tham quan Vườn đạt hơn 5.3580 lượt, trong đó khách quốc tế là 3.331 lượt. Doanh thu từ các hoạt động du lịch của Vườn bình quân đạt khoảng 1,3 tỷ đồng mỗi năm.

Nhìn chung, hầu hết các VQG, KBTTN tại Tây Nguyên đều thực hiện rất tốt công tác bảo tồn động vật hoang dã. Một số VQG đã kết hợp giữa công tác bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái nói chung và du lịch gắn với động vật hoang dã nói riêng như Bi Đúp Núi Bà, Yok Don, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch, đem lại khoản thu nhất định cho các Vườn từ hoạt động du lịch. Một số VQG, KBTTN khai thác rất ít hoặc chưa khai thác tài nguyên rừng và động vật hoang dã cho phát triển du lịch như: Chư Mom Ray, Kon Ka King, Tà Đùng, Chư Yang Sin và Ngọc Linh.

Các sản phẩm du lịch, tour, tuyến, điểm tham quan du lịch gắn với động vật hoang dã tại các VQG, KBTTN hầu hết đều khá thân thiện, không gây ảnh hưởng tiêu cực đối với các loài động vật hoang dã. Các hoạt động du lịch chính

¹ Theo Hà Trang (2020), *Lối thoát cho đàn voi du lịch*, tại Báo Pháp luật Việt Nam Online, website: <https://baophapluat.vn/loi-thoat-cho-dan-voi-du-lich-post371725.html>, truy cập ngày 30/9/2021.

đang được khai thác là:

- Trải nghiệm đi rừng (cùng cán bộ BQL các VQG, KBTTN hoặc cán bộ kiểm lâm), kết hợp với tìm hiểu hệ sinh thái rừng, quan sát động vật hoang dã.

- Thăm quan các điểm đa dạng sinh học, thắng cảnh thiên nhiên núi rừng, kết hợp với quan sát động vật hoang dã.

- Dã ngoại, cắm trại, ăn, ngủ trong rừng, quan sát, tìm hiểu thế giới động vật hoang dã, trải nghiệm cuộc sống hòa nhập với thiên nhiên.

- Một số hoạt động du lịch thể thao truyền thống (chạy bộ, đi xe đạp) và thể thao mạo hiểm (chèo thuyền trên sông, vượt thác, leo núi).

- Du lịch gắn với giáo dục môi trường, tìm hiểu về động vật hoang dã.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại một số VQG, KBTTN ở Tây Nguyên còn tồn tại những khó khăn, hạn chế như:

- Các hoạt động du lịch gắn với thiên nhiên và bảo vệ động vật hoang dã mặc dù đã được khai thác, phát triển tại một số VQG, KBTTN nhưng còn rất hạn chế. Chỉ có VQG Bi Đúp Núi Bà và Yok Don có lượng khách đến tham quan nhiều nhất, nhưng đóng góp của du lịch tại các Vườn này với du lịch của tỉnh còn khá khiêm tốn.

- Du lịch tại các VQG, KBTTN nói chung và du lịch gắn với động vật hoang dã nói riêng ở Tây Nguyên chưa phát huy hết thế mạnh và chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Nhiều VQG, KBTTN thậm chí chưa cho phép khai thác, phát triển các hoạt động du lịch như trường hợp của KBTTN Ngọc Linh.

- Voi là biểu tượng thiên nhiên du lịch của Tây Nguyên, số lượng voi thuần phục (voi nhà) hiện được khai thác, phục vụ tại các buôn làng cộng đồng, một số thuộc sở hữu của các hộ dân, nằm ngoài phạm vi quản lý của các VQG, KBTTN. Mặc dù cộng đồng và chính quyền địa phương nỗ lực trong công tác bảo vệ nhưng để phục vụ du lịch, vì lợi nhuận kinh doanh du lịch từ voi mang lại, khó tránh khỏi những tác động tiêu cực, gây tổn thương đến các cá thể voi thuần chủng. Hơn thế, việc chăm sóc, bảo vệ voi già, ốm, bệnh tại các hộ dân cũng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với việc được bảo tồn, chăm sóc tại không gian VQG, KBTTN.

- Nạn săn bắt động vật hoang dã ở Tây Nguyên mặc dù đã giảm mạnh trong những năm gần đây. Tuy nhiên, việc nuôi nhốt vì mục đích kinh tế và du lịch chưa có dấu hiệu thuyên giảm, tình trạng mua bán, trao đổi động vật hoang dã và các sản phẩm làm từ động vật hoang dã vẫn diễn ra ở nhiều địa phương trong Vùng. Đơn cử như tỉnh Đắk Lắk hiện nay có khoảng 640 cơ sở, hộ gia đình có nuôi động vật hoang dã; trong đó, có 42 cơ sở nuôi động vật quý hiếm, với hơn 2.000 cá thể thuộc 14 loài².

² Theo: Hương Lý (2021), *Đắk Lắk: Phòng, chống buôn bán trái phép động vật hoang dã*, từ VOV4 - Ban Dân tộc, tại website: <https://vov4.vov.gov.vn/TV/chuyen-muc/dak-lak-phong-chong-buon-ban-trai-phep-dong-va-voang-da-c1579-222439.aspx>, truy cập ngày 30/9/2021.

- Hoạt động kinh doanh ăn uống các món ăn từ động vật hoang dã tuy không công khai, nhưng vẫn diễn ra trên địa bàn các tỉnh ở Tây Nguyên phục vụ thực khách là người dân bản địa và thậm chí là khách du lịch. Một số loài dễ bị săn bắt, giết thịt như heo rừng, chim rừng, cheo, dúi, chồn, ba ba, nhím, nai,...³

IV. GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

1. Các nhóm giải pháp

1.1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ động vật hoang dã trên các phương tiện truyền thông đại chúng: báo, đài, truyền hình trung ương và địa phương, trên không gian mạng.

b) Thực hiện các biện pháp tuyên truyền tại chỗ, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cộng đồng người dân, doanh nghiệp và khách du lịch trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên.

c) Tăng cường vai trò của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên du lịch, người dân làm du lịch và cán bộ kiểm lâm, cán bộ VQG, KBTTN trong công tác tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã cho khách du lịch đến tham quan, du lịch tại các VQG, KBTTN.

1.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý

a) Thống nhất về chủ trương, chính sách và cơ chế tạo thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái tại các VQG, KBTTN của 5 tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên. Thống nhất về các loại hình, sản phẩm, dịch vụ du lịch được khai thác phát triển; quy mô, phạm vi về không gian được khai thác; các công trình, hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch được xây dựng theo quy định của pháp luật.

b) UBND các tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên cần nghiên cứu, ban hành các chính sách, cơ chế tạo thuận lợi cho khai thác, phát triển du lịch tại các VQG, KBTTN theo hình thức xã hội hoá như cho thuê môi trường rừng, phối hợp công tư (PPP), đảm bảo nguyên tắc bảo tồn để phát triển, phát triển để phục vụ công tác bảo tồn.

c) Có chính sách, cơ chế thích hợp để khuyến khích, tạo thuận lợi và hỗ trợ cộng đồng địa phương sinh sống trong vùng đệm các VQG, KBTTN tham gia làm du lịch, phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao mức sống của cộng đồng nhằm giảm thiểu các hoạt động săn bắn, bắt, bẫy động vật hoang dã; đồng thời, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ động vật hoang dã.

³ Theo Pháp luật và Đời sống Online, tại website: <https://www.doisongphapluat.com/tieng-keu-cuu-cua-dong-vat-hoang-da-o-tay-nguyen-a30584.html>

d) Tăng cường phối hợp liên ngành, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn, đặc biệt là các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở bán hàng lưu niệm cho khách du lịch. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tiêu thụ động vật hoang dã và các sản phẩm làm từ động vật hoang dã.

1.3. Phát triển sản phẩm

a) Xác định “du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã” là một trong những sản phẩm du lịch đặc thù của vùng Tây Nguyên cần được ưu tiên nghiên cứu, phát triển.

b) Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái là chủ đạo tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên.

c) Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng gắn với giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc bản địa sinh sống tại vùng đệm và khu vực lân cận với các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

d) Nghiên cứu, phát triển một số loại hình du lịch nghỉ dưỡng núi, nghỉ dưỡng rừng, nghỉ dưỡng hồ tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và khu vực phụ cận.

1.4. Phát triển thị trường

a) Tiếp tục chú trọng phát triển thị trường khách nội địa:

- Tập trung khai thác hai phân khúc thị trường khách lớn: Hà Nội và các thành phố lớn khu vực miền Bắc; thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn khu vực miền Nam.

- Chú trọng khai thác thị trường khách đến từ các vùng lân cận như Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam trung Bộ và Đông Nam Bộ do lợi thế gần về vị trí địa lý, giao thông kết nối thuận tiện và khách từ các vùng này chủ yếu ở khu vực ven biển, đồng bằng, có nhu cầu, sở thích cao đối với các sản phẩm du lịch của Tây Nguyên nói chung và tại các VQG, KBTTN nói riêng.

- Quan tâm phát triển thị trường khách nội tỉnh và khách nội vùng; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân Tây Nguyên được du lịch, tham quan, khám phá, trải nghiệm các hoạt động du lịch tại các VQG, KBTTN trên địa bàn.

- Tăng cường khai thác phân khúc thị trường khách trẻ tuổi (18-30 tuổi) có sở thích khám phá thiên nhiên, trải nghiệm du lịch vùng cao, thường đi du lịch theo nhóm bạn, du lịch một mình (alone travel) hay du lịch phượt.

- Chú trọng khai thác, thu hút khách từ phân khúc thị trường gắn với các nhóm nghề nghiệp liên quan đến nông lâm nghiệp, sinh học, địa lý, môi trường. Nhóm đối tượng khách này chủ yếu là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, sinh viên địa học chuyên ngành đến từ các cơ quan, tổ chức nghiên cứu; tổ chức xã hội nghề nghiệp; các hội nghề nghiệp; tổ chức thiện nguyện; các trường đại học, viện nghiên cứu. Các hoạt động du lịch chủ yếu kết hợp với nghiên cứu, trao đổi, hội nghị, hội thảo chuyên ngành liên quan đến hệ sinh thái rừng và các hệ động thực vật tại VQG, KBTTN.

- Quan tâm hơn nữa đối với nhóm đối tượng khách du lịch là học sinh các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, thông qua liên kết, hợp tác với các nhà trường.

b) Tăng cường khai thác, phát triển thị trường khách quốc tế:

- Ưu tiên khai thác, phát triển thị trường khách Âu - Mỹ, Úc và Niu-Di-lân do đây là những thị trường khách ưa thích đối với các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch gắn với thiên nhiên, du lịch văn hóa gắn với đặc sắc văn hóa các dân tộc vùng cao, đặc biệt là không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

- Tiếp tục tăng cường khai thác khách Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao) do đây là những thị trường gần và là thị trường truyền thống của du lịch Việt Nam.

- Đẩy mạnh khai thác thị trường ASEAN, đặc biệt là thị trường một số nước có khoảng cách địa lý gần, có đường biên giới giáp với Việt Nam như Lào, Campuchia, Thái Lan.

1.5. Nhóm giải pháp về ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Ứng dụng công nghệ phục vụ công tác đảm bảo an ninh rừng; công nghệ theo dõi, định vị động vật hoang dã tại các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt để kịp thời phát hiện, khắc phục những sự cố ảnh hưởng xấu đối với động vật hoang dã.

b) Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ GIS (hệ thống thông tin địa lý), công nghệ cảnh báo sớm nguy cơ cháy rừng,... phục vụ công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng.

c) Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), công nghệ 3D, 360⁰, trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT),... phát triển một số sản phẩm công nghệ và hỗ trợ trải nghiệm cho khách du lịch khi đến thăm quan tại các VQG, KBTTN.

1.6. Nhóm giải pháp về hợp tác, liên kết

a) Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (như Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế - IUCN, Tổ chức quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam - WWF), các tổ chức về bảo vệ động vật hoang dã (như Hiệp hội bảo vệ động vật thế giới - WSPA), các Quỹ hỗ trợ phát triển và các tổ chức phi chính phủ khác trong hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ động vật hoang dã và phát triển du lịch. Tranh thủ nguồn hỗ trợ phát triển từ các dự án của các tổ chức này để thúc đẩy phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên.

b) Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng giữa Tây Nguyên với Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ; liên kết địa phương giữa 5 tỉnh Tây Nguyên; liên kết, hợp tác giữa các VQG, KBTTN trên địa bàn Tây Nguyên. Các hình thức hợp tác, liên kết gồm:

c) Chú trọng liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo các bậc học từ phổ thông đến đại học, lồng ghép các chương trình thực tế tìm hiểu thiên

nhiên và có trách nhiệm với bảo vệ động vật hoang dã; tổ chức các tour tham quan, dã ngoại tại các VQG, KBTTN ở Tây Nguyên, tăng cường trải nghiệm cho học sinh sinh viên. Đồng thời, phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học tổ chức các hoạt động du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo và các hoạt động nghiên cứu, thực tập, kiến tập chuyên ngành.

2. Một số khuyến nghị chính sách

a) Đối với Chính phủ

Đề xuất Chính phủ có chủ trương về việc xây dựng 01 “Khu bảo tồn bán hoang dã” tại Tây Nguyên, thực hiện chức năng: cứu hộ và bảo tồn các loài động vật hoang dã, thu mua lại các loài động vật hoang dã đang được nuôi, nhốt tại các hộ gia đình, cộng đồng bản địa (như voi thuần chủng); nghiên cứu về động vật hoang dã; kết hợp với phát triển du lịch thăm, xem, tìm hiểu về động vật hoang dã.

Địa điểm được đề xuất xây dựng “Khu bảo tồn bán hoang dã” tại VQG Yok Don do đây là khu vực có nhiều cá thể voi thuần chủng và đặc điểm tự nhiên của VQG Yok Don là rừng Khộp nên rất thích hợp với bảo tồn voi.

b) Đối với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục có những đề nghị cụ thể đối với Chính phủ trong việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch; chú trọng tới các dự án bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ động vật hoang dã vùng Tây Nguyên.

Ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về phát triển một số loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm; có những điều khoản, hướng dẫn rõ ràng đối với phát triển các loại hình du lịch này tại các VQG, KBTTN.

Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể đối với vấn đề cho thuê môi trường rừng phục vụ phát triển du lịch.

Có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, các chương trình, nhiệm vụ cấp Bộ, cấp Quốc gia có liên quan đến phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã áp dụng cho vùng Tây Nguyên.

Phối hợp với UBND các tỉnh Tây Nguyên tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch chung cho toàn Vùng, đồng thời, có các chương trình xúc tiến quảng bá du lịch chuyên biệt đối với du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên.

Có cơ chế hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên sinh sống tại vùng đệm của các VQG, KBTTN; hỗ trợ đào tạo, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ, ý thức, nhận thức của cộng đồng đối với phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã.

c) Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên

Ưu tiên hỗ trợ ngân sách trong đầu tư cho các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng giao thông, các công trình phục vụ du lịch sinh thái, tôn tạo những cảnh quan thiên nhiên để đưa vào khai thác du lịch, tạo thuận lợi cho phát triển du lịch tại các VQG, KBTTN. Từ đó, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư tham gia cùng thực hiện các dự án phát triển du lịch sinh thái.

Khuyến khích và có những ưu đãi để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch sinh thái; khuyến khích và ưu đãi phát triển du lịch cộng đồng, ưu tiên đặc biệt ở các buôn, làng vùng sâu, vùng xa, sinh sống tại vùng đệm của các VQG, KBTTN; hỗ trợ đào tạo năng lực tổ chức kinh doanh du lịch; hỗ trợ về hạ tầng du lịch ở các điểm du lịch cộng đồng.

Có cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi hơn nữa đối với khách du lịch quốc tế khi vào những điểm tham quan đa dạng sinh học trong rừng, đặc biệt là trong khu vực vùng biên giới.

Điều tiết các nhà máy thủy điện phía thượng nguồn các con sông chảy qua địa phận các VQG, KBTTN đảm bảo dung lượng và xả nước hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch trong khu vực hạ lưu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch (2013), *Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội*, dự án do Liên minh châu Âu (EU) tài trợ.
- [2] Dương Thị Hồng Nhung (2010), “Giải pháp nhằm phát triển du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam”, *Tạp chí Thương mại*, số 36/2010, tr.7-9.
- [3] Thúy Hằng, Phạm Phương (2013), *Du lịch có trách nhiệm*, tại website của Tổng cục Du lịch: <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/11305> truy cập ngày 38/8/2021.
- [4] Phạm Trương Hoàng (2016), “Du lịch có trách nhiệm: từ nhận thức tới hành động”, *Tạp chí Du lịch*, số tháng 11/2016.
- [5] Mai Hiên (2017), “Du lịch có trách nhiệm - hướng đi bền vững của các doanh nghiệp lữ hành Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, số 19/2017, tr.64-72
- [6] Camilleri, M. A. (2016), “Responsible tourism that creates shared value among stakeholders”, *Tourism Planning & Development*, 13(2), 219-235.
- [7] Chettiparamb, A., & Kokkranikal, J. (2012), “Responsible tourism and sustainability: the case of Kumarakom in Kerala, India”, *Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events*, 4(3), 302-326.
- [8] David A. Fennell (2008), “Responsible Tourism: A Kierkegaardian Interpretation”, *Tourism Recreation Research*, Volume 33, 2008 - Issue 1.
- [9] The Cape Town Conference (2002), *Cape Town Declaration on Responsible Tourism*, Cape Town - Republic of South Africa, August-2002.
- [10] UNWTO (2020), *International Tourism Highlights*.

BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI VƯỜN QUỐC GIA BIDOUP - NÚI BÀ

TS. Lê Văn Hương

Giám đốc Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà

1. Thông tin chung về Vườn Quốc Gia Bidoup – Núi Bà

1.1. Lịch sử hình thành

Năm 1932: Khu Bảo tồn Langbiang

Năm 1986: Khu rừng cấm quốc gia.

Năm 1992: Rừng đặc dụng.

Năm 2002: Khu BTTN

Năm 2004: Vườn quốc gia 69.663 ha;

Năm 2015: Khu DTSQ TG Langbiang.

Năm 2018: Vườn di sản ASIAN

Trung tâm Hành chính – dịch vụ: Tiểu khu 97, xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng

Văn phòng đại diện: % E Trần Hưng Đạo TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Website: <http://bidoupnuiba.gov.vn>

Email: bidoupnuiba@gmail.com

1.2. Các giá trị đặc biệt

(1) Là vùng cảnh quan đa dạng sinh học có giá trị toàn cầu.

(2) Một trong 4 trung tâm đa dạng sinh học ở Việt Nam;

(3) Khu vực ưu tiên bảo vệ số 1 (SA3) trong chương trình bảo tồn các dãy núi chính Nam Trường Sơn.

(4) Là một trong 221 vùng chim quan trọng của thế giới [EBA]

(5) Vương quốc của các loài hoa lan Việt Nam.

(6) Là vùng rừng nguyên vẹn cho ĐDSH của khu hệ thú

(7) Vùng địa lý sinh học của các loài hạt trần.

(8) Nơi hình thành hai dòng sông huyền thoại là Sông Đồng nai và Sông Serepok.

(9) Là vùng lõi của Khu DTSQ thế giới Langbiang (2015) và là Vườn di sản ASIAN (2018).

1.3. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở VQG Bidoup-Núi Bà.

Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà là là vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang đã được UNESCO công nhận từ 2015 và là Vườn di sản ASIAN công nhận 2018. Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà có tiềm năng lớn về du lịch khi phân tích các giá trị về tài nguyên du lịch như địa hình, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái rừng bao gồm các giá trị về cảnh quan và đa dạng sinh học trong không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận. Đặc biệt là Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà ở trung tâm của cao nguyên Langbiang, nằm cạnh thành phố Đà Lạt là một trung tâm du lịch quốc gia và nằm trong tam giác phát triển du lịch TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt và TP Nha Trang.

1.4. Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch tự nhiên: Địa vị trí; địa hình; khí hậu, rừng và đa dạng sinh học;

Các cảnh quan đặc biệt như đỉnh núi Bidoup; Langbiang; hồ Đankia-Đà Lạt; rừng thông; thác nước trên sông K'rong No; khu rừng thông hai lá dẹt đại cổ thụ; khu rừng nguyên sinh Núi Hòn giao...

Tài nguyên du lịch nhân văn: Các giá trị văn hóa của Đà Lạt; văn hoá bản địa của người K'ho;

Thương hiệu: Công viên quốc gia, Khu Dự trữ sinh quyển, Vườn di sản ASIAN, Green list.

2. Bảo tồn động vật hoang dã và du lịch.

2.1. Quy hoạch các phân vùng chức năng du lịch.

Mục đích:

Xác định phân khu ưu tiên cho bảo tồn và du lịch. Xây dựng nguyên tắc phát triển du lịch trong các phân khu chức năng.

Nội dung:

- Phân khu ưu tiên bảo tồn, hạn chế các hoạt động du lịch: 48.737 ha.

Là khu vực ưu tiên cho các hoạt động bảo tồn để bảo vệ nguyên vẹn hệ sinh thái tự nhiên như mẫu chuẩn quốc gia và du lịch sinh thái chỉ là kết hợp

- Phân khu phát triển du lịch sinh thái: 8.603 ha.

Là khu vực phát triển các hoạt động du lịch sinh thái kết hợp với việc quản lý bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có nhằm khôi phục các hệ sinh thái rừng vì mục đích bảo tồn. Hạn chế xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch trong phân khu này.

- Phân khu dịch vụ du lịch: 8.707 ha.

Là khu vực để xây dựng các công trình làm việc của Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà, các cơ sở nghiên cứu - thí nghiệm, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí, kết nối các tuyến, điểm, khu du lịch sinh thái trong VQG.

2.2. Phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn động vật hoang dã.

- Không sử dụng các mẫu vật của động vật hoang dã.

- Sử dụng hình ảnh của các loài động vật hoang dã.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông minh.

- Mỗi loài là một câu chuyện được mã hóa trên nền tảng số.

- Xây dựng nền tảng kỹ thuật số phục vụ du lịch.

- Khẩu hiệu chung là đem cả thế giới hoang dã vào túi của bạn 24/24 giờ mọi lúc mọi nơi.

3. Trở ngại.

- Việc sử dụng động vật hoang dã để kinh doanh du lịch luôn có lợi nhuận cao tuy nhiên chi phí đầu tư lớn.

- Cơ sở pháp lý cho việc sử dụng động vật hoang dã phục vụ mục tiêu du lịch chưa đầy đủ.

- Việc sử dụng động vật hoang dã để kinh doanh du lịch luôn luôn đối diện với các quan niệm về đạo đức đối với đa dạng sinh học.

- Sự khó tiếp cận của các nhà đầu tư cũng là lực cản để phát triển du lịch có trách nhiệm với bảo tồn động vật hoang dã.

4. Đề xuất.

Tuân thủ hướng dẫn của CBD về du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 32)

Các hướng dẫn quốc tế cho các hoạt động có liên quan đến phát triển du lịch bền vững ở các hệ sinh thái ven biển, biển, và đất liền dễ bị tổn thương và các sinh cảnh có tầm quan trọng chính cho đa dạng sinh học và các khu bảo tồn, bao gồm các hệ sinh thái ven sông và trên núi. Xuất bản bởi Ban Thư Ký Công Ước Đa Dạng Sinh học, Montreal 2004. Bản quyền Ban Thư Ký Công Ước Đa Dạng Sinh học. ISBN: 92-807-2468-1

Các Hướng dẫn này được xem như là một công cụ thực tiễn cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho những người làm chính sách, những người ra quyết định và những nhà quản lý có trách nhiệm trong lãnh vực du lịch và/hoặc đa dạng sinh học, ở cấp chính quyền địa phương hay cấp quốc gia, khu vực tư nhân, các cộng đồng địa phương và bản địa, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác, về những cách hợp tác giữa các bên có liên quan trong lĩnh vực du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học./.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VƯỜN QUỐC GIA YOK DON

Trần Đức Phương

Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ Vườn quốc gia Yok Don

Du lịch sinh thái là một trong những hoạt động của Vườn quốc gia Yok Don, mà lợi ích từ nó mang lại đáp ứng được mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, môi trường sinh thái, tính đa dạng sinh học và kinh tế đã được khẳng định và đưa vào Phương án Quản lý, Bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Yok Don giai đoạn 2021-2030.

Trong thời gian qua, Vườn quốc gia Yok Don đã triển khai thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái như: Tìm hiểu về Vườn quốc gia Yok Don, hệ sinh thái rừng Khộp (rừng thưa cây lá rộng rụng lá theo mùa) đặc trưng của Tây Nguyên và Đông Nam Á, về sự đa dạng, phong phú những loài động, thực vật quý hiếm cần được bảo vệ, bảo tồn duy trì trong tự nhiên; tìm hiểu những nét văn hóa của các dân tộc địa phương, di tích lịch sử tại địa phương, trải nghiệm cùng voi trong môi trường tự nhiên dưới tán rừng khộp, trải nghiệm một ngày cùng kiểm lâm giám sát đa dạng sinh học, du lịch khám phá thiên nhiên, đi thuyền ngắm cảnh trên sông Srêpôk với những thác ghềnh hùng vĩ, dã ngoại, đi xe đạp địa hình, xem động vật hoang dã, lửa trại, công chiêng, học và tự làm những món ăn của người đồng bào dân tộc địa phương (Homestay), cắm trại, mắc võng ăn, nghỉ dưỡng trong rừng, các dịch vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường... nhằm hướng đến các mục tiêu chính: Hiểu biết về điểm đến và những trải nghiệm thực tiễn để góp phần vào nhận thức cũng như tuyên truyền rộng rãi đến mọi người; Có nguồn thu nhập góp phần cho việc bảo tồn, giúp người dân địa phương có thu nhập, có công ăn việc làm từ đó góp phần ổn định đời sống, ổn định an ninh trật tự, chính trị xã hội trên địa bàn biên giới; Tuyên truyền giáo dục môi trường nâng cao nhận thức của con người đến việc bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và các loài động vật hoang dã.

Hoạt động du lịch sinh thái trong thời gian qua đã tạo mối quan hệ hợp tác giữa Vườn quốc gia Yok Don với cộng đồng địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội, tạo công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc địa phương và nâng cao nhận thức trong công tác bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ động vật hoang dã. Thông qua các chương trình du lịch sinh thái đã giúp cho công tác bảo tồn thiên nhiên bảo vệ môi trường được tốt hơn nhờ lợi ích từ hoạt động du lịch đem lại, khách du lịch và những người dân sinh sống trong và vùng đệm hiểu rõ được giá trị của tài nguyên thiên nhiên, những danh lam thắng cảnh và những công việc Vườn quốc gia Yok Don đã và đang làm trong công tác bảo tồn thiên nhiên; thông qua những hoạt động du lịch sinh thái sẽ góp phần tuyên truyền việc bảo tồn đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Yok Don, từ đó góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực tới tài nguyên thiên nhiên, nâng cao nhận thức nói không với các chế phẩm từ động vật hoang dã.

Cộng đồng dân cư tại địa phương sinh sống xung quanh Vườn quốc gia Yok Don hiện rất nghèo, thiếu đất sản xuất, có đời sống phụ thuộc nhiều vào việc khai thác tài nguyên rừng thiếu bền vững, việc phát triển du lịch sinh thái với sự tham gia của người dân sinh sống ở quanh Vườn quốc gia Yok Don là một trong những giải pháp tối ưu để giúp cho người dân phát triển kinh tế bền vững, từ đó sẽ giảm thiểu tác động tiêu cực tới nguồn tài nguyên thiên nhiên; góp phần quan trọng vào xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên tuyến biên giới tại địa phương.

Giáo dục môi trường là hoạt động quan trọng nhằm truyền đạt những thông tin đến cộng đồng hiểu được bản chất của môi trường thiên nhiên, sự cần thiết trong công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học để từ đó giúp con người có những hành vi đối xử “thân thiện” hơn đối với môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Xác định được những đối tượng trọng tâm, những đối tượng có tầm ảnh hưởng lớn đến công tác bảo tồn đó là tầng lớp học sinh, khách tham quan du lịch và cộng đồng người dân sống trong vùng đệm của Vườn. Từ đó, chủ động tuyên truyền trực tiếp cho khách tham quan du lịch thông qua việc, giám sát hoạt động, hướng dẫn, giới thiệu về giá trị tài nguyên và tuyên truyền qua các bảng nội quy, tờ rơi... được đặt ở các điểm du lịch khách đến tham quan, từ đó từng bước gieo vào trong suy nghĩ của từng người, từng bước tích lũy hình thành nên ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. Các đối tượng khách thăm quan du lịch, các em học sinh, sinh viên sẽ là “hạt nhân” tạo ra sức lan tỏa rộng khắp cộng đồng. Vì vậy, giáo dục môi trường là giải pháp bảo vệ môi trường thiên nhiên bền vững cho tương lai.

Với những sự nỗ lực trong hoạt động du lịch sinh thái có trách nhiệm gắn với việc bảo vệ động vật hoang dã, trong thời gian qua Vườn quốc gia Yok Don là đơn vị tiên phong đi đầu trong dịch vụ du lịch với mô hình du lịch thân thiện với voi “không cưỡi voi”, nhằm đảm bảo phúc lợi cho voi, tránh sự xung đột xảy ra giữa voi - người mà vẫn đảm bảo được về thu nhập từ hoạt động du lịch có sử dụng voi mang lại. Với sự phối hợp, hợp tác, hỗ trợ của Tổ chức động vật Châu Á (AAF) Bước đầu đã vận động được một số hộ dân trong vùng có sở hữu voi lâu nay dùng voi phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, phục vụ du lịch cưỡi voi, dùng các hoạt động này mà tham gia cùng với Vườn thực hiện mô hình du lịch thân thiện với voi “không cưỡi voi” nhằm đảm bảo phúc lợi cho voi mà vẫn đảm bảo thu nhập từ voi đã được đồng đảo những hộ dân có voi và các cơ quan ban ngành tại địa phương tích cực hưởng ứng.

Đề xuất, kiến nghị

Các cấp, các ngành tạo điều kiện và tăng cường sự hỗ trợ, tạo cơ chế chính sách thuận lợi kêu gọi các nhà đầu tư vào các dự án phát triển du lịch sinh thái trong việc Liên doanh liên kết, thuê môi trường rừng để hoạt động du lịch sinh thái.

Ưu tiên hỗ trợ ngân sách trong đầu tư cho các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng giao thông, các

công trình phục vụ du lịch sinh thái, tôn tạo những cảnh quan thiên nhiên để đưa vào khai thác du lịch, tạo thuận lợi cho phát triển du lịch tại các điểm du lịch trong Vườn quốc gia Yok Don. Từ đó tạo nên môi trường tốt để thu hút các nhà đầu tư tham gia cùng thực hiện các dự án phát triển du lịch sinh thái.

Khuyến khích và có những ưu đãi để kêu gọi xã hội hóa các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch sinh thái; khuyến khích và ưu đãi phát triển du lịch cộng đồng, ưu tiên đặc biệt ở các buôn, làng vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ đào tạo năng lực tổ chức kinh doanh du lịch; hỗ trợ về hạ tầng du lịch ở các điểm du lịch cộng đồng.

Có những cơ chế tạo môi trường thuận lợi hơn nữa đối với khách du lịch quốc tế khi vào những điểm trong rừng, đặc biệt là trong khu vực vùng biên giới./.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI CAO NGUYÊN KON HÀ NỪNG TỈNH GIA LAI

Ông Nguyễn Đức Hoàng

Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Gia Lai

Cao nguyên Kon Hà Nừng tỉnh Gia Lai vừa được Hội đồng Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB-ICC) công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, với hệ sinh thái đặc trưng là rừng kín nhiệt đới thường xanh cây lá rộng, rừng kín nhiệt đới thường xanh cây lá kim, rừng thưa thường xanh cây lá rộng, rừng thưa thường xanh lá kim, thảm cây bụi, trảng cỏ và các khu vực đất nông nghiệp, khu dân cư có tính đa dạng sinh học cao, đặc trưng cho hệ sinh thái rừng của các tỉnh Tây Nguyên.

Khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng trải rộng trên diện tích 413.511,67 ha, được khoanh vùng thành 3 vùng chức năng gồm 2 vùng lõi là Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng; vùng đệm và vùng chuyển tiếp. Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh được biết đến là khu vực đa dạng sinh học rất cao, là nơi cư trú cuối cùng của một số loài có ý nghĩa quan trọng ở cấp độ toàn cầu. Có thể kể đến các loài thực vật như trầm hương, sao hải nam hay động vật như voọc chà vá chân xám, vượn đen má hung Trung Bộ, gà tiền mặt đỏ, hồng hoàng... Vùng lõi Kon Chư Răng có hệ sinh thái đa dạng, độc đáo, với kết quả điều tra, khảo sát thực địa đến năm 2018 và kế thừa số liệu công bố trước đây đã xác định có 881 loài và dưới loài thuộc 547 chi, 162 họ thực vật của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong số 228 loài chim được ghi nhận có 20 loài thuộc 11 họ và 10 bộ có giá trị bảo tồn ở mức quốc gia và toàn cầu, chiếm 8,8% tổng số các loài được ghi nhận. Lớp thú có 29 loài thuộc 12 họ và 5 bộ có giá trị bảo tồn ở mức quốc gia và toàn cầu, chiếm 36,3% tổng số các loài được ghi nhận. Nhiều loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007)". Chính vì vậy Khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế-xã hội và duy trì sự cân bằng sinh thái của không chỉ khu vực Tây Nguyên và mà cả khu vực Trung Trung Bộ và Đông Nam Bộ của Việt Nam".

Khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng còn chứa đựng kho tàng di sản văn hóa phong phú và đặc sắc với nhiều đặc trưng nổi bật về các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống tại đây. Nơi đây còn có rất nhiều cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, với hệ thống nhiều suối, thác nước đẹp như đỉnh Kon Ka Kinh cao 1.748m là nóc nhà của cao nguyên Pleiku, bãi Đá trắng, thác 95, thác Nàng tiên... tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh; thác 3 tầng, thác 50, thác Trại Dầm, thác 5 tầng, thác Tóc Tiên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng. Với hệ động thực vật đa dạng và phong phú, cùng với nhiều phong cảnh đẹp và nhiều di tích văn hóa lịch sử, nơi đây góp phần cho việc tìm hiểu tài nguyên rừng, khám phá môi trường thiên nhiên... tạo điều kiện cho việc hấp dẫn du khách, đồng thời có tác dụng giáo dục hướng nghiệp lâm nghiệp để du khách có ý thức hơn về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

Nắm bắt được xu hướng phát triển của ngành công nghiệp không khói cùng với tiềm năng du lịch sẵn có, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thử nghiệm các loại hình du lịch sinh thái như: Tham quan, trải nghiệm, kết hợp nghỉ dưỡng và nghiên cứu khoa học... bước đầu đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Trong những năm qua mặc dù số lượng khách đến tham quan còn khiêm tốn nhưng với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các các loại hình dịch vụ kèm theo đã làm đa dạng các sản phẩm du lịch chung của tỉnh làm lôi cuốn nhiều đối tượng khách: khách phượt, học sinh, sinh viên và đặc biệt khách nước ngoài...

Thời gian đến, để tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị quý giá về đa dạng sinh học của của Khu dự trữ này, tỉnh đã có cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của UNESCO nhằm đảm bảo các tiêu chí và chức năng của một khu dự trữ sinh quyển, biến Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng thành mô hình phát triển kinh tế-xã hội bền vững của địa phương, kết nối hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, nâng cao chất lượng cuộc sống, giáo dục và nghiên cứu khoa học. Tạo tiền đề để các địa phương xây dựng mô hình phát triển kinh tế-xã hội bền vững, bao trùm của địa phương mình, gắn kết hài hòa con người và thiên nhiên, kết hợp cân bằng giữa bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển kinh tế-xã hội và sinh kế của người dân, điều này càng đặc biệt quan trọng trong nỗ lực phục hồi và phát triển sau đại dịch COVID-19, đồng thời mở ra cơ hội đầu tư phát triển bền vững, tạo điểm tham quan hấp dẫn với loại hình du lịch sinh thái cho du khách trong và ngoài nước, góp phần tăng trưởng kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội được đảm bảo..../.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VƯỜN QUỐC GIA TÀ ĐÙNG - ĐẮK NÔNG

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông

Tỉnh Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên, là tỉnh có điều kiện khí hậu mát mẻ quanh năm, có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, địa hình thung lũng, núi, đồi xen kẽ những cánh rừng nguyên sinh, những con sông, con suối, ngọn thác với nhiều thắng cảnh hùng vĩ, hữu tình tạo thành thế mạnh để tỉnh phát triển loại hình du lịch sinh thái. Đắk Nông có Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, trải dài trên địa bàn 6 huyện, thành phố: Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk Glong và thành phố Gia Nghĩa, với hệ thống hang động còn nguyên nét hoang sơ và kết cấu độc đáo, ẩn chứa nhiều bí mật về sự thành tạo, các tổ hợp khoáng vật, đa dạng sinh học và di chỉ khảo cổ với các dấu tích cư trú của các bộ lạc thời tiền sử cách đây khoảng 6000 – 7000 năm. Bên cạnh đó, Đắk Nông có nhiều khu vực có hệ động, thực vật phong phú như: Vườn Quốc gia Yok Đôn, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Rừng đặc dụng Dray Sáp, Khu bảo tồn thiên nhiên Nâm Nung,... Trong đó nổi bật nhất là Vườn Quốc gia Tà Đùng (huyện Đắk G'Long) với nhiều ốc đảo lớn, nhỏ và các hệ sinh thái rừng, hệ động, thực vật rừng phong phú bao gồm cả nguồn gen quý hiếm, đặc hữu.

Vườn Quốc gia Tà Đùng thuộc xã Đắk Som, huyện Đắk G'Long, với diện tích 22.103ha, nằm ở độ cao trung bình 980m, có đỉnh cao 1.982m luôn có mây phủ quanh năm, là nơi cư ngụ của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ như M'ông, Mạ, K'ho lưu giữ nhiều phong tục, tập quán, lễ hội dân gian độc đáo. Nơi đây có nhiều thắng cảnh đẹp, trong đó nổi bật nhất là có hệ thống sông Đồng Nai; công trình thủy điện, hồ: Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4, khi tích nước, diện tích mặt hồ thủy điện Đồng Nai 3 khoảng 5.600 ha, hình thành khoảng 36 hòn đảo tuyệt đẹp giữa đại ngàn, trong đó có nhiều đảo lớn rất thuận lợi cho việc đầu tư phát triển du lịch sinh thái, du thuyền thưởng thức cảnh quan, câu cá thư giãn, khám phá thảm thực vật. Tà Đùng còn có hệ động thực vật phong phú và đa dạng. Với hệ thống thảm thực vật khổng lồ, độ che phủ đạt 85% diện tích lõi của Vườn quốc gia, bao gồm rừng nguyên sinh 48%, rừng thứ sinh 36%. Có hệ sinh thái đa dạng và sinh cảnh thích hợp cho nơi cư trú, sinh trưởng và phát triển của các loài động, thực vật quý hiếm.

Theo kết quả các tài liệu liên quan đến đánh giá, điều tra đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Tà Đùng được kế thừa từ kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra đánh giá đa dạng sinh học Khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng từ năm 2011 đến năm 2013 (theo Quyết định số 2158/QĐ-UBND, ngày 12/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông) đã xác định được tại Vườn Quốc gia Tà Đùng có 574 loài động vật thuộc 38 bộ và 129 họ, trong đó có 37 trong số 88 loài thú quý hiếm cần được bảo vệ, chiếm gần một nửa số thú ở Tà Đùng. Có nhiều loài nằm trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới như: nai, cà toong, báo hoa mai, các loài linh trưởng, công, trĩ... Trong các loài thú quý hiếm, Tà Đùng có 03 loài thú

đặc hữu của Việt Nam là: Voọc bạc trung bộ, Vượn má hung, Chà vá chân đen. Đặc biệt, Tà Đùng là một trong ba khu bảo tồn của Việt Nam có hươu vàng hay hươu đầm lầy, loài đặc hữu của Đông Dương và Thái Lan, đang có nguy cơ tuyệt chủng do giảm môi trường sống và bị săn bắt. Vườn quốc gia Tà Đùng cũng là một trong bốn vùng chim đặc hữu của Việt Nam, chiếm tới 1/8 số loài chim của Việt Nam và là một trong 222 vùng chim đặc hữu của thế giới. Trong danh sách 202 loài chim, có 15 loài nằm trong Sách đỏ. Các loài chim tiêu biểu như: Gà lôi vằn, Gà tiền mặt đỏ, Chim trĩ, chim công, gà lôi lam mào trắng; các loài Khướu đặc hữu có vùng phân bố hẹp như: Khướu đầu đen, Khướu ngực đỏm, Khướu mỏ dài. Các loại bò sát, ếch nhái có tổng số 87 loài, trong đó: 49 loài bò sát, 38 loài ếch nhái; Nhóm côn trùng, bước đầu ghi nhận được 153 loài thuộc 09 họ, 01 bộ, trong đó có 04 loài trong Sách đỏ Việt Nam. Trong đó có nhiều loài bướm đẹp. Đặc biệt, có loài Bướm phượng đuôi nheo là loài mới được bổ sung vào Sách đỏ Việt Nam và loài Bướm phượng ba mảnh xanh ngọc cũng chỉ gặp ở vùng này, trong các đai có độ cao dưới 700m và gần các con suối.

Với nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú, năm 2014 tỉnh đã quy hoạch Khu du lịch sinh thái – văn hóa Tà Đùng với tổng diện tích quy hoạch 225,32ha, gồm các chuỗi sản phẩm du lịch: vui chơi giải trí hồ đảo; vui chơi giải trí cùm thác dưới tán rừng; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch sinh thái kết hợp lưu trú nghỉ dưỡng trong rừng nguyên sinh và du lịch tín ngưỡng. Bên cạnh đó, Ban quản lý Vườn Quốc gia Tà Đùng đã chỉ đạo Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường rừng tiếp tục hoàn thiện phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Tà Đùng theo giai đoạn 2021-2030, để có cơ sở xây dựng và thực hiện Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng; Triển khai các hoạt động cho thuê môi trường rừng để phát triển Du lịch sinh thái và xây dựng phương án cụ thể phát triển du lịch nhưng không ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài đặc hữu, quý hiếm, các loài có nguy cơ tuyệt chủng.

Việc khai thác du lịch và bảo tồn thiên nhiên nói chung và bảo tồn động vật hoang dã nói riêng là mối quan hệ cộng sinh. Hoạt động du lịch đem lại nguồn thu và thu nhập từ các hoạt động này sẽ quay lại hỗ trợ cho công tác bảo tồn. Vì vậy, từ những tiềm năng và lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh, đã đề xuất một số định hướng xây dựng sản phẩm du lịch, trong đó có sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng với nhiều hình thức đa dạng gắn với những cảnh quan đẹp, thiên nhiên hoang sơ, khí hậu mát mẻ và Tà Đùng được chọn là điểm nhấn của sản phẩm du lịch này. Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ để thu hút cộng đồng tham gia làm du lịch và phát triển du lịch theo hướng bền vững, hoạt động du lịch mang lại hiệu quả kinh tế, đóng góp cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học cũng như bảo tồn hệ động vật tại Vườn quốc gia Tà Đùng trong tương lai./.

ĐỊNH HƯỚNG SẢN PHẨM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

TS. Hồ Trung Thành

Vụ Lễ hành - Tổng cục Du lịch

Đặt vấn đề

Động vật hoang dã ở Việt Nam có mức độ phong phú và cực kỳ lớn, nhưng chúng ta lại đang đánh mất gần hết và chưa khai thác một cách hiệu quả. Nhận thức của người dân địa phương và cộng đồng xã hội đối với bảo tồn động vật hoang dã còn nhiều hạn chế. Phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với các cánh rừng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ngày càng phát triển và trở thành xu hướng mới. Bên cạnh những đóng góp tích cực về kinh tế và phát triển sinh kế cộng đồng, du lịch đang tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên. Khác du lịch hiện nay không chỉ trải nghiệm, thưởng thức đặc sản, tìm kiếm những món độc và lạ, mà xu hướng khách còn mong muốn tìm hiểu, khám phá, học hỏi, đặc biệt là họ có thể giúp được gì cho cộng đồng tại điểm đến, du khách vừa có nhu cầu đi du lịch vừa có hành động thiết thực giúp cho du lịch phát triển theo hướng bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng địa phương. Bài viết đưa ra cách tiếp cận vấn đề dưới góc độ đánh giá thực trạng tình hình du lịch ở Tây Nguyên để đưa ra định hướng xây dựng sản phẩm du lịch, đồng thời đề xuất định hướng chính sách phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ bền vững các loài động vật hoang dã ở vùng Tây Nguyên.

1. Thực trạng sản phẩm phục vụ du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên

Theo Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO), du lịch gắn với khám phá thế giới động vật hoang dã ngày càng phát triển trên toàn thế giới, ước tính có đến 7% du lịch thế giới liên quan đến du lịch động vật hoang dã, mức tăng trưởng hàng năm khoảng 3%, và ở một số nơi khu di sản thế giới do UNESCO công nhận, tỷ lệ này còn cao hơn nhiều. Mỗi năm trên toàn cầu có khoảng 3 triệu người đi du lịch tham quan động vật hoang dã, thu được khoảng 37 tỷ USD, do động vật hoang dã có nhiều giá trị (công dụng y học, niềm tin tâm linh, trưng bày sưu tập, trào lưu, sinh thái, văn hóa, du lịch...) khiến chúng bị giảm sút quá mức, nhiều loại tuyệt chủng, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống con người. Một nghiên cứu của Traffic năm 2014 cho biết, khách hàng mua nhiều sản phẩm từ động vật hoang dã là người Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông và Đài Loan), Thái Lan, Việt Nam và một số người ở Châu Âu. Đặc biệt là ở khu vực Châu Phi, nơi loại hình du lịch tham quan động vật hoang dã đang diễn ra phổ biến và phát triển rất mạnh nhờ rất nhiều nguồn lợi nhuận mang lại từ động vật. Bên cạnh xu hướng tăng lên của loại hình du lịch động vật hoang dã, còn tiềm ẩn nhiều vụ săn bắt, kinh doanh, buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp. Cảnh báo của Tổ chức Bảo vệ động vật thế giới (WAP) ước tính có hơn 500.000 động vật hoang dã trên toàn cầu, bao gồm voi, lười, hổ và cá heo đang phải chịu khổ sở vì hoạt động du lịch giải trí nuôi nhốt và ở Việt Nam, thiên

nhiên đang bị tàn phá nhiều nhất và có nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng nhiều nhất, theo số liệu cảnh báo của WAP đưa ra trong năm 2007, Việt Nam đã có 7 loài nằm trong danh sách 100 loài bị đe dọa nhất trên thế giới, 407 loài nằm trong Sách đỏ thế giới năm 2010 (IUCN) từ mức độ hiếm đến nguy cấp và đe dọa tuyệt chủng, riêng Tây Nguyên, năm 2010, con tê giác cuối cùng tại Vườn Quốc gia Cát Tiên đã bị sát hại, năm 2018 không tìm thấy dấu vết nào của loài hổ ngoài tự nhiên.

Trong những năm qua, du lịch Tây Nguyên đã có những bước phát triển khá, góp phần đáng kể vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo số liệu thống kê năm 2019, khách du lịch đến các tỉnh Tây Nguyên có sự tăng trưởng nhanh. Cụ thể, khách du lịch đến Lâm Đồng đạt 7.160.000 lượt, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách quốc tế đã đạt 533.000 lượt. Đắk Lắk đón hơn 950.000 lượt khách trong đó gần 10% là khách quốc tế với tổng doanh thu du lịch đạt 1.050 tỷ đồng - tăng 38% so với năm 2018, Gia Lai cũng đã đón 845.000 lượt khách trong năm 2019, tăng gần 26% so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của dịch bệnh Covid-19, trong năm 2020 lượng khách đến với Tây Nguyên giảm đáng kể. Sản phẩm du lịch Tây Nguyên hiện chủ yếu là du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa các di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống, không gian văn hóa cộng đồng phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch như: ở thành phố Đà Lạt phát triển đô thị du lịch nghỉ dưỡng; Khu du lịch Yok Đôn phát triển loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu sinh thái, khám phá mạo hiểm, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, nghỉ dưỡng núi; Khu du lịch Yok Đôn phát triển du lịch tham quan, nghiên cứu sinh thái, khám phá mạo hiểm, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, nghỉ dưỡng núi; Tuyến du lịch Con đường Xanh Tây Nguyên; Tuyến du lịch tìm hiểu không gian văn hóa cộng đồng Tây Nguyên.... Một số sản phẩm du lịch của Tây Nguyên đã từng bước tạo dựng được thương hiệu như: sản phẩm Lễ hội hoa Đà Lạt, Liên hoan cộng đồng quốc tế, Lễ hội cà phê, du lịch bản Đôn.

Ở Tây Nguyên, loại hình du lịch khám phá động vật hoang dã được cho là có rất nhiều lợi thế nhưng phát triển vẫn còn khá khiêm tốn. Sở hữu vùng đất đa sắc tộc, đa văn hóa, có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số thuộc 47 dân tộc khác nhau, nơi giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc còn lưu giữ và bảo tồn những cấu trúc văn hóa mang đặc trưng riêng biệt của mỗi tộc người. Tây Nguyên gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với tổng diện tích 54.641,0 km², chiếm 16,8% diện tích cả nước. Đây không chỉ là một cao nguyên duy nhất mà bao gồm hệ thống cao nguyên liền kề với độ cao trung bình từ 500 - 1.500m. Với 6 Vườn Quốc gia, 5 khu dự trữ thiên nhiên, 3 khu bảo tồn, 2 khu dự trữ sinh quyển, 2 khu bảo vệ cảnh quan, Tây Nguyên được đánh giá có tính đa dạng sinh học bậc nhất trong 200 vùng đa dạng sinh học trên thế giới, với nhiều loài động vật chỉ thị cho môi trường sinh thái toàn cầu. Theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF), Tây Nguyên từng là ngôi nhà lớn nhất ở Việt Nam và khu vực Đông Dương của các loài động vật hoang dã. Ngoài biểu tượng voi, các động vật quý hiếm như: bò xám, bò rừng,

bò tót, tê giác, trâu rừng, nai cà tong, hươu vàng, hươu đầm lầy, cheo cheo (hươu chuột), hổ, báo cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt (cút xanh)... phân bố khá nhiều ở Tây Nguyên. Đặc biệt, các khu rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng Nam Kar (Lắk), Yor Đôn (Buôn Đôn), Ea Sô (Ea Kar), Cư Yang Sin (huyện Krông Bông) của tỉnh Đắk Lắk, Nam Nung (huyện Krông Nô - tỉnh Đắk Nông); Kon Cha Răng và Kon Ka Kinh (được công nhận là Vườn di sản của ASEAN, huyện K'bang - tỉnh Gia Lai) có đàn động vật hoang dã khá phong phú. Hệ thực vật phong phú trên 300 loài, hệ động vật cũng rất phát triển với trên 400 loài thú, 34 loài chim với nhiều loài quý hiếm, trong đó, hệ sinh thái khô hạn là nơi tồn tại nhiều nguồn gen động vật, thực vật quan trọng, trong số 51 loài động vật quý hiếm, 10 loài đặc hữu của Đông Dương, trong hệ sinh thái rừng khộp ở Tây Nguyên phát hiện có tới 38 loài quý hiếm, 5 loài đặc hữu.

Nhưng do thói quen, nhu cầu của con người, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường nên rừng của các tỉnh Tây Nguyên đang bị khai thác quá mức, diện tích bị thu hẹp nhanh, độ che phủ rừng và chất lượng của rừng giảm. Hầu hết các khu rừng đều biến đổi và tính đa dạng sinh học bị suy giảm đáng kể. Suốt thời gian dài, tệ nạn săn bắn chim thú xảy ra liên tục ở tất cả các địa phương. Nhiều động vật quý hiếm bị tàn sát đã giảm số lượng đáng kể. Các loại hổ, báo, gấu sống ở nhiều khu rừng thuộc các vùng Kon Plông, Sa Thầy, Đắk Glei (Kon Tum), Chư Prông, K'bang, Krông Pa, Ia G'rai (Gia Lai), M'Đrắk, Ea Súp, Buôn Đôn, Nam Kar, Nam Nung (Đắk Lắk)... do săn bắn bừa bãi, những động vật quý hiếm bị giảm số lượng khá lớn. Nhiều vùng trước đây có khá nhiều hổ, báo thì nay bị xóa sổ. Ngoài ra, áp lực dân số và đời sống người dân trong vùng còn nghèo, nhu cầu đất sản xuất, gỗ làm nhà, chất đốt ngày càng gia tăng. Thêm vào đó lợi nhuận cao từ việc mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật mang lại, nhu cầu sử dụng gỗ làm nhà của người dân cao nên tạo cơ hội cho các đối tượng là “đầu nậu” đã dùng tiền mua chuộc, xúi dục nhiều thành phần, kể cả phụ nữ và trẻ em cũng tham gia khai thác, vận chuyển gỗ, săn bắt động vật rừng trái phép. Bên cạnh đó, chài rẫy nhiều ở khu vực giáp ranh biên giới là những tụ điểm mà các đối tượng lợi dụng tìm cách xâm nhập vào rừng, Vườn quốc gia, khu bảo tồn để khai thác lâm sản, săn bắt động vật trái phép, trong khi đó chính quyền địa phương chưa có hướng để xử lý tình trạng di dân tự do và định cư bất hợp pháp. Thời gian gần đây, chính quyền các cấp, tổ chức hoạt động xã hội đang cùng người dân, doanh nghiệp tích cực vào cuộc để giải quyết vấn nạn trên.

Đối với các sản phẩm phục vụ phát triển du lịch từ động vật hoang dã ở Tây Nguyên trước đây chỉ liên quan chủ yếu đến hoạt động cưỡi voi, bán các sản phẩm từ voi và săn bắn, ăn thịt thú rừng, nhiều nơi người dân địa phương vì lợi nhuận đã bất chấp để đáp ứng nhiệt tình nhu cầu đặc sản của du khách. Dễ nhận thấy, thịt thú rừng bày bán công khai ở nhiều lễ hội, thị trấn, thị nhím, mật gấu dễ dàng tìm thấy trong các nhà hàng. Dịch vụ cho khách du lịch cưỡi voi ở Tây Nguyên cũng trở thành phổ biến đến mức nhiều người còn không nghĩ đó là hành vi gây hại cho động vật hoang dã. Những tác động đến cảnh quan thiên

nhiên, môi trường và giới động vật không chỉ dừng lại bởi hành động du lịch bóc lột động vật hoang dã do sự phát triển du lịch đại trà, thiếu kiểm soát, tận thu quá ngưỡng chịu tải, mà còn đến từ nhu cầu của khách du lịch đối với các “sản vật lạ” của địa phương như: thực phẩm, thuốc chữa bệnh và đồ trang sức có nguồn gốc bất hợp pháp từ động vật hoang dã, không khó để tìm thấy nanh, vuốt của hổ, gấu, thậm chí sư tử, các sản phẩm mỹ nghệ làm từ ngà voi, đồi mồi, vảy tê tê như: vòng tay, vòng cổ, ấn, lược, nhẫn, mặt phật, trâm cài tóc.

Mặt khác, Tây Nguyên có đường biên giới dài thuận lợi cho việc buôn bán động vật hoang dã, diện tích rừng khá lớn, lực lượng kiểm lâm lại tương đối mỏng nên tình trạng săn bắn, khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp đã và đang diễn ra mạnh mẽ và đe dọa tới đa dạng sinh học. Ngoài ra, tình trạng quản lý chưa thống nhất, chồng chéo giữa các cơ quan chức năng, nhà nước chưa có những quy định cụ thể về quản lý hoạt động du lịch, chưa có mô hình quản lý cụ thể và thống nhất. Một số vườn quốc gia quản lý du lịch thuộc quyền của vườn quốc gia, một số khác lại do các cơ quan địa phương như: Khu du lịch Chư Mom Ray, Kon Ka Kinh, Chư Yang Sin... Việc quản lý du lịch chưa được thống nhất, cách thức phối hợp của các vườn quốc gia và khu bảo tồn với doanh nghiệp và cộng đồng địa phương chưa được xác định cụ thể, phù hợp. Việc chia sẻ lợi ích chưa hợp lý là nguyên nhân gây mâu thuẫn với cộng đồng và làm giảm hiệu quả trong công tác bảo tồn tài nguyên, đa dạng sinh học. Việc chủ động mở rộng liên kết, xúc tiến quảng bá, đầu tư phát triển sản phẩm du lịch hoang dã trong khai thác các thị trường khách trong và ngoài nước đến Tây Nguyên còn yếu.

Như vậy, hoạt động kinh doanh du lịch liên quan đến động vật hoang dã ở Tây Nguyên đang khai thác chưa được tốt, mất dần hệ sinh thái; thiếu kiểm soát đối với phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật; hoạt động chưa đúng quy định, công tác phối hợp giữa các sở, ngành, cơ quan, địa phương và đơn vị liên quan trong thực thi chưa thực sự chủ động và thường xuyên; đặc biệt là ở cơ sở, dẫn đến việc khai thác chưa tương xứng tài nguyên, hủy hoại tài nguyên môi trường, hoạt động du lịch thách thức tính bền vững, kinh doanh thiếu trách nhiệm với môi trường xã hội, tận diệt ở mọi nơi mọi lúc, chưa đảm bảo được hài hòa giữa phát triển du lịch với bảo tồn tài nguyên. Sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan chức năng do diện tích rừng, vườn quốc gia hay khu bảo tồn đang bị chồng lấn trong quản lý, chưa phân rõ trách nhiệm dẫn đến kiểm tra, giám sát không nghiêm, chế tài xử phạt không đủ sức dằn đe nên hiện tượng vi phạm luật vẫn xảy ra thường xuyên. Chưa có quy hoạch cụ thể các khu, điểm phát triển du lịch hoang dã, kế hoạch thực hiện chưa sâu, chưa lâu dài, cụ thể; công tác ngăn chặn chưa dứt điểm mà mới chỉ dừng ở bước tuyên truyền (vẫn coi thú rừng là đặc sản, vẫn còn tổ chức trình diễn xiếc thú, dùng động vật để phục vụ khách du lịch, tổ chức tham quan động vật ngay tại môi trường tự nhiên). Chưa tuyên truyền, lên án làm thay đổi nhận thức cộng đồng, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền, điểm đến và công ty du lịch. Doanh nghiệp du lịch quan tâm nhưng chưa thực sự hành động (làm màu, dán nhãn để câu khách du lịch), chưa

có các hình thức tuyên dương, khuyến khích các mô hình mang lại hiệu quả cao. Ngoài ra, còn phải kể đến nguyên nhân chủ quan do thiếu hiểu biết, kém về chuyên môn nghiệp vụ phục vụ khách du lịch, chưa đánh giá hết tài nguyên, vì hám lợi trước mắt của đơn vị kinh doanh lữ hành, hướng dẫn viên và sự thỏa mãn tính ích kỷ cá nhân của du khách đã cố ý vi phạm, dẫn đến những hậu quả đối với giới tự nhiên, gây nhiều hệ lụy xấu, ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân bản địa, làm mất dần đi hình ảnh thân thiện của điểm đến.

Ngày 11/10/2018, Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới (WTTC) đã thông qua “Tuyên bố Buenos Aires”, khẳng định mạnh mẽ ngành du lịch đang tích cực phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết nạn buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp. Nhiều bên và tổ chức liên quan có ảnh hưởng lớn đối với phát triển ngành du lịch đã ký cam kết và thực hiện Tuyên bố này. Tại Việt Nam, việc quản lý động vật hoang dã được quy định trong Bộ Luật hình sự, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý hoạt động hoang dã.

Thực tế hoạt động bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam vẫn đang bị mất niềm tin từ nhiều phía (con người, kinh tế, văn hóa...). Tuy nhiên, đang có sự thay đổi nhận thức và hành động tích cực của một số tổ chức có trách nhiệm với xã hội và trách nhiệm cho thế hệ tương lai, đã có một số mô hình phát triển du lịch gắn với thiên nhiên và bảo vệ động vật hoang dã phát triển tốt, đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch và gìn giữ tài nguyên đang được triển khai trên toàn quốc nhờ vào cách làm du lịch có trách nhiệm với môi trường như: ở Vườn quốc gia Cát Tiên đã tổ chức tour xem thú đêm ở môi trường tự nhiên, Vườn quốc gia Xuân Thủy tổ chức xem chim di cư, Khu bảo tồn Sơn Trà tổ chức mô hình xem Voọc chà vá, Vườn quốc gia Cúc Phương đã khoán khoán nuôi bảo vệ phát triển rừng cho người dân địa phương, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long đã cho người dân tham gia chèo thuyền để tăng thu nhập sẽ hạn chế săn bắt khai thác tự nhiên và Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông đã tổ chức các khóa đào tạo phát triển du lịch cộng đồng và quảng bá sản phẩm, thông qua liên kết với nhau để cùng chia sẻ những kiến thức, kỹ năng, cách làm du lịch có trách nhiệm, cố gắng không làm ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên. Nhờ những nỗ lực này, các doanh nghiệp du lịch sẽ có nền móng hiểu biết cơ bản về kiến thức khoa học, tại sao không nên làm du lịch tận thu, không nên sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã, tuyên truyền cho khách hàng từ chối những sản phẩm từ động vật hoang dã, góp phần phát triển du lịch có trách nhiệm với cộng đồng, để xây dựng ngành du lịch xanh sạch ở Việt Nam. Du lịch có trách nhiệm, du lịch bền vững hay du lịch xanh đều đi theo một định hướng phát triển bền vững về môi trường sống, là xu hướng của tương lai. Nhận thức được vấn đề đúng đắn về phát triển các sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã sẽ tiết kiệm được tài nguyên, bảo tồn được đa

dạng sinh học, trách nhiệm xã hội được nâng cao, nhận được sự tôn trọng của khách du lịch, cộng đồng về hình ảnh điểm đến, nâng cao được trải nghiệm cho du khách, sản phẩm du lịch được khách hàng biết đến nhiều hơn, phát triển sản phẩm du lịch bền vững sẽ tăng doanh thu đều hàng năm, đảm bảo công ăn việc làm và an sinh xã hội cho cộng đồng địa phương.

2. Định hướng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên

2.1. Về quan điểm

Văn hóa Tây Nguyên gắn bó chặt chẽ với không gian - môi trường tự nhiên đã tồn tại từ ngàn đời - đó là môi trường gắn chặt với rừng, việc bảo vệ rừng nguyên sinh ngoài những khu bảo tồn cần được đặc biệt quan tâm để gìn giữ môi trường phát triển văn hóa cho người dân bản địa. Do đó, phát triển du lịch và bảo tồn tài nguyên rừng phải luôn cân bằng, phát triển du lịch không được đánh đổi môi trường. Động vật hoang dã chỉ có thể sống tốt trong môi trường sinh thái tự nhiên của chúng. Phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên phải được quy hoạch cụ thể, hòa vào thiên nhiên, hướng tới các sản phẩm du lịch có trách nhiệm, bảo tồn hệ sinh thái gắn với đảm bảo an ninh an toàn, an sinh xã hội. Cần xây dựng những kế hoạch và hành động có trách nhiệm về môi trường, kinh tế và xã hội theo nguyên tắc tài nguyên là sở hữu của tất cả các bên có liên quan, các quyết định đưa ra đều ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh nên việc phát triển sản phẩm du lịch phải thực hiện tự giác, có đạo đức và tuân thủ pháp luật, đính kèm chế tài xử lý xác đáng, đủ sức răn đe, có cơ chế giám sát, chịu trách nhiệm về những hành động của mình gây ra, xây dựng nếp sống có ý thức bảo vệ trước cái xấu.

Tây Nguyên là khu vực có nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống, có những nghề thủ công truyền thống rất độc đáo, khung cảnh thiên nhiên còn tương đối nguyên sơ, có vùng núi cao, cao nguyên và rừng nhiệt đới và có nhiều nhóm xã hội thuộc diện nghèo. Vì vậy, khi phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên phải hướng tới giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế xã hội và môi trường, nâng cao phúc lợi cho người dân địa phương, có cơ chế cho phép khuyến khích người dân tham gia vào quyết định có ảnh hưởng tới cuộc sống của họ, luôn đặt ý thức về đóng góp cho việc bảo tồn văn hóa tự nhiên, hệ sinh thái, như vậy sẽ cung cấp cho khách những sản phẩm mang tính trải nghiệm chân thực, thú vị hơn, có nhiều cơ hội để tiếp xúc với du khách nhiều hơn, nâng cao được trách nhiệm của khách du lịch, tăng được doanh thu nhiều hơn, khuyến khích sự tôn trọng giữa khách du lịch và người dân địa phương, tạo dựng niềm tin và tự hào dân tộc cho cộng đồng.

2.2. Về hướng phát triển sản phẩm du lịch

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch thế giới, số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dự kiến sẽ tăng từ 7 - 9%/năm. Riêng 6 nước tiểu vùng sông Mê Kông sẽ đạt tốc độ tăng trưởng khách gần 10% cao hơn mức bình quân chung của khu vực. Trong đó, tỷ lệ số khách du lịch đến với các

vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, hoặc nơi thiên nhiên hoang dã ngày càng tăng là tiềm năng cho du lịch hoang dã Tây Nguyên phát triển. Ngoài ra, dòng khách du lịch nội địa cũng đang có xu hướng chuyển dịch từ các vùng đồng bằng ven biển về các vùng núi cao nguyên, vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên. Tây Nguyên, dự báo có lượng khách du lịch quốc tế chiếm tỷ lệ 10 - 15% chủ yếu là khách trẻ, khách đi tự do và khách nghiên cứu, thị trường khách quốc tế chủ yếu là từ Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc và một số nước thuộc khu vực ASEAN. Lượng khách nội địa được dự báo sẽ chiếm 85 - 90%/năm, gồm khách đến với mục đích kết hợp hoạt động thương mại, văn hóa, thăm các khu bảo tồn, vườn quốc gia, khách nghiên cứu, tìm hiểu thiên nhiên, văn hóa, học sinh, sinh viên ở các trường trong vùng cũng như các khu vực lân cận khác. Vì vậy trên cơ sở tài nguyên, vùng Tây Nguyên cần xác định các Tiêu chí, chỉ số định lượng, nhận diện cụ thể giá trị lợi ích khi xây dựng dòng sản phẩm phục vụ khách du lịch hòa vào thiên nhiên, gắn với bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 hoành hành thì xu hướng du lịch bền vững, hướng đến các vùng cảnh quan đẹp, hòa nhập với môi trường sinh thái tự nhiên ngày càng được du khách trong và ngoài nước ưa thích.

Xây dựng dòng sản phẩm du lịch tham quan khám phá thiên nhiên, nghiên cứu các hệ sinh thái điển hình, đa dạng sinh học với nhiều loài động thực vật quý hiếm vùng Tây Nguyên, như tham quan tại: Vườn Quốc gia YokDon, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô (Đắk Lắk), Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Khu du lịch Đắk Ui, Vườn Quốc gia Chư Mom Ray (Kon Tum), Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà (Lâm Đồng), Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh (Đak Đoa, Mang Yang, Kbang), Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung, Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang (Gia Lai), Vườn Quốc gia Tà Đùng, Khu Bảo tồn thiên nhiên Nậm Nung và khám phá giá trị đặc thù về địa chất, địa mạo, văn hóa truyền thống đặc trưng của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

Xây dựng dòng sản phẩm nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, trải nghiệm văn hóa, thưởng thức ẩm thực địa phương hòa mình với cuộc sống thiên nhiên như: tắm khoáng nóng, chèo thuyền, công việc nhà nông, uống rượu cần, cơm lam gà nướng, cà đắng và các món ăn đặc sản của đồng bào dân tộc như: Núc nác xào, dọt mây hầm chân giò, canh lá bép... ở các vùng cảnh quan như: Khu nước khoáng Đắk Tô, Vùng lòng hồ chứa nước Ya Ly, Khu du lịch Đắk Bla, Khu du lịch sinh thái Măng Đen (Kon Tum), danh thắng Biền Hồ (hay còn gọi là hồ Ea Nueng, hồ Tơ Nung), Hồ sinh thái Tà Đùng, Hồ thủy điện Đắk R’Ti, Khu du lịch sinh thái thác Đắk Glun, Khu du lịch sinh thái văn hóa cụm thác Đray Sáp - Gia Long (Đắk Nông).

Xây dựng dòng sản phẩm thưởng ngoạn phong cảnh, hòa nhập vào không gian văn hóa cà phê và khai thác giá trị tín ngưỡng di sản thế giới “Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên”, “Tuyến du lịch Con đường Xanh Tây Nguyên” kết hợp với khám phá bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc dân tộc, các lễ hội truyền thống, các di sản văn hóa nổi tiếng như: các loại nhạc cụ đồng

chiêng, đàn đá, tre nứa, kiến trúc nhà dài, mỹ thuật, âm nhạc, tạc tượng, dệt thổ cẩm, đan lát điêu khắc kết hợp với tham quan, trải nghiệm thân thiện với bảo vệ động vật hoang dã tại bảo tàng thuần dưỡng voi Buôn Đôn, Lắk, Ea Kao, Công viên nước DakLak.

Để định dạng được sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã, cần tiếp cận theo hướng tự bản thân các tỉnh vùng Tây Nguyên xác định rõ nội hàm vai trò của của ngành du lịch (là một nền kinh tế mũi nhọn) để nâng vị thế quản lý trong khai thác giá trị tài nguyên phục vụ phát triển sản phẩm du lịch. Tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá cụ thể thực trạng tài nguyên hiện có tại các cánh rừng, vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên điểm đến... lấy “người dân làm chủ thể, nông thôn là tương lai” để xây dựng quy hoạch tổng thể, chiến lược mục tiêu rõ ràng và kế hoạch hành động cụ thể cho phát triển sản phẩm du lịch hoang dã, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo tồn, trên quan điểm nhà nước là chủ đạo quản lý, doanh nghiệp và người dân, cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào quá trình cung ứng, phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch, gắn liền trách nhiệm của cộng đồng với bảo tồn giá trị tài nguyên của điểm đến.

2.3. Về khuyến nghị giải pháp

Rà soát hành lang pháp lý, các quy quy hoạch chiến lược, các định chi tiết, thông lệ, điều ước quốc tế, các bộ quy tắc ứng xử cho các khu, điểm hoạt động du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã; xây dựng, bổ sung các qui định pháp luật về cứu hộ và bảo tồn động vật hoang dã, chỉ quảng bá các sản phẩm du lịch động vật hoang dã có trách nhiệm, các hoạt động du lịch sinh thái, quan sát các loài hoang dã, kết hợp với giáo dục, tuyên truyền bảo tồn các loài hoang dã và đưa động vật hoang dã trở lại thiên nhiên, ngăn chặn và khuyến cáo khách du lịch, người dân và cộng đồng không nên tham gia vào việc mua bán động thực vật hoang dã. Nghiên cứu trên cơ sở phù hợp với Công ước về quản lý Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu dự trữ sinh quyển của thế giới để tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động du lịch hoang dã có trách nhiệm, đồng thời bảo tồn bền vững động thực vật hoang dã.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế thiết thực, khuyến khích người dân bản địa tham gia nhiều hơn vào công tác lập quy hoạch các khu, điểm phát triển du lịch động vật hoang dã ở Tây Nguyên, có kế hoạch vận động người dân bản địa được tham gia xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với động vật hoang dã và trực tiếp tổ chức dịch vụ phục vụ khách du lịch nhằm phân phối lợi ích nghiêng về phía cộng đồng để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững môi trường, giúp xóa đói giảm nghèo, tạo công việc, thu nhập và nâng cao đời sống người dân, đồng thời để người dân hiểu và nâng cao ý thức gìn giữ, bảo vệ động vật hoang dã để xây dựng sản phẩm du lịch. Khuyến khích xây dựng các chương trình du lịch có sự tham gia của người dân địa phương.

Xây dựng và hướng dẫn thực hiện bộ Tiêu chí, quy tắc ứng xử du lịch có trách nhiệm với động thực vật hoang dã, môi trường xã hội, hệ sinh thái cho cộng đồng, nhân viên trong ngoài ngành du lịch và khách du lịch tại các điểm

đền Tây Nguyên. Xây dựng hệ thống dẫn đê, cảnh báo, báo cáo cho nhân viên (SMART, GIS...) và các bên liên quan về những hiện tượng nghi ngờ liên quan đến vận chuyển, buôn bán và kinh doanh du lịch từ sản phẩm động vật hoang dã và động thực vật hoang dã bất hợp pháp.

Phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công An, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch các Bộ ngành liên quan, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, nhà đầu tư về tổ chức quản lý, quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh du lịch bảo vệ các loài động thực vật hoang dã, áp dụng các hình thức xử lý xác đáng, đủ sức dẫn đê, có chế tài xử lý nghiêm, minh bạch, kịp thời các trường hợp vi phạm; liên kết chặt chẽ, chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, nhà nước và các bên liên quan để khuyến khích bảo vệ cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái và bảo tồn các loài động vật hoang dã. Thúc đẩy tác động tích cực của du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ môi trường sống của động thực vật hoang dã.

Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn, đào tạo, quảng bá sản phẩm, tuyên truyền, biểu ngữ, thiết kế logo, quảng cáo, hội thi kể các câu chuyện về tập tính một số loài động vật... hướng về du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, có cam kết mạnh mẽ từ các bên liên quan về phát triển sản phẩm du lịch hoang dã, như: cơ quan quản lý, hướng dẫn viên, điều hành, quản lý, nhân viên phục vụ, doanh nghiệp, hiệp hội du lịch, cộng đồng, khách du lịch... Nhắc nhở, lên án và có quy định, chính sách động viên, khen thưởng cho cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong bảo tồn thiên nhiên, động thực vật hoang dã, ngăn ngừa việc buôn bán, mua sắm, các sản phẩm bán đồ lưu niệm từ loài động thực vật hoang dã.

Xác định kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực, bố trí cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn ngân sách và cấp kinh phí đủ đảm bảo cho đầu tư, xây dựng và nâng cấp các Trung tâm giáo dục du lịch có trách nhiệm, Trung tâm bảo tồn động thực vật hoang dã ở Tây Nguyên, tuyên truyền trên cơ sở nội dung nhấn mạnh đến bản chất, vai trò, quy mô và hậu quả của buôn bán bất hợp pháp, tận diệt động vật hoang dã, quy định rõ yếu tố cơ bản về chức năng và nhiệm vụ của cơ sở giáo dục, sơ sở hỗ trợ, cơ sở bảo tồn, đặc tính sinh học của loài, khuyến cáo mức độ đang bị đe dọa tuyệt chủng và khả năng hòa vào tự nhiên.

Tận dụng sự ủng hộ của thế giới, các tổ chức phi chính phủ, các diễn đàn trong và ngoài nước. Chủ động đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng lợi thế của cuộc cách mạng số, công nghệ thông tin hiện đại, địa lý và viễn thám trong điều tra và theo dõi sự biến động của tài nguyên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng và các loài động vật hoang dã để phục vụ phát triển du lịch. Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, trong phát triển các sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn động vật hoang dã, tiến tới mục tiêu bảo vệ hệ sinh thái môi trường và phát triển du lịch bền vững.

Kết luận

Du lịch mang lại những giá trị tích cực nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến môi trường, kinh tế - xã hội, thách thức lớn cho bảo tồn hệ sinh thái, đặc biệt là động thực vật hoang dã. Phát triển đúng hướng, có trách nhiệm sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn động vật hoang dã không những giúp cho việc bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì tiềm năng to lớn về phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch hoang dã, là nơi lưu giữ những nét văn hóa đặc sắc giữa các cộng đồng dân tộc trong vùng Tây Nguyên mà còn có ý nghĩa bảo vệ rừng đầu nguồn cho hệ thống sông Mê Kông, điều tiết lũ cho hệ thống sông Cửu Long của Việt Nam và cả khu vực Đông Nam Á./.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2016), Quyết định số 2522/QĐ-BVHTTDL, ngày 13/07/2016, phê duyệt Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2016), Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2016 phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
5. Bộ tiêu chí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2018.
6. Björk P. (2000), "Ecotourism from a conceptual perspective, an extended definition of a unique tourism form", International Journal of Tourism Research. 2 (3),pp.189-202.
7. Making Tourism More Sustainable, A Guide for Policy Makers. (2005), UNEP.

ĐỊNH HƯỚNG THỊ TRƯỜNG VÀ XÚC TIẾN QUẢNG BÁ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

Vụ Thị trường Du lịch - Tổng cục Du lịch

I. THỰC TRẠNG ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

Từ lâu, với hệ thống rừng núi rộng khắp bao phủ, vùng đất Tây Nguyên ở nước ta được cho là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm nằm trong sách đỏ của thế giới, cần được bảo tồn và phát triển. Tuy nhiên, cùng với sở thích sử dụng những sản phẩm động vật hoang dã đang khiến cho vùng đất này ngày càng vắng bóng những loài thú quý hiếm. Những động vật đang có nhu cầu cao như gấu, khỉ, vượn, chim muông... đang ngày càng bị săn bắn nhiều hơn.

Với điều kiện tự nhiên sẵn có, Tây Nguyên luôn được coi là vùng đất giàu có về số lượng động vật hoang dã bởi hầu hết các loài thú quý hiếm như hổ, báo, gấu, bò tót... đều sinh sống nhiều ở đây. Tuy nhiên, môi trường sống của động vật hoang dã đang bị đe dọa nghiêm trọng, số lượng cũng như tổng số các loài động vật hoang dã ở Tây Nguyên đang giảm đi với tốc độ đáng báo động. Nguyên nhân đầu tiên chính là việc những cánh rừng già nguyên sinh, môi trường sống cố hữu của các loài động vật hoang dã đã bị khai thác, không còn nữa.

Theo thống kê, năm 1980, tổng diện tích rừng của Tây Nguyên có 3.868.400 ha, chiếm 70,66% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Nhưng từ năm 1980 đến 1995, trung bình mỗi năm Tây Nguyên mất đi khoảng 120 nghìn ha rừng. Rừng giàu và trung bình giảm 75%, rừng nghèo tăng 109%. Từ năm 1995 đến nay, mỗi năm không dưới 45 nghìn ha rừng bị phá. Do đó, trong những năm gần đây, khí hậu Tây Nguyên diễn biến bất thường: hạn hán, lũ quét, mùa khô đến sớm và kéo dài, nhiệt độ trung bình hằng năm tăng lên... Vì thế, những loài động vật hoang dã đã dần bị biến mất khỏi nơi đây bởi môi trường sống của chúng bị biến đổi hoặc phá hủy hoàn toàn. Bên cạnh đó, hiện tượng biến đổi khí hậu khi rừng bị tàn phá cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sinh dưỡng của các loài động vật hoang dã.

Ở Việt Nam, mỗi năm thị trường tiêu dùng cần khoảng 4.000 tấn thịt động vật hoang dã để làm thực phẩm, thuốc, mục đích trang trí... Với nhu cầu khổng lồ này, không có gì lạ khi hầu hết các loài động vật hoang dã ở nước ta đang bị tận diệt và Tây Nguyên chính là điểm nóng của tình trạng này. Theo đó, hàng trăm vụ buôn bán vận chuyển trái phép các cá thể động vật hoang dã được phát hiện và xử lý nhưng trong thực tế, con số vi phạm còn lớn hơn rất nhiều lần. Những món ăn có xuất xứ từ động vật hoang dã vẫn còn tồn tại phổ biến tại các trung tâm lớn như Buôn Mê Thuột, Bảo Lộc, Đà Lạt, Kon-Tum, Gia Lai... Theo đó, hàng trăm các nhà hàng đặc sản động vật hoang dã chính là nguyên nhân khiến những loài thú quý hiếm ở đây bị săn bắt bất kể ngày đêm.

Việc săn bắt động vật hoang dã đã gián tiếp làm mất cân bằng hệ sinh thái môi trường sống của chính con người chúng ta. Theo đó, mỗi cá thể sống đều là một phần của mạng lưới phức tạp, gọi là sinh quyển. Ngược lại, sinh quyển của trái đất tạo nên bởi vô số các hệ sinh thái – bao gồm các loài động thực vật và môi trường sống tự nhiên của chúng. Nghĩa là, tất cả các loài đều nằm trong một chuỗi các hoạt động sống của nhau. Đặc biệt đối với các loài có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái thì sự tuyệt chủng của chúng có thể dẫn đến những hậu quả khó lường.

Theo các báo cáo của một tổ chức về bảo vệ động vật hoang dã thì Tây Nguyên được cho là vùng đất giàu có động vật hoang dã nhất ở Việt Nam. Cụ thể, đây là nơi cư trú của hơn 150 loài thú có vú, 400 loài chim, 100 loài bò sát, cũng như côn trùng các loại. Tuy nhiên, ngày nay, nhu cầu về động vật hoang dã và các sản phẩm làm từ động vật hoang dã tại Việt Nam có chiều hướng gia tăng đã làm suy giảm nghiêm trọng sự đa dạng sinh học này. Thực tế, những thống kê về động vật hoang dã đang ngày càng bị giảm sút và người ta nhiều khi không biết chính xác những loài thú quý hiếm còn tồn tại hay đã bị tuyệt chủng vì môi trường sống của chúng quá kín đáo với những nhà nghiên cứu, thống kê.

II. PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

Để phát triển du lịch bền vững cần bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ các loài động vật hoang dã. Một thực tế, tại nhiều điểm du lịch của nước ta, du khách không khó để tìm thấy nanh, vuốt của hổ, gấu, thậm chí sư tử. Các sản phẩm mỹ nghệ làm từ ngà voi, đồi mồi, vảy tê tê, như: vòng tay, vòng cổ, ấn, lược, nhẫn, mặt phật, trâm cài tóc... được bày bán công khai tại nhiều cửa hàng lưu niệm trên bãi biển cũng như trong thành phố, chợ đêm, chợ lớn... Từ năm 2016 đến 2018, Việt Nam có 13 điểm với 263 cơ sở buôn bán ngà voi, những nơi này bán khoảng 5.067 đến 13.166 sản phẩm ngà voi. Tại thị trường du lịch Đắc Lắc, tất cả 4 điểm du lịch đều bán ngà voi, 100% cửa hàng vàng đều bán sản phẩm ngà voi, bán công khai, có niêm yết giá.

Ở góc độ ngành du lịch, khách du lịch đã đóng vai trò quan trọng trong việc kích cầu thị trường mua bán động vật hoang dã trái phép. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên chính là ý thức về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là động vật hoang dã chưa đầy đủ. Chiều theo thị hiếu của không ít khách du lịch, các món ăn đặc sản thịt thú rừng cũng được quảng cáo công khai, mời chào nhiệt tình. Thịt thú rừng bày bán công khai ở nhiều lễ hội, thịt rắn, thịt nhím, mật gấu dễ dàng tìm thấy trong các nhà hàng. Dịch vụ cho khách du lịch cưỡi voi ở Tây Nguyên cũng trở thành phổ biến đến mức nhiều người còn không nghĩ đó là hành vi gây hại cho động vật hoang dã. Thực tế này chính là thách thức lớn cần sự quan tâm đầy đủ hơn của các cấp, các ngành.

Phát triển du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên là rất cần thiết. Việc hủy hoại động vật hoang dã, gây hại cho môi trường tự nhiên, mất đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp tới việc thu hút khách du lịch, phát triển bền vững; hủy hoại hình ảnh đẹp của Việt Nam

trong mắt bạn bè quốc tế...Trên bản đồ du lịch, Việt Nam là một trong những điểm đến hấp dẫn với nhiều cảnh sắc thiên nhiên lôi cuốn, du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên luôn được xác định là một trong những sản phẩm du lịch chính, được ưu tiên phát triển trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. Mỗi năm, hoạt động du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng đã thu hút hơn 2 triệu lượt khách du lịch, với doanh thu hơn 100 tỷ đồng, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế địa phương và hỗ trợ hoạt động bảo tồn thiên nhiên.

Để phát triển du lịch bền vững, thực tế, ở một số địa phương, như: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Lào Cai... đã ý thức thực hiện việc tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã. Thành phố Móng Cái (Quảng Ninh) đã "lượng hóa" các bộ quy tắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và của tỉnh Quảng Ninh thành bộ quy tắc riêng, in tờ rơi dán ở tất cả nhà hàng khách sạn, trong đó có cảnh báo không sử dụng động vật hoang dã. Khách sạn Victoria tại Sa Pa (Lào Cai) không đồng ý cho khách mang vật phẩm từ rắn hay các sản phẩm từ động vật hoang dã vào khách sạn... Tuy nhiên, những hành động như vậy vẫn chưa được phổ biến rộng rãi.

Đối với Tây Nguyên, cần quyết liệt triển khai mạnh mẽ hơn nữa các biện pháp tuyên truyền và hành động cụ thể nhằm bảo vệ động vật hoang dã. Cùng với đó, ngành du lịch cần vào cuộc để tạo sự chuyển biến nhận thức của cơ quan quản lý, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư, khách du lịch bằng nhiều cách. Cần nghiên cứu có giải thưởng cho các cá nhân, tổ chức trong ngành về bảo vệ môi trường bên cạnh những giải thưởng du lịch khác... Mặt khác, nên có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm du lịch hướng tới sử dụng việc bảo vệ động vật hoang dã, tài nguyên thiên nhiên.

III. ĐỊNH HƯỚNG THỊ TRƯỜNG VÀ XÚC TIẾN QUẢNG BÁ

Từ những nhận định trên, việc định hướng thị trường và xúc tiến quảng bá du lịch Tây Nguyên gắn với bảo vệ động vật hoang dã bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

Về sản phẩm du lịch: Sản phẩm du lịch là yếu tố căn bản, trung tâm của các hoạt động quảng bá, xúc tiến và là đối tượng chủ yếu của thị trường khách du lịch. Do đó, việc phát triển sản phẩm du lịch mà địa phương có lợi thế phù hợp với các định hướng phát triển thị trường khách ở các cấp độ khác nhau là vô cùng cần thiết. Sản phẩm du lịch đặc thù của khu vực Tây Nguyên được xác định bao gồm: Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu các di sản văn hóa dân tộc Tây Nguyên; Du lịch nghiên cứu sinh thái Tây Nguyên (Du lịch thám hiểm, nghiên cứu các hệ sinh thái vườn quốc gia; Du lịch sinh thái gắn cộng đồng, du lịch có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường; Du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn, du lịch trang trại đồn điền; Du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ trên núi (khí hậu ôn đới trong lòng nhiệt đới); Du lịch thể thao mạo hiểm theo các chuyên đề đặc biệt.

Để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch Tây Nguyên thu hút khách quốc tế, Du lịch Tây Nguyên cần lựa chọn một số điểm du lịch

đặc sắc, doanh nghiệp trọng điểm hỗ trợ xây dựng thương hiệu điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch đặc thù, hấp dẫn và mang tính cạnh tranh cao. Nghiên cứu, phát triển các chương trình, sản phẩm du lịch bổ trợ có nhiều tiềm năng như du lịch âm thực; du lịch MICE, golf, thể, cưới hỏi và nghỉ trăng mật, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp..., trong đó chú trọng vấn đề bảo tồn động vật hoang dã, giữ gìn cảnh quan và bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Về thị trường khách du lịch:

Đối với các thị trường gần (Đông Nam Á) gồm Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore: Phân khúc thị trường bao gồm khách du lịch gia đình, khách đi công tác, sinh viên. Bên cạnh đó, cần chú ý những đặc điểm đặc thù của một số thị trường trọng điểm đối với du lịch Tây Nguyên để tiếp tục phát huy khai thác, cụ thể như:

- Thị trường khách Thái Lan: Hiện nay khách du lịch Thái Lan đến Việt Nam chưa nhiều, nhưng Tây Nguyên lại thu hút tương đối thị trường này do có những sản phẩm du lịch phù hợp. Trong tương lai thị trường này vẫn chiếm vị trí quan trọng cho Du lịch Tây Nguyên. Các sản phẩm du lịch ở Tây Nguyên phù hợp với người Thái Lan bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ ở Đà Lạt; du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh rừng thông Đà Lạt; du lịch tham quan cảnh quan, thác nước, hồ; du lịch thể thao mạo hiểm...

- Thị trường khách Malaysia: Khách du lịch Malaysia đến Việt Nam thường lựa chọn các điểm du lịch vùng núi và cao nguyên, ít lựa chọn các điểm du lịch biển. Do vậy, Tây Nguyên sẽ là điểm du lịch hấp dẫn đối với thị trường này. Các sản phẩm du lịch của Tây Nguyên có thể đáp ứng cho khách Malaysia bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng núi, tham quan thắng cảnh, các khu rừng thông, hồ nước; du lịch chơi golf (Đà Lạt); du lịch nghiên cứu, sinh thái; du lịch mạo hiểm ở các vườn quốc gia, các thác nước; du lịch chữa bệnh bằng suối nước nóng.

- Thị trường khách Indonesia: Hiện nay, số khách Indonesia đến Việt Nam và Tây Nguyên còn ít. Thị trường này có các nhu cầu và sở thích khá tương đồng với Malaysia nên các sản phẩm du lịch của Tây Nguyên có thể cung ứng cũng tương đồng như vậy. Hai thị trường này là các thị trường tiềm năng có nhu cầu đi du lịch cao trong nội vùng các nước ASEAN, nên việc định hướng phát triển và thu hút các thị trường này đối với Tây Nguyên là rất cần thiết.

- Thị trường khách Singapore: Khách du lịch Singapore rất ưa thích các khu du lịch nghỉ dưỡng núi, trong đó khu du lịch Đan Kia và Tuyền Lâm ở Đà Lạt được nhiều người Singapore lựa chọn. Khách Singapore có khả năng chi trả cao, thích mua sắm, thích tham quan thắng cảnh thiên nhiên, phù hợp với các sản phẩm du lịch ở Đà Lạt và Tây Nguyên. Các sản phẩm du lịch chính gồm: du lịch nghỉ dưỡng núi Đà Lạt; du lịch tham quan thắng cảnh (cảnh quan rừng thông, thác nước...); du lịch chơi golf; du lịch dưỡng bệnh, tắm suối nước nóng; du lịch sinh thái...

Đối với các thị trường tầm trung gồm Đông Bắc Á (Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc), Ấn Độ, Trung Đông (Ả rập Saudi,

Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Iran). Phân khúc thị trường: Khách du lịch gia đình, khách đi công tác, thể hệ Y, khách cặp đôi hoặc độc thân có thu nhập, cưới hỏi và trăng mật, người nghỉ hưu. Sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường: Du lịch nghỉ dưỡng núi, văn hóa di sản và ẩm thực, MICE, golf, mua sắm, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp (spa và mát-xa), vui chơi giải trí, cưới hỏi/nghỉ trăng mật, du lịch học đường.

-Thị trường Nhật Bản: Các sản phẩm du lịch chủ yếu của Tây Nguyên có thể đáp ứng các nhu cầu du lịch của người Nhật Bản bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ, du lịch chữa bệnh phục hồi sức khỏe; du lịch tham quan thắng cảnh, tham quan hệ thống thác nước, các buôn làng dân tộc, các di tích lịch sử văn hóa - cách mạng...; du lịch nghiên cứu sinh thái ở các vườn quốc gia và các khu bảo tồn...

- Thị trường khách Đài Loan: Trong những năm tiếp theo, khi thị trường du lịch trở lại trạng thái bình thường, Đài Loan vẫn tiếp tục là thị trường quan trọng của Du lịch Tây Nguyên. Đặc biệt, Đà Lạt - nơi có nhiều cảnh quan hấp dẫn, nơi nghỉ dưỡng hồ và núi lý tưởng sẽ là trung tâm thu hút khách Đài Loan đến với Tây Nguyên. Đối với thị trường khách Đài Loan các sản phẩm du lịch phù hợp mà các tỉnh Tây Nguyên có thể đáp ứng bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng hồ và núi ở Đà Lạt, Gia Lai, Kon Tum; du lịch chơi golf ở Đà Lạt; du lịch thể thao mạo hiểm (leo núi, vượt thác, dù lượn...); du lịch vui chơi giải trí, casino...; du lịch thương mại, hội nghị, hội thảo...

- Thị trường khách Trung Quốc: Đây là thị trường có xu thế đi du lịch đến Việt Nam tăng nhanh trong những năm gần đây, và chiếm tỷ trọng cao nhất trong số khách quốc tế đến Việt Nam. Tuy nhiên, khách Trung Quốc đi du lịch Việt Nam bằng hộ chiếu và đi sâu vào lãnh thổ Việt Nam (trong đó có Tây Nguyên) còn hạn chế. Mặc dù vậy, đây vẫn là thị trường quan trọng đối với du lịch Việt Nam và là thị trường tiềm năng của du lịch Tây Nguyên. Khách du lịch Trung Quốc thường sử dụng các dịch vụ du lịch giá rẻ, lựa chọn các phương tiện đi lại bằng đường bộ và đường biển (an toàn và rẻ); một số ít khách thương mại Trung Quốc lựa chọn các dịch vụ du lịch cao cấp hơn và sử dụng phương tiện hàng không để đi lại. Các sản phẩm du lịch của Tây Nguyên phù hợp với thị trường này bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng hồ và núi; du lịch tham quan thắng cảnh; du lịch mua sắm, ẩm thực...

Đối với các thị trường tầm xa gồm Úc, Tây Âu (Pháp, Đức, Anh, Hà Lan), Bắc Âu, Đông Âu (Nga, Ukraina), Nam Âu và Địa Trung Hải (Tây Ban Nha, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ), Bắc Mỹ (Mỹ, Canada). Phân khúc thị trường: Khách du lịch gia đình, khách đi công tác, thể hệ Y, khách cặp đôi hoặc độc thân có thu nhập, cưới hỏi và trăng mật, người nghỉ hưu.

-Thị trường khách Pháp: Thị trường khách Pháp rất quan tâm đến bản sắc văn hóa dân tộc của Việt Nam, đặc biệt đặc trưng văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã và đang hấp dẫn du khách Pháp. Ngoài ra, khách Pháp còn thích khám phá và tham gia vào các tour du lịch sinh thái mạo hiểm, do vậy Tây Nguyên rất có tiềm năng để thu hút các đối tượng khách này. Đối với thị trường

Pháp, Tây Nguyên có thể đáp ứng các sản phẩm du lịch chủ yếu sau: du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa (bản sắc văn hóa ở Tây Nguyên); du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia; du lịch thể thao mạo hiểm (leo núi, vượt thác...); du lịch nghỉ dưỡng núi ở Đà Lạt, tham quan thắng cảnh...

-Thị trường Tây Âu: Cũng giống như khách Pháp, các thị trường này quan tâm đến du lịch văn hóa, du lịch nghiên cứu, du lịch sinh thái, du lịch tham quan... Do vậy, Tây Nguyên có thể đáp ứng cho các thị trường này những sản phẩm du lịch giống như khách Pháp.

-Thị trường Bắc Mỹ (chủ yếu là Mỹ và Canada): Khách du lịch Mỹ đến Việt Nam trong những năm qua liên tục tăng, đặc biệt sau những sự kiện lớn như Việt Nam trở thành thành viên của WTO, Việt Nam tổ chức thành công nhiều sự kiện quốc tế quan trọng, các nguyên thủ hai nước Việt Nam và Mỹ đã thăm chính thức lẫn nhau... Trong những năm tới, thị trường Mỹ vẫn là một trong những thị trường du lịch quan trọng của Việt Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng. Với thị trường này, du lịch Tây Nguyên có thể đáp ứng những sản phẩm chủ yếu sau: du lịch tham quan, nghiên cứu văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; du lịch thăm lại chiến trường xưa (các di tích lịch sử cách mạng, các di tích kháng chiến); du lịch thương mại, tìm kiếm các cơ hội đầu tư; du lịch sinh thái.

Đối với thị trường khách du lịch nội địa: Tây Nguyên cần tăng cường mở rộng liên kết trong phát triển du lịch, mở rộng liên kết với các tỉnh miền Trung và vùng Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh để kết nối thành các tour, tuyến tạo ra thị trường du lịch rộng lớn, có tác dụng kích cầu du lịch nhằm thu hút khách cho du lịch vùng Tây Nguyên, đặc biệt là ổn định lượng khách du lịch nội địa.

Về xúc tiến quảng bá: Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm du lịch đặc sắc của Tây Nguyên, lồng ghép việc nâng cao ý thức của khách du lịch đối với việc bảo vệ động vật hoang dã. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá tầm quan trọng của động vật hoang dã đối với thiên nhiên, đối với con người, đối với tài nguyên của quốc gia, của nhân loại, từ đó tiến tới thực hiện phát triển du lịch Tây Nguyên bền vững, đạt hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường văn hóa. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là lực lượng hướng dẫn viên tại chỗ có kiến thức, am hiểu về phong tục tập quán và biết tiếng dân tộc của đồng bào để phục vụ du khách, tăng cường hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch. Các hoạt động xúc tiến quảng bá cần triển khai thực hiện ngay sau khi hết dịch: Truyền thông ngay sau hết dịch, Đẩy mạnh e-marketing, Tổ chức Chương trình giới thiệu du lịch Tây Nguyên, Triển khai chương trình kích cầu và truyền thông trong nước, Chuyển đổi số hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch...

Tài nguyên thiên nhiên - di sản văn hóa của Tây Nguyên là một kho tàng vô giá và nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch. Việc phát triển các loại hình du lịch để góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo là ưu tiên cần thiết, nhưng cần đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế, tạo sinh kế cho đồng bào nhưng phải có phương án bảo vệ môi trường, không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, xâm hại di sản văn hóa, phá vỡ nếp sống văn hóa tộc người vốn đa dạng phong phú nhưng rất nhân văn của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

LIÊN KẾT HỢP TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

Nguyễn Thị Lan Hương⁽¹⁾ - Trần Thị Mỹ Linh⁽²⁾

(1) Phòng QLKH&HTQT, Viện NCPTDL;

(2) Học viện Chính sách và Phát triển

Theo Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO), Du lịch gắn với khám phá thế giới động vật hoang dã (ĐVHD) ngày càng phát triển trên toàn thế giới. Theo ước tính của UNWTO, có đến 7% khách du lịch toàn cầu liên quan đến du lịch ĐVHD với mức tăng trưởng 3%/năm [1]. Không chỉ đóng góp cho sự phát triển của Du lịch nói riêng, kinh tế toàn cầu nói chung, du lịch dựa vào ĐVHD còn hỗ trợ tích cực cho công tác bảo tồn và phát triển sinh kế cộng đồng. Để duy trì những đóng góp tích cực của ngành Du lịch có trách nhiệm đối với việc bảo tồn ĐVHD và môi trường, tài nguyên thiên nhiên thì việc liên kết, hợp tác là việc hết sức cần thiết.

Tổ chức Bảo vệ động vật Thế giới (WAP) cảnh báo, hiện có tới hơn 500.000 động vật hoang dã trên thế giới bao gồm voi, lười, hổ và cá heo đang bị bóc lột vì du lịch giải trí. [2]. Một trong những nguyên nhân được chỉ ra bao gồm: những khu vực có giá trị sinh thái tự nhiên sẽ có sức hút đối với du lịch bởi tính độc đáo và nguyên vẹn của tài nguyên. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ kinh doanh, điều này có thể được coi như nguồn tài sản có giá trị gia tăng thu nhập, có thể khai thác sử dụng cho các hoạt động du lịch. Điều này gây ra tác động đáng kể đối với môi trường sống và các loài động vật hoang dã. Trên cơ sở đó, một trong những xu hướng phát triển mới về du lịch với định hướng bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên đã được thúc đẩy trên phạm vi toàn cầu đó là những hình thức du lịch gắn với tự nhiên, du lịch sinh thái, du lịch khám phá mạo hiểm, du lịch có trách nhiệm... Sự ra đời của các ý tưởng bền vững thể hiện nỗ lực tạo ra những hình thức du lịch thay thế, có ít tác động tiêu cực hơn tới môi trường và cộng đồng, đồng thời tối ưu hoá các kết quả xã hội và sinh thái cũng như đóng góp trực tiếp cho cộng đồng địa phương và nâng cao nhận thức về môi trường và đời sống hoang dã cho du khách. Điều này cũng là cơ hội giúp cho các nhà quản lý, các cơ sở kinh doanh trong khu vực và các bên liên quan sẽ xích lại gần nhau hơn trên cơ sở cùng thỏa thuận, cam kết và tuân thủ theo yêu cầu bảo tồn và hạn chế tác động của họ trên phương diện phát triển bền vững, hướng tới ý nghĩa được Liên Hợp quốc thông qua trong Chương trình Môi trường (UNEP), Liên minh Bảo tồn Thế giới và Quỹ Thiên nhiên toàn cầu : “Nâng cao chất lượng cuộc sống con người trong khi bảo tồn năng lực thực hiện của các hệ sinh thái hỗ trợ” (IUCN/UNEP/WWF 1991).

Về cơ bản Du lịch có trách nhiệm là một cách tiếp cận quản lý du lịch, nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và giảm thiểu chi phí tới các điểm đến. Bản chất của loại hình du lịch này chứa đựng những đặc trưng của phát triển du lịch bền vững, tuy nhiên nó mang tính phổ quát, định hướng cao

hơn, thậm chí điều chỉnh tất cả các loại hình du lịch khác nhằm hướng đến mục tiêu phát triển hài hòa ngành du lịch, đem lại bình đẳng cho tất cả chủ thể tham gia vào quá trình phát triển du lịch; đồng thời góp phần đáng kể trong việc hỗ trợ tạo dựng một môi trường lành mạnh [3].

Du lịch có trách nhiệm là gì?

Du lịch có trách nhiệm giúp tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tính toàn vẹn môi trường, tạo sự công bằng xã hội, tăng cường lao động, phát huy các giá trị và tôn trọng văn hóa địa phương, tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng, hàm lượng văn hóa và giá trị đạo đức cùng giá trị trải nghiệm cao hơn.

Du lịch có trách nhiệm tại các điểm đến tự nhiên gắn liền với các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã có thể khái quát là việc hạn chế tối đa các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường, thể giới hoang dã và xã hội bên cạnh việc tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động du lịch, nâng cao năng lực của cộng đồng địa phương nhằm đóng góp tích cực vào việc bảo tồn các giá trị tự nhiên và đời sống hoang dã, gia tăng giá trị trải nghiệm cho khách du lịch và tạo dựng văn hóa điểm đến tôn trọng tự nhiên và xây dựng mối liên kết tích cực giữa con người và tự nhiên.

Du lịch có trách nhiệm đã đưa ra những hướng dẫn và cách thức tiến hành để thực sự hướng tới phát triển du lịch bền vững.

Nguyên tắc phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã

Nguyên tắc cơ bản của du lịch có trách nhiệm

Trách nhiệm về kinh tế

- Khi phát triển các dự án du lịch, cần phải đánh giá tác động kinh tế, xác định rõ loại hình ưu tiên phát triển để mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư địa phương và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới đời sống của họ.
- Tăng cường liên kết nhằm khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ hơn của các cộng đồng dân cư vào hoạt động du lịch.
- Chất lượng sản phẩm du lịch của điểm đến cần phải nêu bật được nét hấp dẫn đặc thù và chú trọng tới giá trị gia tăng.
- Xúc tiến quảng bá du lịch phải đảm bảo tôn trọng tính nguyên vẹn về văn hóa, kinh tế, tự nhiên và xã hội; khuyến khích phát triển các loại hình du lịch phù hợp với hoàn cảnh thực tế.
- Tạo dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, đưa ra giá cả hợp lý và xây dựng mối quan hệ kinh doanh chia sẻ trách nhiệm cả trong rủi ro và thành công; tuyển dụng và đào tạo nhân viên làm việc có tay nghề.
- Dành hỗ trợ đáng kể cho các doanh nghiệp vừa, nhỏ và rất nhỏ hoạt động trong các lĩnh vực liên quan tới du lịch bền vững.

Trách nhiệm về xã hội

- Tích cực thu hút cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định, nâng cao năng lực để họ hiện thực hóa các sáng kiến đề ra.
- Đánh giá tác động xã hội thông qua quá trình vận động dự án ngay từ khâu lập kế hoạch, thiết kế dự án nhằm giảm thiểu các tác động xã hội và tối đa hóa yếu tố tích cực.
- Đưa du lịch thành nhu cầu trải nghiệm chung của toàn xã hội nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả mọi người, đặc biệt là những nhóm người và cá nhân dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- Ngăn chặn lạm dụng tình dục trong du lịch, đặc biệt đối với trẻ em.
- Giảm thiểu thiệt hại trong quá trình khai thác và sử dụng các nguồn lực; phát triển du lịch gắn chặt với mục tiêu vì người nghèo và hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo.
- Tôn trọng phong tục, tập quán của cư dân bản địa; bảo tồn và phát huy tính đa dạng về văn hóa và xã hội.
- Đảm bảo du lịch đóng góp đáng kể vào cải thiện y tế và giáo dục.

Trách nhiệm về môi trường

- Cần đánh giá tác động môi trường trong quá trình hoạch định và thiết kế dự án du lịch.
- Sử dụng tài nguyên hợp lý và bền vững, giảm chất thải và tiêu thụ quá mức tài nguyên và năng lượng.
- Quản lý đa dạng tự nhiên, sinh thái theo hướng bền vững; phục hồi những khu vực tài nguyên tự nhiên bị xâm hại và xác định rõ các loại hình du lịch gắn với môi trường để có hướng bảo vệ, bảo tồn nguyên vẹn các hệ sinh thái dễ bị phá hủy và các khu phòng hộ.
- Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức cho mọi chủ thể về phát triển bền vững.
- Nâng cao năng lực về du lịch cho mọi chủ thể và tuân thủ những mô hình phát triển du lịch lành mạnh, hiệu quả nhất. [3]

Ngoài những nguyên tắc cơ bản, để du lịch có trách nhiệm thực hiện tốt hơn nữa vai trò của mình đối với việc bảo vệ thế giới hoang dã cần lưu ý một số nguyên tắc sau khi tham gia các hoạt động du lịch:

- Không nhập khẩu, vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến, quảng cáo, kinh doanh sử dụng động vật hoang dã.
- Không thực hiện việc mua bán, tặng động vật hoang dã và các sản phẩm hoặc dẫn xuất từ động vật hoang dã dưới bất kỳ hình thức nào.

- Không vi phạm về việc sử dụng động vật hoang dã không có xuất xứ, nguồn gốc nhằm ngăn ngừa tình trạng lạm dụng khai thác, vận chuyển, kinh doanh động vật hoang dã trái quy định của pháp luật.
- Khuyến khích quản lý, bảo vệ động vật hoang dã; kiên quyết thực hiện đúng các quy định của pháp luật
- Không tổ chức đưa khách đến tham quan các điểm khai thác, mua, bán, nuôi nhốt động vật hoang dã trái phép hoặc vào các khu bảo tồn rừng để quan sát, thu thập mẫu vật các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm khi chưa được cơ quan quản lý khu bảo tồn cho phép và kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn cho người và động vật hoang dã;
- Không tổ chức hoặc tham gia các hội thi biểu diễn động vật hoang dã ở địa phương ngoại trừ các Đoàn xiếc trong và ngoài nước được phép hoạt động theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.
- Tuyên truyền về bảo vệ và phát triển động vật hoang dã bao gồm các quy định của pháp luật Việt Nam và các Công ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quản lý, bảo vệ, bảo tồn các loài động vật hoang dã thông tin đại chúng;

Các chủ thể chính trong thực hiện du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã

Cơ quan quản lý du lịch tại địa phương: xây dựng chính sách, chiến lược, quan điểm phát triển rõ ràng; phổ biến, tập huấn, phát tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương thực hiện theo các nguyên tắc có trách nhiệm; tổ chức các hội thảo, lớp đào tạo để nâng cao nhận thức và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hành; tuyên truyền, khuyến khích, tôn vinh các điển hình thực hiện du lịch có trách nhiệm...

Doanh nghiệp lữ hành: tập trung xây dựng chính sách, chiến lược doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc có trách nhiệm; thu hút và đào tạo nguồn nhân lực; có chế độ khen thưởng đối với cán bộ nhân viên thực hiện các sáng kiến có trách nhiệm; thực hiện các nguyên tắc phát triển du lịch có trách nhiệm; xây dựng các sản phẩm du lịch có trách nhiệm; hướng dẫn du khách thực hiện du lịch có trách nhiệm; khuyến khích các hoạt động du lịch tình nguyện và các hoạt động mang tính trách nhiệm cao; xây dựng quỹ bảo vệ môi trường, quỹ phát triển cộng đồng...

Khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch: xây dựng chính sách, chiến lược doanh nghiệp; thu hút và đào tạo nhân lực; chế độ thưởng phạt hợp lý; hướng dẫn khách du lịch thực hiện du lịch có trách nhiệm; thực hiện các nguyên tắc phát triển du lịch có trách nhiệm, đặc biệt trong sử dụng nguồn năng lượng, nguồn nước...

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác: có chính sách quản lý, bảo vệ môi trường và hoạt động phát triển bền vững của các nhà hàng; tiết kiệm năng lượng

và nước; sử dụng thực phẩm an toàn; xử lý và hạn chế chất thải; giảm thiểu ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường; sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và bán sản phẩm xanh...

Cộng đồng địa phương: cần có thái độ ứng xử thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ khách du lịch trong quá trình tham quan, tìm hiểu tại địa phương; hiểu biết về nguồn tài nguyên cộng đồng đang sở hữu để bảo vệ và giới thiệu đến du khách; tham gia các hoạt động du lịch một cách có tổ chức, tránh tình trạng tự phát, gây lộn xộn, thiếu văn minh đô thị...

Khách du lịch: tìm hiểu và tuân thủ các tập tục địa phương; lựa chọn các doanh nghiệp có quan điểm, tôn chỉ và hoạt động hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm; có ý thức tiết kiệm năng lượng; sẵn sàng tham gia các hoạt động môi trường, ủng hộ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; có ý thức bảo vệ môi trường, văn hóa bản địa...

Các tổ chức bảo tồn các loài động vật hoang dã và Các khu bảo tồn: Đảm bảo rằng các thể hệ tương lai có cơ hội hiểu biết và thưởng ngoạn các khu bảo tồn thiên nhiên còn chưa bị con người tác động trong một thời gian dài; Để duy trì các thuộc tính tự nhiên thiết yếu và chất lượng của môi trường trong thời gian dài; Để cho mọi người dân ở mọi cấp khác nhau có thể tiếp cận một loại hình mà loại hình này sẽ phục vụ tốt nhất lợi ích vật chất và tinh thần cho các du khách và gìn giữ được những nét đặc trưng của vùng hoang dã cho thế hệ hôm nay và mai sau; và Để giúp cho các cộng đồng các dân tộc thiểu số sống rải rác, cân bằng với các nguồn lực hiện có để duy trì lối sống của họ.

Liên kết hợp tác phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã

Trên thực tế, quản lý các khu vực tự nhiên đã có sự chuyển biến rõ rệt từ bảo tồn đa dạng sinh học thuần túy dựa trên cơ sở khoa học sang các phương pháp tiếp cận tích hợp mới như: quản lý khu vực và hệ sinh thái (khái niệm rộng hơn có phạm vi trao trùn về phát triển bền vững. Du lịch được coi là một hoạt động thương mại cần có lợi nhuận kinh tế để tồn tại và phát triển. Do đó, ở một góc độ nhất định môi quan hệ liên kết, hợp tác, đối tác có ý nghĩa rất lớn để đảm bảo yếu tố bảo tồn duy trì tính bền vững và đa dạng sinh học trong khi vẫn duy trì các lợi ích về kinh tế cho các bên tham gia trong ngành du lịch và quản lý khu bảo tồn. Điều này cũng thể hiện cách tiếp cận về du lịch bền vững khi tích hợp nhu cầu và lợi ích khác nhau của các bên liên quan, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch khi tham gia đối thoại và hợp tác với các nhóm và các lĩnh vực khác để đạt được mục tiêu bền vững thực sự. Về cơ bản, trong mỗi liên hệ hợp tác này, các bên có liên quan cần có sự sẵn sàng tham gia trong cả quá trình và có thỏa thuận về mục tiêu bền vững cũng như cách thức để đạt được chúng. Cách tiếp cận này sẽ mang lại nhiều lợi ích trong việc ra quyết định bởi nó có thể thể hiện ý kiến, năng lực cũng như quyền hạn của các bên liên quan.

Trên thực tế mỗi điểm đến sẽ có một đặc thù riêng trong việc cân bằng đối với việc bảo tồn các tài nguyên và vấn đề phát triển. Do đó khó có thể xây dựng

một tiêu chí nhất quán cho tất cả các điểm đến. Tuy nhiên đối với các điểm đến du lịch ở Tây nguyên, ngành du lịch xác định du lịch có trách nhiệm gắn với việc bảo tồn động vật hoang dã, ổn định kinh tế cộng đồng, chất lượng cuộc sống và môi trường tự nhiên độc đáo gắn với đặc trưng văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây nguyên là những thành phần quan trọng, cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cũng như sự liên kết hợp tác của các ngành, các cấp và cộng đồng điểm đến. Du lịch có trách nhiệm khu vực này cần có duy trì sự cân bằng giữa môi trường đời sống hoang dã, văn hóa bản địa và an ninh quốc phòng. Đây là những chỉ số cần có trọng số lớn hơn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài trong khu vực.

Liên kết hợp tác phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên

Giới thiệu chung về Tây Nguyên

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định Tây Nguyên là một trong 7 vùng du lịch trọng điểm của cả nước với những nét đặc trưng riêng của các điều kiện tự nhiên và những giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc bản địa... có thể tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù, mang đậm bản sắc Văn hóa Việt Nam có thể cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Vùng Tây Nguyên bao gồm lãnh thổ của 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích tự nhiên là 54.640,6 km² (chiếm 16,5% diện tích cả nước); dân số tính đến cuối năm 2010 là 5,214 triệu người (chiếm 6,0% dân số cả nước); mật độ dân số trung bình là 95 người/km².

Vùng Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh đối với cả nước và khu vực Đông Dương. Nằm ở khu vực ngã ba biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia, tiếp giáp với các vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, Vùng Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi để mở rộng giao lưu phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch với nhiều vùng trong cả nước và quốc tế.

Tây Nguyên có nền địa hình khá đa dạng, từ vùng núi cao đến các cao nguyên rộng lớn và các thung lũng với những cánh đồng trù phú..., đã tạo nên cho Tây Nguyên có khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm (khí hậu ôn đới trong lòng nhiệt đới), với nhiều cảnh quan hấp dẫn, nhiều thác ghềnh hiểm trở, nhiều cánh rừng nguyên sinh với giá trị đa dạng sinh học cao...

Tây Nguyên là nơi cư trú của 47 dân tộc anh em, mỗi dân tộc có những giá trị di sản văn hóa khác nhau đã tạo thành một kho tàng văn hóa đặc sắc nhất trong cả nước. Đó là “Không gian Văn hóa Cộng chiêng Tây Nguyên” – kiệt tác và là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; các giá trị kiến trúc truyền thống độc đáo như Nhà Rông, Nhà Dài, Nhà Mồ...; các lễ hội truyền thống độc đáo (lễ hội đua Voi, Cộng Chiêng, Bỏ Mả, Cơm Mới...); các giá trị văn hóa dân gian, các sử thi truyền miệng, các loại nhạc cụ dân tộc độc đáo. Tây Nguyên còn lưu

giữ nhiều di tích lịch sử cách mạng gắn liền với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc (Ngọc Kon Tum, Chiến thắng Đắc Tô – Tân Cảnh...).

Với những giá trị đặc sắc về tài nguyên du lịch, Tây Nguyên có thể khai thác để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, mang Thương hiệu Tây Nguyên để hấp dẫn khách du lịch và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Liên kết hợp tác phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên:

Vai trò:

Liên kết hợp tác cần thể hiện những kết quả cụ thể trong bối cảnh quản lý tài nguyên thiên nhiên và du lịch. Đây được coi như một phương tiện để huy động các nguồn lực và kỹ năng hướng đến việc tăng hiệu quả và năng suất đồng thời thúc đẩy sự đổi mới, đảm bảo sự bình đẳng, khuyến khích sự bình đẳng, sáng kiến bảo tồn, đẩy mạnh hợp tác ra quyết định và giải quyết xung đột, hỗ trợ sự điều phối và chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi cũng như sự hiểu biết giữa các bên liên quan.

Một số nguyên tắc cơ bản

- Liên kết hợp tác phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn các loài động vật hoang dã ở Tây nguyên phải được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi giữa các bên (doanh nghiệp, địa phương, ngành, vùng, quốc gia) và mang lại hiệu quả về kinh tế, văn hóa và xã hội
- Liên kết và hợp tác phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn các loài động vật hoang dã ở Tây nguyên phải bổ sung khắc phục những tồn tại, hạn chế, phát huy những tiềm năng, thế mạnh về du lịch của mỗi địa phương trong khu vực nhằm tạo ra sức mạnh, sức cạnh tranh chung về du lịch của Vùng so với các vùng khác

Một số nội dung liên kết, hợp tác

- Liên kết, hợp tác trong việc truyền thông và các hoạt động nâng cao nhận thức về du lịch có trách nhiệm và bảo vệ các loài động vật hoang dã ở Tây Nguyên.
- Liên kết, hợp tác trong thúc đẩy các hoạt động kinh doanh bền vững, có trách nhiệm trong khu vực.
- Liên kết hợp tác phát triển các sản phẩm du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên.

Hình thức liên kết, hợp tác

- Liên kết, hợp tác trong tập huấn, tổ chức hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng và các bên liên quan
- Liên kết hợp tác trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch có trách nhiệm có hiểu biết về bảo tồn động vật hoang dã
- Liên kết, hợp tác trong xây dựng một chương trình quảng bá xúc tiến, xây dựng thương hiệu để giới thiệu hình ảnh du lịch có trách nhiệm gắn với động vật hoang dã vùng Tây Nguyên

- Liên kết hợp tác xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, các khu bảo tồn gắn với hoạt động bảo vệ các động vật hoang dã ở Tây nguyên
- Cam kết hợp tác chính thức về du lịch giữa Chính quyền (UBND tỉnh/huyện/xã), giữa cơ quan quản lý chuyên ngành (Sở VH TTDL/Du lịch) ở các địa phương trong khu vực Tây Nguyên
- Hợp đồng liên doanh liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài khu vực Tây Nguyên với sự hỗ trợ của chính quyền các địa phương các cấp.
- Các Hiệp hội Du lịch ở các địa phương khu vực Tây Nguyên là cầu nối trong liên kết hợp tác để bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm cho các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn khi tham gia vào các hoạt động du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn động vật hoang dã ở Tây nguyên.
- Ký cam kết thực hiện du lịch có trách nhiệm và bảo tồn động vật hoang dã ở Tây Nguyên giữa các đơn vị kinh doanh du lịch trong và ngoài khu vực ở Tây Nguyên
- Ký biên bản hợp tác (MOU) với các khu bảo tồn động vật hoang dã, các tổ chức quốc tế nhằm cung cấp tài liệu, kinh nghiệm, hợp tác giới thiệu, hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cho du khách
- Ký cam kết thực hiện du lịch có trách nhiệm và bảo tồn động vật hoang dã trong cộng đồng địa phương khi tham gia hoạt động du lịch.
- Hợp tác với các đơn vị bảo tồn xây dựng quy định, quy tắc ứng xử trong việc phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn động vật hoang dã Tây Nguyên

Du lịch Việt Nam hiện đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt về việc quản lý, tổ chức hoạt động du lịch. Trước bối cảnh mới và xu hướng phát triển du lịch toàn cầu, ngành du lịch Việt Nam nhận thức rõ phát triển bền vững, có trách nhiệm chính là xu thế tất yếu của thời đại. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề ra các giải pháp hướng đến việc thực hiện du lịch có trách nhiệm để đạt đến sự phát triển bền vững. Để hiện thực hóa mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp liên quan. Phát triển du lịch có trách nhiệm sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của ngành du lịch Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Sharron I. Pfueller, Diane Lee, Jennifer Laing, *Tourism Partnerships in Protected Areas: Exploring Contributions to Sustainability, Environment management* 48:734-749: Springer, 2011.
- [2] H. Lan, 30 đơn vị du lịch cam kết bảo vệ môi trường và động vật hoang dã, <https://nhandan.vn/moitruong>, 2020.
- [3] H. An, Phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn động vật hoang dã, <https://www.qdnd.vn>, 2021.
- [4] 30 đơn vị du lịch ký cam kết bảo vệ môi trường và động vật hoang dã, <https://nhandan.vn/moitruong>.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

TS. Trần Phương Mai

Viện Nghiên cứu Phát triển Du Lịch - Tổng cục Du lịch

1. Du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã:

Du lịch có trách nhiệm là thuật ngữ không còn mới mẻ trên thế giới và cả tại Việt Nam. Thuật ngữ này được đề cập lần đầu tiên trong Tuyên bố Cape Town của UNWTO vào năm 2002. Theo đó, du lịch có trách nhiệm được xác định theo các nguyên tắc phát triển sau:

- Giảm đến mức tối thiểu các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường và xã hội;

- Tạo lợi ích kinh tế lớn hơn cho dân cư địa phương và nâng cao đời sống cộng đồng địa phương, nâng cao những điều kiện việc làm và khả năng tiếp cận với du lịch;

- Có sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các quyết định liên quan đến cuộc sống và cơ hội trong cuộc sống của họ

- Đóng góp tích cực vào gìn giữ những di sản tự nhiên và văn hóa và duy trì đa dạng sinh học

- Đem đến những trải nghiệm thú vị cho khách du lịch thông qua kết nối ý nghĩa với người dân địa phương, tăng cường hiểu biết về văn hóa bản địa, các vấn đề môi trường và xã hội;

- Tăng cường sự tiếp cận cho những người khuyết tật và những người yếu thế khác

- Hình thành sự tôn trọng giữa khách du lịch và chủ nhà, đồng thời xây dựng lòng tự hào và sự tự tin của địa phương⁴.

Du lịch có trách nhiệm được coi như một cách tiếp cận quản lý du lịch, nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và giảm thiểu chi phí tới các điểm đến. Bản chất của loại hình du lịch này chứa đựng những đặc trưng của phát triển du lịch bền vững, tuy nhiên nó mang tính phổ quát, định hướng cao hơn, thậm chí điều chỉnh tất cả các loại hình du lịch khác nhằm hướng đến mục tiêu phát triển hài hòa ngành du lịch, đem lại bình đẳng cho tất cả chủ thể tham gia vào quá trình phát triển du lịch; đồng thời góp phần đáng kể trong việc hỗ trợ tạo dựng một môi trường lành mạnh⁵.

Khái niệm du lịch có trách nhiệm gắn chặt với những khái niệm có liên quan như du lịch bền vững, du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch nông nghiệp, ... Trong đó, du lịch có trách nhiệm được tiếp cận như một phương thức để đạt được du lịch bền vững mà ở đó, 3 trọng tâm chính là văn hóa-xã hội,

⁴ (Responsible Tourism, n.d.)

⁵ (Nghiên cứu- trao đổi, 2013)

kinh tế và môi trường là những giá trị cốt lõi. Hay nói cách khác, du lịch có trách nhiệm dựa trên những nguyên tắc nhằm đảm bảo trách nhiệm của con người đối với xã hội-văn hóa, trách nhiệm với môi trường tự nhiên và trách nhiệm với sự phát triển kinh tế bền vững.

Phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã vẫn là sự phát triển du lịch với sự đảm bảo toàn vẹn trách nhiệm với kinh tế, xã hội-văn hóa và môi trường tự nhiên, trong đó, nhấn mạnh hơn nữa trách nhiệm môi trường với sự bảo tồn đa dạng sinh học và các loài hoang dã. Bởi đây là một trong những vấn đề mang tính cấp thiết không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, trước những tác động của du lịch tới thiên nhiên và các loài động vật hoang dã, trước những số liệu thống kê về sự tuyệt chủng của các loài, về số lượng các loài động vật được xếp vào danh sách có nguy cơ, và đồng thời nhìn nhận ngày càng rõ hơn của con người về vai trò và trách nhiệm của du lịch trong việc hạn chế và giải quyết những vấn đề này.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

2.1 Kinh nghiệm của Kenya:

Du lịch sinh thái ở Châu Phi qua hơn 100 năm phát triển gắn liền với những vẻ đẹp thiên nhiên hoang dã. Từ những năm 1980 các quốc gia Châu Phi đã hướng tới xu hướng bền vững, phát triển du lịch có trách nhiệm hơn. Nền công nghiệp du lịch của Châu Phi có vai trò hết sức to lớn, vừa mang ý nghĩa giáo dục, vừa là lá chắn bảo vệ cho những giá trị văn hóa, tự nhiên đặc sắc không đâu có ở châu lục này. Trước hết cần phải nhìn lại lịch sử của châu lục này trước năm 1980, khi mà rất nhiều những loài động vật hoang dã ở đây đứng trước bờ vực bị tuyệt chủng. Những nỗ lực hỗ trợ bảo tồn các loài động vật ở đây tiêu biểu như loài Gorilla ở Uganda, Rwanda và Congo bị cản trở không chỉ bởi hệ thống chính trị bất ổn mà còn bởi sự hiểu lầm của người dân địa phương. Cho đến cuối những năm 1990, những tour du lịch sinh thái Gorilla đã trở thành nền công nghiệp lớn thứ hai của những khu vực này⁶.

Trong số các nước Châu Phi, có thể nói Kenya – dù là một quốc gia có thu nhập thấp nhưng lại là một trong những điển hình tiêu biểu về thành công trong phát triển du lịch hướng tới bền vững, tạo sự cân bằng giữa cộng đồng, du khách và bảo tồn sự hoang dã lâu nhất có thể. Với diện tích quốc gia khoảng 580.367 km², trong đó 7,5% diện tích dành cho các khu vực bảo tồn động vật hoang dã, với 23 vườn quốc gia và 28 khu bảo tồn, 6 khu dự trữ biển, hàng năm đất nước này thu hút khoảng 1,5 triệu lượt khách du lịch⁷, số lượt khách đến tham quan tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia luôn vượt qua con số 2 triệu lượt mỗi năm⁸, đóng góp vào nền kinh tế quốc gia này khoảng 1 tỷ USD mỗi năm, khoảng 10% GDP. Du lịch trở thành ngành công nghiệp lớn nhất ở Kenya,

⁶ (USA Today, n.d.)

⁷ (GeographyCaseStudy.Com, n.d.)

⁸ (GeographyCaseStudy.Com, n.d.)

chiếm tổng số 9,3% vị trí việc làm trong cả nước⁹. Sự thành công của quốc gia này trong phát triển du lịch gắn với bảo tồn các loài động vật hoang dã được gói gọn trong hệ thống nguyên tắc và một số những bài học kinh nghiệm sau:

a. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái của Kenya¹⁰:

- Cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng nhất.
- Đảm bảo tính toàn vẹn của hệ sinh thái, tính minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh lữ hành.
- Đảm bảo tính chuyên nghiệp của đội ngũ phục vụ du lịch.
- Đảm bảo sử dụng các nguồn tài nguyên du lịch một cách hiệu quả nhất.
- Đảm bảo công bằng xã hội
- Luôn đổi mới và sáng tạo trong phát triển sản phẩm du lịch
- Luôn thể hiện tinh thần đồng đội giữa đội ngũ nhân viên và giữa các nhóm đối tác chính.

b. Bài học về xây dựng sản phẩm:

- Hình thành các khu vực bảo tồn. Động vật hoang dã nhìn thấy rõ nhất trong môi trường hoang dã, đó là lý do vì sao hệ thống các khu bảo tồn, vườn quốc gia ở Kenya được hình thành, phát triển, và du khách có thể ngắm nhìn thế giới hoang dã qua những điểm dừng chân. Những khu vực được bảo tồn này được mở cửa cho du khách và được quản lý bởi chính phủ hoặc chính quyền địa phương. Chính phủ Kenya nỗ lực tạo nên sự liên kết, chung sống hòa hợp giữa cộng đồng địa phương và các loài động vật hoang dã. Phần lớn các khu vực đất xung quanh các vườn quốc gia ở Kenya đều thuộc sở hữu của cộng đồng địa phương. Du khách đến đây hoàn toàn có thể sử dụng các dịch vụ lưu trú cộng đồng và thưởng thức, trải nghiệm cuộc sống hoang dã. Kenya cũng là nơi diễn ra các chương trình cứu hộ và phục hồi các loài động vật hoang dã, bảo tồn môi trường sống tương lai cho các loài.

- Hoạt động du lịch gắn với thiên nhiên và nâng cao nhận thức bảo tồn. Các hoạt động tham quan, vui chơi giải trí dựa vào thiên nhiên được tổ chức để tăng cường sự nhận thức của du khách về loài và bảo tồn loài. Từ các chương trình bảo tồn và phục hồi cho các loài hoang dã, nhất là voi và tê giác, tinh tình khách du lịch có thể đến thăm và nghe những câu chuyện về những chú voi, tê giác, tinh tình, hiểu về cách bảo vệ chúng, chống các hoạt động săn bắt trộm, cách các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc và giữ gìn nguồn nước cho động vật. Từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, các nhà khoa học sẽ gắn chip để theo dõi loài cá nhám voi qua vệ tinh, và sẽ tổ chức các tour để du khách được lặn cùng các nhà khoa học và theo dõi quá trình làm việc. Kenya cũng đề xuất các hoạt động thể thao gắn với du lịch sinh thái, tiêu biểu như khu bảo tồn động vật hoang dã

⁹ (GeographyCaseStudy.Com , n.d.)

¹⁰ (Viện nghiên cứu phát triển du lịch, n.d.)

Lewa - một trang trại tư nhân bảo tồn loài tê giác đã tổ chức giải chạy marathon hàng năm để gây quỹ bảo tồn loài¹¹.

- Cơ sở lưu trú thân thiện. Các cơ sở lưu trú thân thiện với hệ sinh thái, chú trọng tiết kiệm nước và sử dụng những nguồn năng lượng bền vững, sử dụng vật liệu tự nhiên để xây dựng...Rất nhiều các khu safari ở Kenya sử dụng năng lượng mặt trời để giảm lượng khí thải nhà kính. Các cơ sở lưu trú như Kilaguni Serena Safari Lodge và Little Governors' Camp 100% đều sử dụng năng lượng mặt trời; Tawi Lodge ngoài việc sử dụng năng lượng mặt trời còn tự phát triển mô hình trồng rau tại khu nghỉ để giảm thiểu việc vận chuyển nông sản. Porini Wilderness Safari có cơ chế quản lý nước thải, tất cả nước thải từ hoạt động nhà bếp, sinh hoạt của khách và nhân viên đều được thoát vào hố ngầm và tái sử dụng lại. Các khu lều của Governor đều có chính sách tiết kiệm tài nguyên, tái sử dụng giấy và các loại bìa carton để làm nhiên liệu cung cấp năng lượng làm nóng nước thay vì phải chặt cây địa phương. Các khu vực dựng lều lưu trú đều có các dự án trồng rừng riêng. Tại các khu vực xung quanh vườn quốc gia, cộng đồng địa phương cũng phát triển các loại hình lưu trú du lịch trải nghiệm đêm tại các lều sang trọng như khách sạn 5 sao với số lượng hạn chế, quan sát thế giới hoang dã ngay trong căn lều, ngắm hoàng hôn và bình minh nơi hoang dã, tham gia các hoạt động đi bộ quanh safari, lái xe ban đêm, tạo cơ hội cho khách tham gia vào các dự án cộng đồng...

- Hạn chế tác động, can thiệp tới hệ sinh thái, văn hóa bản địa. Hiệp hội các nhà tổ chức tour ở Kenya luôn khuyến khích thực hành du lịch có trách nhiệm, không can thiệp vào hệ sinh thái như di dời đá, thực vật, vỏ sò, phát tán các loại hạt giống... Khách du lịch tránh các hoạt động làm phiền đến động vật ít nhất có thể. Du khách cũng được khuyến cáo chỉ nên mua hàng hóa từ các khu vực chợ đã được chỉ định khi đến thăm các khu vực bờ biển và không được cho tiền người dân địa phương hay cho các loài động vật hoang dã ăn. Bên cạnh đó, khách du lịch đến Kenya cũng được khuyến khích sử dụng dịch vụ hướng dẫn viên du lịch địa phương, nhất là đối với các hoạt động liên quan, tương tác đến các loài. Từ năm 2017, Kenya cũng cấm việc sử dụng các loại túi nhựa, túi sử dụng 1 lần, đây được coi là bước đi lớn hướng tới làm trong sạch những thành phố của quốc gia này và bảo vệ các loài động vật hoang dã. Bất kỳ khách du lịch nào đặt chân đến Kenya với những chiếc túi ni lông, túi nhựa đều sẽ phải để lại ở sân bay. Tháng 6/2020, quốc gia này cũng đã cấm việc sử dụng tất cả các loại chai nhựa, cốc nhựa và những vật dụng đựng thức ăn sử dụng 1 lần¹².

c. Bài học về làm việc với cộng đồng.

Với Kenya, du lịch không thể bền vững nếu thiếu sự hỗ trợ của cộng đồng. Các khu bảo tồn ở Kenya không chỉ đem lại lợi ích cho cộng đồng, mà ngay chính các doanh nghiệp lữ hành, các hãng truyền thông, kênh truyền hình thực hiện các dự án phim tài liệu tham gia hoạt động tại đây cũng đều được

¹¹ (Ecotourism in Kenya, n.d.)

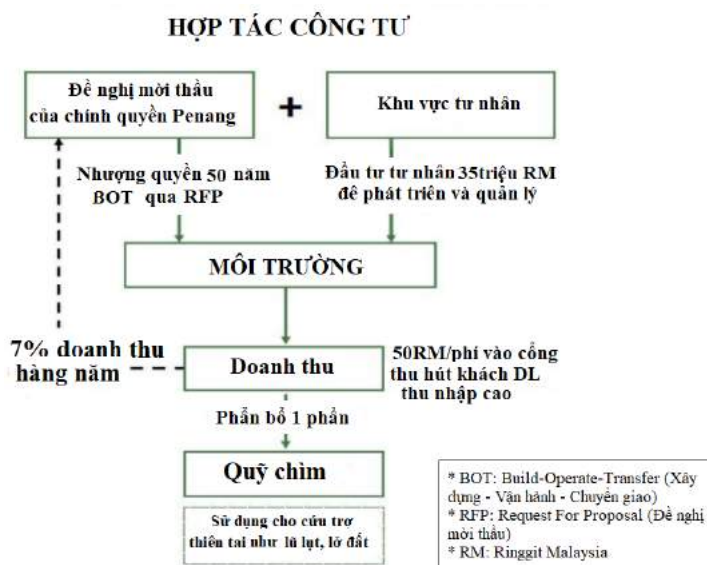
¹² (Ecotourism in Kenya, n.d.)

khuyến khích tham gia vào các chương trình hỗ trợ việc làm và cuộc sống của người dân bản địa, như hỗ trợ người dân khỏi bị tấn công bởi các loài động vật hoang dã; giảm mâu thuẫn giữa người dân và các loài động vật, tránh việc các đàn gia súc, gia cầm được người dân chăn nuôi bị tấn công bởi động vật ăn thịt; hỗ trợ người dân xây dựng trường học, lớp học và các thư viện nhỏ, cung cấp đồng phục, trả lương cho giáo viên, đầu tư cho giáo dục, y tế địa phương...; tạo việc làm cho những người yếu thế như mẹ đơn thân, người có hoàn cảnh khó khăn trong lĩnh vực tiêu thụ công nghiệp, sản xuất các hàng hóa, đồ lưu niệm. Người dân cũng được khuyến khích tích cực giao lưu với du khách thông qua các hoạt động giáo dục, y tế, bảo tồn, gìn giữ tài nguyên, cung cấp cho du khách những thông tin về địa phương, giới thiệu các giá trị văn hóa bản địa, các cách thức bảo tồn, gìn giữ và chung sống cùng các loài động vật hoang dã trong thiên nhiên. Chính sự hợp tác với cộng đồng từ chia sẻ nguồn tài nguyên, cung cấp việc làm, thu nhập, lao động, cho đến các nhà đầu tư xây dựng quỹ để hỗ trợ quản lý các dự án liên quan đến cộng đồng đã đem đến sự phát triển bền vững cho Kenya. Một phần lớn lợi nhuận thu được từ các hoạt động du lịch sẽ lại được tái đầu tư vào những dự án cộng đồng khác, nhằm đem lại lợi ích các bên tham gia, nhất là cộng đồng địa phương.

2.2 Kinh nghiệm của Malaysia

Malaysia là một trong những quốc gia Châu Á thành công phát triển ngành công nghiệp du lịch. Trước khi đại dịch Covid-19 diễn ra, du lịch Malaysia đứng thứ 4 Châu Á về khả năng thu hút khách. Năm 2019, quốc gia này thu hút hơn 26 triệu lượt khách và thu về hơn 20 tỉ USD, đóng góp hơn 5% vào GDP của quốc gia này. Du lịch trở thành một trong những nguồn thu ngoại tệ lớn của Malaysia, góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước, chính vì thế, ngay từ những năm 1990, chính phủ nước này đã tập trung xúc tiến du lịch sinh thái như một trong những hướng đi phát triển bền vững của quốc gia.

a. Bài học về hợp tác công tư trong phát triển du lịch sinh thái



Hình 1: Mô hình hợp tác công tư của Đồi Penang, Malaysia

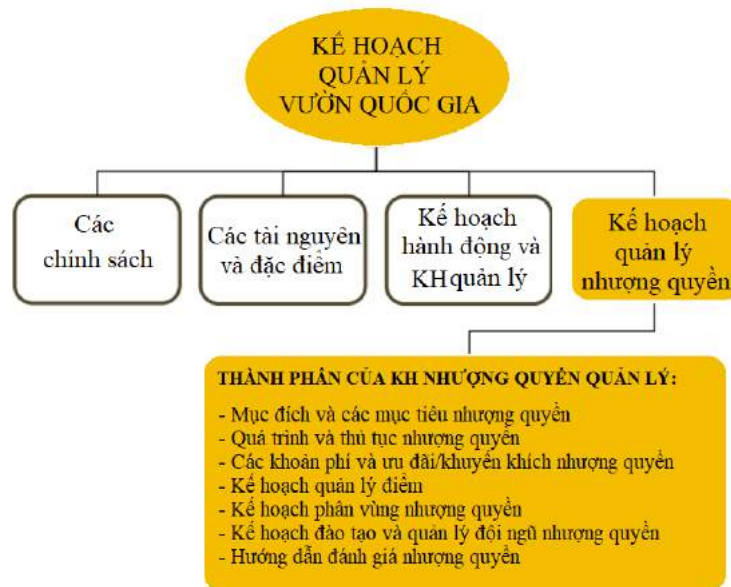
Hợp tác công tư là một trong những thành công của du lịch Malaysia trong phát triển du lịch sinh thái. Một trong những điển hình thành công của mô hình này là khu vực Đồi Penang – một trong những điểm du lịch sinh thái thu hút khách du lịch của Malaysia. (*Hình 1*)

b. Bài học về nhượng quyền du lịch trong phát triển du lịch sinh thái

MOTAC Malaysia xác định nhượng quyền trong phát triển du lịch sinh thái là một trong những biện pháp thích hợp cho các khu vực được bảo vệ và những điểm đến du lịch sinh thái để có tài chính bền vững. Những lợi ích của nhượng quyền du lịch bao gồm:

- Phát triển sản phẩm với chất lượng dịch vụ tốt hơn;
- Nâng cao sự hài lòng của du khách;
- Các cơ quan quản lý khu vực được bảo vệ có thể tập trung vào công tác bảo tồn;
- Giảm gánh nặng hành chính, nhân lực và tài chính;
- Nâng cao giá trị kinh tế;
- Giảm các hoạt động bất hợp pháp như săn bắt trộm;
- Tạo việc làm và phát triển năng lực, kỹ năng, tiếp cận nguồn vốn cho cộng đồng địa phương.

Chuẩn bị cho kế hoạch và chiến lược phát triển nhượng quyền du lịch được hợp nhất trong tất cả các kế hoạch quản lý các vườn quốc gia, Malaysia vạch ra rõ ràng những vấn đề cần là trọng tâm (*Hình 2*)



Hình 2: Kế hoạch quản lý nhượng quyền tại các Vườn quốc gia của Malaysia¹³

¹³ (MOTAC, 2015)

1 Cơ quan đứng đầu	▪ MNRE/MOTAC	
2 Chương trình: Đào tạo đặc biệt cho quản lý khu vực được bảo vệ	ĐÀO TẠO DU LỊCH	ĐÀO TẠO NHƯỢNG QUYỀN
	Phạm vi/Mô-đun: 1. Quản lý khách 2. Lưu trú 3. Các dịch vụ	Phạm vi/Mô-đun: 1. Quản lý các trường hợp (đầu thầu hay áp dụng) 2. Hoàn thành các báo cáo 3. Soạn thảo hợp đồng/thu tục thân 4. Đánh giá áp dụng 5. Giám sát các hoạt động nhượng quyền
3 Các đào tạo viên cấp cao	- MOTAC - Hiệp hội HDV du lịch - Các trường ĐH địa phương - v.v...	- Vườn quốc gia tại Sabah - Các đơn vị hoạch định kinh tế - v.v...
4 Đối tượng học viên	- Các quản lý khu vực được bảo vệ (quản lý, kiểm lâm, lễ tân...)	
5 Phương pháp đào tạo	- Đào tạo tại chỗ - Đào tạo thực tiễn/ Đào tạo thực tập sinh	
6 Tần suất đào tạo	- Hai lần 1 năm	
7 Kết quả mong đợi	- Các nhà quản lý có thể quản lý nhượng quyền du lịch và khách tham quan - Phát triển các kĩ năng, khả năng và năng lực	

Hình 3: Kế hoạch đào tạo quản lý và đào tạo nhượng quyền tại các khu vực được bảo vệ ở Malaysia¹⁴

Malaysia cũng xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo du lịch và đào tạo nhượng quyền giành riêng cho cán bộ quản lý tại các vườn quốc gia với sự phối hợp dẫn đầu của 2 bộ là Bộ năng lượng và tài nguyên môi trường (MNRE) và Bộ du lịch, nghệ thuật và văn hóa Malaysia (MOTAC) nhằm đảm bảo việc thực hiện công tác quản lý và kế hoạch nhượng quyền được triển khai thực hiện một cách bài bản, mang lại hiệu quả cao nhất cho việc phát triển du lịch cũng như bảo tồn. (Hình 3)

2.3 Kinh nghiệm phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo tồn động vật hoang dã tại một số điểm du lịch trên thế giới:

a. Tại rạn san hô Ningaloo, miền Tây Australia.

Sal Salis Ningaloo Reef thuộc sở hữu tư nhân của Wild Bush Luxury và nằm trong VQG Cape Range, phía Tây nước Úc. Tại đây có hệ thống 9 lều bán kiên cố nằm ngay mép nước để khách du lịch có thể lưu trú và trải nghiệm, chiêm ngưỡng thế giới động vật hoang dã. Theo Wild Bush Luxury, nguyên tắc sinh thái của Sal Salis là hạn chế tối đa việc tạo ra dấu chân môi trường. Khách du lịch đến Sal Salis để trải nghiệm môi trường thiên nhiên nguyên sơ gắn với cuộc sống dưới biển của rạn san hô Ningaloo và các loài động, thực vật biển khác quanh đó. Điểm đến này được xây dựng và thiết kế tương ứng với các tiêu chí của Chính phủ Queensland trong hướng dẫn phát triển du lịch sinh thái, cụ thể:

- Hoạt động du lịch được thiết kế cho phù hợp với đặc điểm của VQG
 - ✓ Màu sắc của lều và nơi lưu trú chính hòa cùng một cách tự nhiên với quang cảnh xung quanh

¹⁴ (MOTAC, 2015)

- ✓ Tất cả các lều đều hướng mặt ra biển cho phép gió biển làm mát một cách tự nhiên
 - ✓ Lều được thiết kế để khách có thể nhìn và nghe thấy những âm thanh và quan cảnh tự nhiên xung quanh
 - ✓ Các phòng và nơi lưu trú chính được xây dựng trên mặt đất để bảo vệ động, thực vật
 - ✓ Lối đi được lát ván tránh sỏi mòn đất.
- Hoạt động du lịch hạn chế tối đa dấu chân carbon tại điểm đến
- ✓ Đồ vải sử dụng được làm từ cotton hữu cơ và không cần giặt tẩy hoặc là
 - ✓ Ở những nơi có thể, các sản phẩm sử dụng có chứng nhận sinh thái và có nguồn từ địa phương
 - ✓ Lều trại sử dụng nhà vệ sinh khô (nhà vệ sinh sử dụng công nghệ sinh học sinh thái)
 - ✓ Nước xám từ tắm giặt được xử lý cẩn thận để đảm bảo chắc chắn nước đã lọc sạch được phân tán vào đất
 - ✓ Khách được cung cấp 20 lít nước một ngày để tắm rửa.
 - ✓ Nhà vệ sinh khô được chuyển ra bên ngoài để làm sạch
 - ✓ Tất cả rác thải được gom lại và chuyển đến kho thải Exmouth
 - ✓ Chai lọ đã được sử dụng được phân loại và gửi đến kho tái chế Exmouth
 - ✓ Tầm năng lượng mặt trời cung cấp 100% nhu cầu điện cho các hoạt động
 - ✓ Nước được làm nóng bằng hệ thống năng lượng mặt trời
 - ✓ Sử dụng gây phát quang dọc các lối đi
- Hoạt động du lịch khuyến khích du khách tôn trọng và bảo vệ VQG
- ✓ Khách được thông tin về tầm quan trọng của rừng san hô Ningaloo và VQG Cape Range. Suốt thời gian lưu trú, khách du lịch được tìm hiểu về các loài động thực vật trong vùng và sự biến đổi khí hậu, cũng như những tác động của nó đến môi trường địa phương.
 - ✓ Wild Bush Luxury tạo quỹ quyên góp từ mỗi khách một đêm cho việc bảo tồn động vật hoang dã ở Australia để hỗ trợ các sáng kiến bảo tồn môi trường và động vật hoang dã.

b. Tại khu cắm trại Damaraland, Thung lũng sông Huab, Namibia

Khu cắm trại Damaraland nằm tại thung lũng sông Huab thuộc Namibia thuộc sở hữu và được điều hành bởi cộng đồng địa phương. Đây được coi như sự liên kết hiếm hoi và thành công nhất giữa cộng đồng, môi trường và tương tác bền vững với động vật hoang dã. Khu bảo tồn động vật hoang dã với diện tích 80.000 ha được công bố như kết quả của sự hợp tác giữa doanh nghiệp DLST Wilderness Safaris và cộng đồng địa phương. Damaraland nằm ở bờ Bắc

của thung lũng sông Huab, cách 90 km đất liền từ vịnh Torra bên bờ Skeleton của Namibia gồm 10 chiếc lều và khu lưu trú chính. Khu cắm trại Damaraland là một ví dụ về cách đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và những người chủ truyền thống từ các hoạt động DLST nhất là ở các vùng nông thôn hay vùng sâu vùng xa và cũng là ví dụ điển hình về cách thức DLST có thể tái thiết lập lại những giá trị sinh thái trên vùng đất đã bị bào mòn. Tại đây, hoạt động du lịch gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường và những loài động vật hoang dã, đồng thời không tách rời những giá trị văn hóa bản địa, cụ thể:

- Hoạt động du lịch được thiết kế cho phù hợp với những đặc điểm của VQG. Công trình thân thiện với môi trường của Damaraland có sự kết hợp công nghệ mới với phương pháp cổ đại. Cơ sở lưu trú tại Damaraland gồm 10 buồng theo kiểu đá lợp tranh đặc trưng riêng. Khu vực lưu trú chính được làm từ đá địa phương và vải bố.

- Hoạt động du lịch góp phần bảo vệ và tăng cường một cách tích cực cho VQG. Giá trị sinh thái của khu vực được tái thiết lập với sự gia tăng của số lượng các loài hoang dã. Loài voi hiếm sa mạc, tê giác đen được phục hồi.

- Hoạt động du lịch mang lại lợi ích cho những người chủ sở hữu truyền thống và cộng đồng địa phương.

✓ Các safari hoang dã và cộng đồng địa phương Torra ở Damaraland được hình thành mối quan hệ đối tác rất thành công, với cộng đồng đóng vai trò là chủ đất. Khu bảo tồn động vật hoang dã cộng đồng với diện tích 352 ha được xây dựng ở nơi từng là đất đai cằn cỗi.

✓ Doanh thu từ Damaraland đến cộng đồng thông qua các khoản chi phí lưu trú qua đêm, cung cấp các dịch vụ, kinh doanh thứ cấp và trả lương; chính vì thế, các hoạt động kinh doanh DLST trở thành công cụ giảm bớt sự nghèo đói của khu vực. Cộng đồng tại đây cũng nhận được một khoản phần trăm nhất định từ doanh thu lưu trú và niềm tin trở thành một trong những cộng đồng đáng tin nhiệm và thành công nhất ở Namibia.

- Hoạt động du lịch khuyến khích du khách tôn trọng và bảo vệ VQG.

✓ Các hoạt động tập trung vào việc tôn trọng nhưng giá trị tự nhiên của khu vực và bao gồm cả hệ thống sông Huab thông qua việc nghiên cứu loài voi sa mạc và những loài động thực vật thích nghi đặc biệt khác.

✓ Môi trường tự nhiên được đánh giá cao thông qua tất cả các hoạt động của du khách. Ví dụ các bữa ăn tối tại khu Damaraland thường chuẩn bị và phục vụ trong không gian mở có lửa trại và gần khu vực lều.

3. Kết luận và bài học phù hợp với Việt Nam

Qua nghiên cứu một số kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về phát triển du lịch có trách nhiệm, gắn với bảo vệ động vật hoang dã. Một số bài học được cho là phù hợp và có tính thực tiễn với điều kiện của Việt Nam gồm:

- Bài học về việc cần thiết xây dựng nguyên tắc trong phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam

- Bài học xây dựng sản phẩm du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã thông qua tăng cường lòng ghép các hoạt động tham quan, học hỏi, diễn giải môi trường, tương tác với động vật tại các khu vực thiên nhiên được bảo tồn như VQG/KBT nhưng phải đảm bảo hạn chế tối đa tác động tới tâm lý, hành vi, thói quen, tập quán sinh sống cũng như bản năng hoang dã của động vật

- Bài học về sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch có trách nhiệm, cũng như chú trọng đến lợi ích của cộng đồng trong các hoạt động du lịch này.

- Bài học về xây dựng cơ chế hợp tác công tư trong phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại các khu vực thiên nhiên được bảo vệ như VQG/ KBT

- Bài học về xây dựng kế hoạch nhượng quyền du lịch trong việc nhân rộng và phát triển các mô hình du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã.

- Bài học trong xây dựng các tiêu chí và hướng dẫn phát triển các mô hình du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại các điểm/ khu du lịch.

Tài liệu tham khảo

1. (n.d.). Retrieved from Responsible Tourism: <https://responsibletourismpartnership.org/cape-town-declaration-on-responsible-tourism/>
2. *Ecotourism in Kenya*. (n.d.). Retrieved from USA Today : <https://traveltips.usatoday.com/ecotourism-kenya-30234.html>
3. Ecotourism Kenya. (2015). *Ecotourism Kenya Strategic Plan 2016 -2020*.
4. *GeographyCaseStudy.Com*. (n.d.). Retrieved from https://www.geographycasestudy.com/case-study-ecotourism-in-kenya/#Ecotourism_in_Kenya
5. MOTAC. (2015). *National Ecotourism Plan*.
6. MOTAC. (2015). *National Ecotourism Plan 2016 - 2025 (Executive summary)*.
7. *Nghiên cứu- trao đổi*. (2013). Retrieved from Tổng cục Du lịch: <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/11305>
8. *USA Today*. (n.d.). Retrieved from <https://traveltips.usatoday.com/effects-ecotourism-kenya-111508.html>
9. Queensland Government. (2015). *Best practise Ecotourism Development guidelines*.

GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

ThS. Nguyễn Hoàng Mai

Phó trưởng phòng QLKH&HTQT - Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

Sự phát triển của hoạt động du lịch đến các khu vực tự nhiên, khu bảo tồn dã và đang mang lại những tác động cả tích cực và tiêu cực đến môi trường, thiên nhiên, hệ sinh thái và động vật hoang dã. Kinh doanh du lịch mang lại nguồn thu cho cộng đồng địa phương, đóng góp cho hoạt động bảo tồn, nâng cao nhận thức xã hội về bảo vệ hệ sinh thái, động vật hoang dã. Tuy nhiên, hoạt động du lịch cũng gây ra những xáo trộn đối với môi trường sống của động vật hoang dã về nguồn thức ăn, tiếng ồn, ánh sáng; tạo ra những nguy cơ như bị tai nạn do phương tiện vận chuyển khách, xây dựng phục vụ du lịch, săn bắn làm đồ lưu niệm, hàng hóa, đồ ăn... Vì vậy, du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại các khu vực bảo tồn sẽ góp phần giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực và đóng góp vào công tác bảo tồn và phát triển của hệ sinh thái tự nhiên.

Cùng với sự phát triển của xã hội hiện đại, những giải pháp công nghệ đã tạo ra nhiều thay đổi và những hướng tiếp cận mới trong mọi lĩnh vực của đời sống. Trong khuôn khổ của tham luận này, khoa học công nghệ được đề cập đến như một trong những giải pháp góp phần vào bảo vệ động vật hoang dã và hỗ trợ cho sự phát triển của hoạt động du lịch có trách nhiệm ở khu vực bảo tồn tự nhiên.

Khoa học công nghệ và công tác bảo vệ động vật hoang dã

Trên thực tế, ứng dụng khoa học công nghệ đã làm thay đổi hoạt động buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã bao gồm sừng tê giác, ngà voi, chim ngoại lai, vượn sông hoặc vảy tê tê. Theo Lavorgna (2014), Internet đã thực sự giúp tăng cường việc buôn bán động vật hoang dã. Công nghệ đã biến toàn bộ thế giới trở thành một thị trường chung không có rào cản hay khoảng cách. Từ góc độ người săn trộm, công nghệ cũng đang mang lại lợi ích cho họ. Thông qua ứng dụng công nghệ trên Internet, bọn tội phạm có thể trao đổi thông tin nhanh hơn và hiệu quả hơn giúp mở rộng hoạt động giao dịch của chúng. Công nghệ cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho cả trao đổi thông tin và mối quan hệ qua lại hiệu quả giữa người mua, người trung gian và nhà cung cấp để khuyến khích buôn bán bất hợp pháp các loài động vật hoang dã.

Tuy nhiên, việc ứng dụng khoa học công nghệ một cách hợp lý vẫn đóng vai trò tích cực và mang lại hiệu quả rõ ràng trong việc hỗ trợ bảo tồn động vật hoang dã, bảo vệ môi trường và thực thi pháp luật và trật tự của các cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, nhiều công nghệ hiện đại đã được ứng dụng trong công

tác bảo tồn động vật hoang dã tại nhiều khu vực được bảo vệ nghiêm ngặt ở các quốc gia trên thế giới. Một số công nghệ điển hình đang được sử dụng như SMART, Audio Moth, xét nghiệm DNA, thiết bị máy bay không người lái, trí tuệ nhân tạo (AI)...

SMART: Phần mềm chỉ dẫn kiểm lâm

Tận dụng tối đa nhân lực hạn chế trong các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên là điều rất quan trọng vì ngay cả các bộ kiểm lâm được đào tạo và trang bị tốt cũng không thể ngăn chặn những kẻ săn trộm nếu họ ở quá xa các loài động vật đang bị đe dọa.

Công cụ báo cáo và giám sát không gian (SMART) đã được thiết kế để giải quyết vấn đề này. Hiện nó được sử dụng tại 2.000 địa điểm trên toàn cầu để theo dõi quần thể voi, báo tuyết, tê giác và cá heo. Phần mềm được phát triển bởi Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), Sở thú Luân Đôn và Frankfurt cùng Hiệp hội Bảo tồn Động vật hoang dã (WCS). SMART cho phép các nhóm bảo tồn thu thập, phân tích và truyền dữ liệu về động vật hoang dã, các hoạt động bất hợp pháp và tuần tra bảo vệ. Điều này giúp việc điều động nguồn lực đến đúng mục tiêu nhanh chóng và chuẩn xác hơn. Hệ thống được cập nhật liên tục với thông tin đầu vào từ người dùng, thậm chí, giờ đây nó có thể thực hiện các khảo sát sinh học – nơi các nhóm bảo tồn đã thu thập dữ liệu về tình trạng và quần thể động vật hoang dã. Đặc biệt, SMART là phần mềm miễn phí, nguồn mở và quan trọng nhất là chúng tích hợp sẵn các ngôn ngữ địa phương.

Tại khu vực Kenya, Maasai Mara, SMART đã tăng gấp bốn lần mức độ bao phủ của các cuộc tuần tra, góp phần giảm 74% nạn săn trộm và không gây ngộ độc động vật hoang dã trong năm 2017. Các chiến binh Maasai cũng đã được huấn luyện để sử dụng SMART nhằm bảo vệ gia súc của họ bằng cách theo dõi sự di chuyển của sư tử, giúp giảm 67% các cuộc săn đuổi sư tử để trả thù kể từ năm 2010.

Tại Mỹ, các nhà khoa học máy tính tại Đại học Nam California đã phát triển một nền tảng theo dõi kỹ thuật số nguồn mở có tên là SMART được liên kết với 'Trợ lý bảo vệ an ninh động vật hoang dã' (PAWS) do AI cung cấp, ngẫu nhiên hóa lịch trình của kiểm lâm để những kẻ săn trộm bị động và tạo ra bản đồ nhiệt của các khu vực săn trộm tạo điều kiện cho các kiểm lâm viên địa phương có thể phát hiện và thu hồi bẫy săn trộm.

Tại Myanmar, hỗ trợ SMART và chương trình đào tạo bổ sung đã được trao cho người Karen để thành lập Công viên Hòa bình Salween rộng 2.100 dặm

nhằm bảo tồn các khu rừng cộng đồng và vùng đất tổ tiên trước sự phát triển đa quốc gia.

Ở Campuchia, PAWS dự đoán hành vi săn trộm từ các địa điểm bẫy, địa hình địa phương và bản đồ đường bộ, dẫn đến dự đoán hoạt động săn trộm tốt hơn và tuần tra ngẫu nhiên thông minh. Dự án PAWS có thể được đưa vào 100 khu bảo tồn châu Phi và châu Á vào đầu năm tới và 300-600 trên toàn thế giới vào cuối năm 2020.

AudioMoth: Luôn lắng nghe nguy hiểm

Giám sát âm thanh có lẽ là một công cụ mạnh mẽ trong việc phát hiện các loài động vật và nghe lén các hoạt động bất hợp pháp. Tuy nhiên, hầu hết các thiết bị giám sát mặt đất quá lớn, tốn kém và không hiệu quả, tiêu tốn năng lượng pin và nhân lực khi kiểm tra các bản ghi âm dài.

AudioMoth giải quyết những vấn đề này bằng cách sử dụng máy học để đào tạo thiết bị trong việc chọn và ghi lại những âm thanh có liên quan như tiếng kêu của động vật cụ thể, tiếng súng hoặc tiếng cưa máy. Hệ thống này được phát triển bởi các nghiên cứu sinh tiến sĩ thuộc hai trường Đại học Southampton và Oxford, giúp tiết kiệm pin, thiết bị lưu trữ và thời gian cần thiết để xem xét các tệp âm thanh. Nó rẻ hơn và linh hoạt hơn nhiều so với các công nghệ âm thanh truyền thống. Trong trường hợp phát hiện ra tiếng súng nổ, thiết bị sẽ gửi cảnh báo đến trạm kiểm lâm để đội tuần tra có thể được điều đi ngay lập tức. Ở Belize, chính phủ nước này đã sử dụng AudioMoth để ước tính mức độ săn trộm của các động vật có vú nhỏ trong các khu vực được bảo vệ và nhằm mục đích tuần tra. AudioMoth được phát hành dưới dạng công nghệ nguồn mở vào năm 2017.

Xét nghiệm DNA giá rẻ

Phân tích DNA thông qua mẫu máu hoặc nước bọt để xác định động vật hoang dã được bảo vệ là công nghệ đặc biệt hữu ích khi những kẻ buôn bán động vật hoang dã cố gắng ngụy trang bằng một loài động vật khác trong khi những người thi hành công vụ nghi ngờ cá thể động vật được bảo vệ nhưng không đủ bằng chứng để ngăn chặn lô hàng. Hiện nhiều quốc gia là điểm “nóng” buôn bán động vật hoang dã trái phép đang rất thiếu các cơ sở thử nghiệm và phải gửi mẫu ra nước ngoài để phân tích.

Các nhà nghiên cứu tại Đại học Leicester đã hợp tác với Oxford Nanopore, một công ty chuyên về các sản phẩm phân tích các phân tử DNA của bất kỳ sinh vật sống nào với giá rẻ và đơn giản, đặc biệt, có thể thực hiện ở bên ngoài môi trường phòng thí nghiệm truyền thống. Hiện nhóm nghiên cứu cũng

đang phát triển một thử nghiệm cho phép xác định một mẫu đáng ngờ nhanh nhất có thể tại bến cảng, chợ hoặc đồn hải quan. Thiết bị này cần phải đủ đơn giản để được sử dụng bởi một người không được đào tạo khoa học và đủ nhanh để xác định các mẫu vật trong vòng vài giờ để nó có thể đem lại hiệu quả trực tiếp. Các nhà phát triển hy vọng thiết bị đặc biệt này sẽ giúp các mẫu vật được giám định pháp y để chúng có thể được sử dụng làm bằng chứng trước tòa.

Bảo vệ tê giác Ấn Độ với máy bay không người lái

Vườn quốc gia Kaz Kazngnga, Ấn Độ là nơi sinh sống của 2/3 số cá thể tê giác một sừng trên thế giới, loài động vật gần như bị xóa sổ vào những năm 1990 do niềm tin của người Trung Quốc và Việt Nam cho rằng sừng tê giác là một loại thuốc bổ. Máy bay không người lái hiện đang được sử dụng tại Vườn quốc gia Kaziranga để theo dõi liên tục các loài tê giác, hổ, voi và động vật hoang dã quý hiếm khác. Vườn Kaziranga rộng 480 km² và các loài dễ bị tổn thương nhất ở đây thường hoạt động nhiều nhất vào ban đêm, vì vậy, sử dụng máy bay không người lái sẽ có hiệu quả cao hơn trong việc bắt những kẻ săn trộm so với việc kiểm lâm đi tuần tra. Máy bay được trang bị thiết bị chụp ảnh và lập bản đồ nhiệt, cộng với máy ảnh có khả năng chụp cả ngày lẫn đêm, hình ảnh video từ máy bay có thể được theo dõi trên mặt đất trong thời gian thực. Hình ảnh của máy bay không người lái cũng có thể được sử dụng để cung cấp giám sát thường xuyên cho các khu vực hẻo lánh xa xôi, bao gồm cả hoạt động điều tra số lượng và phân tích quần thể thực vật. Chính phủ Ấn Độ đã đưa máy bay không người lái vào kế hoạch bảo vệ động vật hoang dã 14 năm.

Hiện máy bay không người lái cũng đang được sử dụng ở Indonesia để khảo sát môi trường sống của đười ươi và ở Belize để giám sát việc đánh bắt cá bất hợp pháp.

Công nghệ Drone đã giúp tăng cường hiệu quả cho những người bảo vệ động vật hoang dã với khả năng quay video cùng với hình ảnh hồng ngoại hoặc nhiệt vào ban đêm khi những kẻ săn trộm hoạt động mạnh nhất. Khi công nghệ máy bay không người lái được kết nối tự động trở nên phổ biến hơn - với các máy bay không người lái có thể phối hợp và liên lạc với nhau - lúc đó giá trị giám sát và thu thập dữ liệu tinh vi được tăng lên. Và chính cách tiếp cận dữ liệu được nối mạng này cung cấp giá trị cao nhất trong việc ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp.

AI: Phòng chống rửa tiền từ buôn bán DVHD

Theo dõi ngân quỹ của tội phạm cũng quan trọng như theo dõi những kẻ săn trộm. Startup RisikoTek có trụ sở tại Singapore đã phát triển phần mềm để

theo dõi các khoản tiền bất hợp pháp từ buôn bán động vật hoang dã thông qua hệ thống tài chính. RisikoTek phân tích các dữ liệu phức tạp và dùng AI để phát hiện các dấu hiệu tội phạm trong dữ liệu. Các thuật toán liên kết dữ liệu từ các tổ chức phi chính phủ, báo cáo truyền thông, thương mại và các công ty để giúp xác định các thực thể tội phạm và mạng lưới của chúng. Thông tin sau đó có thể được sử dụng bởi các ngân hàng, kết hợp với dữ liệu của riêng họ, để theo dõi các khoản thanh toán được thực hiện bởi hoặc cho những kẻ bị nghi là tội phạm. RisikoTek đã thử nghiệm công nghệ này và đang tìm cách thử nghiệm tại một ngân hàng với sự hỗ trợ nhiệt tình từ các tổ chức phi chính phủ trong việc chia sẻ dữ liệu.

Công nghệ máy ảnh nổi bật, máy ảnh Trailguard AI có kích thước bằng bút chì, sử dụng các đơn vị xử lý hình ảnh của Intel để chụp ảnh và tạo ra ngân hàng dữ liệu trên hàng trăm nghìn bức ảnh, bao gồm các góc khác nhau, tư thế và bối cảnh để xác định những kẻ săn trộm. Pin Trailguard được ước tính tồn tại trong 1,5 năm trong tự nhiên và có thể truyền dữ liệu qua mạng di động, liên kết vô tuyến công suất thấp hoặc kết nối vệ tinh. Công nghệ được đào tạo này có nhiều lựa chọn hơn và chỉ truyền vào những hình ảnh có khả năng chứa hoạt động săn trộm.

Ứng dụng khoa học công nghệ gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm, bảo vệ động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên

Vùng Tây Nguyên với tổng diện tích tự nhiên 54.641km², dân số 5,8 triệu người, nổi tiếng với diện tích núi đồi đất đỏ bazan rộng lớn, những con sông đầu nguồn và những khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Theo kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2018, tổng diện tích có rừng của các tỉnh Tây Nguyên là 2.557.322 ha, tỷ lệ che phủ rừng toàn vùng đạt 46%. Tây Nguyên là một trong những vùng có tính đa dạng sinh học rất cao của Việt Nam, là nhà của nhiều loài động vật quý hiếm được pháp luật bảo vệ như hổ, beo lửa, báo, bò tót, bò rừng, voọc chà vá chân đen, công xanh, và đặc biệt là voi. Khu vực này có 6 vườn quốc gia, 5 khu bảo tồn thiên nhiên, 2 khu bảo tồn loài và sinh cảnh, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm nằm trong Sách Đỏ của thế giới và Việt Nam.

Từ ngàn đời xưa, người Tây Nguyên nương tựa vào thiên nhiên, sinh sống và phát triển hài hòa với các loài động vật hoang dã. Nhưng trong những thập kỷ gần đây, sự cân bằng này đang bị phá vỡ. Áp lực phát triển của con người và xã hội hiện đại đè nặng lên thiên nhiên. Khu vực rừng bị thu hẹp, nhường đất cho phát triển nông lâm nghiệp và cơ sở hạ tầng; sông, suối bị ô nhiễm và quần thể các loài hoang dã bị suy giảm nghiêm trọng do mất sinh cảnh sống và bị săn bắt

tận diệt để phục vụ nhu cầu ẩm thực, thuốc đông y và đồ trang sức. Từ hàng ngàn cá thể voi hoang dã, giờ Tây Nguyên chỉ còn khoảng 70 cá thể, sống co cụm trong Vườn Quốc gia Yok Don. Loài bò tót từ hơn 4.000 giờ còn chưa tới 400 cá thể trên toàn quốc. Loài hổ cũng đã biến mất khỏi núi rừng khu vực Tây Nguyên và các loài mèo lớn khác đang bị ráo riết săn lùng (WWF, 2018).

Nhiều giải pháp đã được các nhà khoa học, nhà quản lý đưa ra nhằm giải quyết tình trạng suy giảm các loài động vật hoang dã tại vùng Tây Nguyên. Trong đó, du lịch có trách nhiệm nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, đồng thời mang lại nguồn thu, mở rộng sinh kế cho người dân bản địa sẽ góp phần tích cực vào công tác bảo tồn loài hoang dã tại khu vực này. Ngoài ra, kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ với du lịch cũng tạo ra những hiệu ứng cộng hưởng để hoạt động bảo vệ động vật hoang dã tại khu vực này đạt hiệu quả cao hơn. Một số giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ với phát triển du lịch tại các khu vực bảo tồn ở Tây Nguyên có thể thực hiện được, như sau:

- Sử dụng camera gắn trên các thiết bị máy bay không người lái (drone) để quan sát và lập bản đồ của nhiệt của động vật hoang dã. Các thiết bị máy bay không người lái sẽ sử dụng hiệu quả tại không gian rộng lớn cùng với địa hình phức tạp của các khu vực bảo tồn vùng Tây Nguyên, hỗ trợ tích cực cho lực lượng kiểm lâm và nhân viên có hạn tại các BQL. Ngoài ra, các hình ảnh từ drone cũng có thể được cung cấp như một hoạt động trải nghiệm ngắm nhìn động vật hoang dã từ xa cho khách du lịch khi tới thăm khu vực bảo tồn.

- Lắp đặt các thiết bị định vị, theo dõi (ví dụ như đeo vòng cổ gắn chip điện tử) với một số cá thể động vật hoang dã (đặc biệt là loài voi Tây Nguyên) thuộc diện nguy cấp sau khi được cứu hộ, thả về rừng để nắm bắt tình hình, khả năng thích nghi, sinh tồn của những cá thể này. Xét nghiệm ADN phân tích tình trạng và thống kê chi tiết số lượng cá thể, cấu trúc giới tính, tuổi của các loài động vật hoang dã trong khu vực, từ đó có những hành động bảo vệ phù hợp. Việc theo dõi sự di chuyển và đặc điểm tính chất các loài giúp đưa ra những kế hoạch phát triển du lịch phù hợp, tránh việc đưa khách du lịch vào khu vực dễ gây tổn thương cho động vật hoang dã.

- Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), công nghệ 3D, 360°... phát triển một số sản phẩm công nghệ và hỗ trợ trải nghiệm cho khách du lịch khi đến thăm quan tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn ở Tây Nguyên. Phát triển một số sản phẩm du lịch công nghệ như tour du lịch ảo, phim 3D khám phá rừng nguyên sinh, quan sát, tìm hiểu các loài động vật hoang dã nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch thăm quan các VQG, KBTTN khi không thể vào được các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; khó tiếp cận, quan sát các loài động vật hoang dã, đặc

biệt là những loài quý hiếm. Các công nghệ này có thể mang đến cho khách du lịch những trải nghiệm “như thật”, bằng trực quan sinh động thay vì chỉ xem một vài hình ảnh chụp hoặc qua lời giới thiệu của hướng dẫn viên. Các sản phẩm hình ảnh thực tế ảo cũng có thể được sử dụng trong hoạt động marketing, xúc tiến quảng bá về du lịch Tây Nguyên tại các sự kiện du lịch (hội chợ, triển lãm, sự kiện du lịch quốc tế...) nhằm thu hút sự quan tâm của công chúng đến động vật hoang dã và thiên nhiên tươi đẹp của khu vực này.

- Ứng dụng phần mềm “trợ lý ảo” (hướng dẫn viên ảo) và các tiện ích khác sử dụng trên điện thoại thông minh hỗ trợ khách du lịch khi đến thăm quan các VQG, KBTTN. Những ứng dụng này sẽ phát huy tác dụng rất lớn trong trường hợp các đoàn khách đông hoặc nhiều khách lẻ đến thăm quan VQG, KBTTN trong khi số lượng hướng dẫn viên có giới hạn, không đáp ứng được hết nhu cầu tìm hiểu của khách du lịch. Các câu hỏi của khách có thể được “trợ lý ảo” giải đáp, hoặc khách có thể tra cứu thông tin nhanh chóng thông qua quét các mã QR, hoặc phần mềm thuyết minh tự động đối với một số hiện vật, địa điểm quan trọng.

Tuy nhiên, khu vực Tây Nguyên hiện nay còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện tài chính, nguồn lực nên các giải pháp đề ra cũng khó có thể thực hiện được hiệu quả và triệt để. Vì vậy, để thực hiện được việc ứng dụng khoa học công nghệ gắn với hoạt động du lịch tại khu vực Tây Nguyên nhằm bảo vệ động vật hoang dã như trên, một số hành động cụ thể cần làm như:

- Ban quản lý các vườn quốc gia, khu bảo tồn trên địa bàn cần tích cực kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ nước ngoài về hỗ trợ tài chính, nguồn lực cho ứng dụng công nghệ trong hoạt động bảo tồn động vật hoang dã tại Tây Nguyên. Hàng năm, các báo cáo đề xuất giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ cần được thực hiện đầy đủ và công bố rộng rãi để tìm kiếm nguồn tài trợ từ quốc tế.

- Các ban ngành quản lý tại địa phương đầu tư vào các trang thiết bị công nghệ hiện đại hỗ trợ việc quản lý và giám sát hoạt động bảo vệ hoang dã. Các công cụ này cũng có thể được sử dụng một phần cho việc quan sát động vật hoang dã từ xa cho khách du lịch, giảm thiểu sự tiếp xúc và tránh làm ảnh hưởng đến cuộc sống của động vật hoang dã.

- Kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp khai thác hoạt động du lịch trên địa bàn xã hội hoá, đầu tư một phần trang thiết bị, ứng dụng công nghệ hỗ trợ hoạt động du lịch quan sát động vật hoang dã từ xa để gia tăng trải nghiệm cho khách du lịch, tạo ra những sản phẩm du lịch mới, độc đáo.

- Đưa ra những quy định nghiêm ngặt về ứng dụng công nghệ gắn với phát triển du lịch nhằm giảm thiểu tác dụng ngược khi những kẻ săn trộm trà trộn vào khách du lịch để nắm bắt thông tin về hoạt động, cuộc sống của động vật hoang dã thông qua các thiết bị theo dõi, quan sát hiện đại.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, kiểm lâm trong ứng dụng khoa học công nghệ bảo vệ ĐVHD, hướng dẫn sử dụng các thiết bị hiện đại hỗ trợ hoạt động du lịch khi có nhu cầu khai thác phát triển.

Có thể thấy, giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong công tác bảo tồn và bảo vệ ĐVHD vùng Tây Nguyên yêu cầu nhiều nguồn lực tài chính trong bối cảnh còn nhiều khó khăn của khu vực. Tuy nhiên, cùng với sự hỗ trợ của những tổ chức quốc tế và cơ quan nhà nước, việc ứng dụng KHCN sẽ tạo ra thay đổi lớn cho công tác bảo tồn, giảm thiểu những hành động săn bắn trái phép, tạo môi trường sống tốt hơn cho ĐVHD. Việc kết hợp công nghệ với hoạt động du lịch sẽ tạo ra nguồn thu cho mới cho công tác bảo tồn, đồng thời gia tăng trải nghiệm cho khách du lịch bởi hoạt động quan sát ĐVHD trong điều kiện hiện nay là rất khó và hiếm. Với tác dụng cộng hưởng như vậy, du lịch có trách nhiệm và công nghệ hiện đại sẽ góp phần tích cực vào bảo vệ động vật hoang dã vùng Tây Nguyên, tạo ra sự thay đổi tích cực cho du lịch của khu vực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hassan, A., & Sharma, A. (2017). Wildlife tourism: Technology adoption for marketing and conservation. In *Wilderness of wildlife tourism* (pp. 61-85). Apple Academic Press.

WWF. (2018). Hồi đáp tiếng kêu cứu của núi rừng: Tây Nguyên quyết tâm bảo vệ các loài hoang dã còn lại của mình. Retrieved from <https://wwf.panda.org>.

Hồng Việt. (2018). 5 công nghệ cứu động vật hoang dã khỏi những tay săn trộm. Retrieved from <https://baovemoitruong.org.vn>.

Thế Tường. (2019). Công nghệ bảo vệ động vật hoang dã như thế nào?. Retrieved from <https://dientungaynay.vn>.

Văn Hào. (2020). Bảo tồn voi Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp. Retrieved from <https://baotintuc.vn>.

GIẢI PHÁP TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC, Ý THỨC VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM GẮN VỚI BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở TÂY NGUYÊN

ThS. Nguyễn Thanh Bình

Vụ trưởng Vụ Khách sạn - Tổng cục Du lịch

Tóm tắt:

Trên bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh du lịch toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), bên cạnh những yếu tố nổi trội, Việt Nam còn cần cải thiện mức độ bền vững về môi trường.

Việt Nam đã tham gia các hiệp ước đa phương như Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước về đa dạng sinh học và đã ban hành nhiều văn bản pháp luật, nghị định, quy định và hướng dẫn liên quan đến việc bảo vệ các loài động, thực vật hoang dã. Tuy nhiên động vật hoang dã suốt thời gian dài bị săn bắt liên tục nên số lượng và các loài đã giảm sút nghiêm trọng, một số loài đặc biệt quý hiếm bị tàn sát đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Tình hình đặc biệt nghiêm trọng ở khu vực Tây Nguyên, nơi từng được đánh giá có tính đa dạng sinh học bậc nhất trong 200 vùng đa dạng sinh học trên thế giới với nhiều loài động vật chỉ thị cho môi trường sinh thái toàn cầu.

Với nguyên tắc đảm bảo đồng thời trách nhiệm về kinh tế, trách nhiệm về xã hội và trách nhiệm về môi trường, cần phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã tại Tây Nguyên với những biện pháp thiết thực, hiệu quả.

Việc tuyên truyền để nâng cao ý thức, trách nhiệm không chỉ ở một cấp, một ngành, một thời điểm. Mỗi tổ chức, cá nhân thực hiện tuyên truyền có thể lựa chọn áp dụng các nội dung và biện pháp thực hiện khác nhau, nhưng để đạt hiệu quả mong muốn, cần sự vào cuộc của tất cả các bên tham gia.

Trong khuôn khổ bài viết sẽ giới thiệu một số giải pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức của tất cả các bên tham gia trong lĩnh vực du lịch, góp phần bảo vệ động vật hoang dã, giúp gìn giữ môi trường và những tài nguyên thiên còn lại của khu vực Tây Nguyên.

1. Du lịch có trách nhiệm và quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

1.1 Lý luận về du lịch có trách nhiệm:

Du lịch có trách nhiệm là một cách tiếp cận quản lý du lịch, nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và giảm thiểu chi phí tới các điểm đến. Loại hình du lịch này chứa đựng những đặc trưng của phát triển du lịch bền vững, nhưng mang tính phổ quát, định hướng cao hơn, thậm chí điều chỉnh tất cả các loại hình du lịch khác nhằm hướng đến mục tiêu phát triển hài hòa ngành du lịch, đem lại bình đẳng cho tất cả chủ thể tham gia vào quá trình phát triển du lịch; đồng thời góp phần đáng kể trong việc hỗ trợ tạo dựng một môi trường lành mạnh.

Với nguyên tắc phải đảm bảo đồng thời trách nhiệm về kinh tế, trách nhiệm về xã hội và trách nhiệm về môi trường, Du lịch có trách nhiệm giúp tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tính toàn vẹn môi trường, tạo công bằng xã hội, tăng cường lao động, phát huy các giá trị và tôn trọng văn hóa địa phương, tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng, hàm lượng văn hóa và giá trị đạo đức cùng giá trị trải nghiệm cao.

Du lịch có trách nhiệm tại các điểm đến được hiểu là việc hạn chế tối đa các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường và xã hội; tạo ra lợi ích kinh tế lớn hơn và nâng cao phúc lợi cho dân địa phương, cải thiện điều kiện làm việc và tham gia vào hoạt động du lịch; khuyến khích người dân địa phương tham gia vào các quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ; đóng góp tích cực vào việc bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa nhằm duy trì một thế giới đa dạng; cung cấp những trải nghiệm thú vị cho du khách thông qua mối liên kết giữa khách du lịch và người dân địa phương, tạo hiểu biết về các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường tại địa phương; tạo cơ hội cho những người khuyết tật và có hoàn cảnh khó khăn; tôn trọng văn hóa địa phương, khuyến khích sự tôn trọng lẫn nhau giữa khách du lịch và người dân địa phương; tạo dựng niềm tin, lòng tự hào dân tộc cho cộng đồng.

Hiện nay có 04 loại hình liên quan đến du lịch có trách nhiệm là Du lịch bền vững, Du lịch sinh thái, Du lịch cộng đồng, Du lịch nông nghiệp.

Các chủ thể chính trong thực hiện du lịch có trách nhiệm bao gồm tất cả các bên tham gia vào hoạt động du lịch, từ các cơ quan quản lý trung ương và địa phương, các tổ chức cá nhân kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch (lữ hành, vận chuyển khách du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, vui chơi giải trí cùng các dịch vụ khác), cộng đồng địa phương, khách du lịch.

1.2 Các quy định liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã

Động vật hoang dã là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự cân bằng sinh thái, bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Vì vậy, tất cả xã hội phải có trách nhiệm bảo vệ động vật hoang dã, tạo môi trường sống cho các loài động vật này được bảo tồn và phát triển.

Công ước CITES (viết tắt của cụm từ tiếng Anh Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora): Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp hay Công ước Washington (Washington Convention) là một hiệp ước đa phương, ký kết năm 1973, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 1975. Tới nay, với 178 quốc gia thành viên, CITES là Hiệp ước quốc tế về bảo tồn có số lượng thành viên lớn nhất toàn cầu.

Mục đích của Công ước CITES nhằm đảm bảo rằng việc thương mại quốc tế các tiêu bản của các loài động vật và thực vật hoang dã mà không đe dọa sự sống còn của các loài này trong tự nhiên, và nó cũng đưa ra nhiều cấp độ khác nhau để bảo vệ hơn 34.000 loài động và thực vật.

Quy định của CITES mang tính pháp lý được áp dụng trên toàn thế giới đối với tất cả các nước thành viên, mỗi nước thành viên phải đảm bảo rằng luật, các quy định quốc gia hài hoà hoá với những quy định của CITES. Sau khi tham gia Công ước, các nước thành viên có các nghĩa vụ sau: (1) Xây dựng Danh mục quý hiếm, nguy cấp xếp theo Phụ lục Công ước; (2) Áp dụng kiểm soát biên pháp của quốc gia nhập, xuất khẩu theo cam kết tại Công ước tại các Điều 3, 4, 5, 8, 9, 10; (3) Áp dụng Giấy phép xuất nhập khẩu; (4) Có một số miễn trừ biên pháp liên quan đến thương mại; (5) Cử đầu quốc gia mỗi thực thi Công ước; (6) Tham dự các cuộc họp thường niên của các Bên tham gia Công ước.

Việt Nam tham gia vào Công ước CITES năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121/178 quốc gia. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao là Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước.

Công ước về Đa dạng sinh học (*tiếng Anh*: Convention on Biological Diversity; CBD) là một hiệp ước đa phương ký kết tại Hội nghị LHQ về Môi trường và Phát triển tại *Rio de Janeiro* vào ngày 5 tháng 6 năm 1992 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 12 năm 1993 với ba mục tiêu chính: (1) bảo toàn đa dạng sinh học; (2) sử dụng lâu bền các bộ phận hợp thành; và (3) phân phối công bằng và hợp lý các lợi ích phát sinh từ các nguồn tài nguyên di truyền. Nói cách khác, mục tiêu của CBD là phát triển các chiến lược quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học. Đây thường được coi là văn kiện trọng yếu liên quan đến ***phát triển bền vững***. Tính đến tháng 5 năm 2009 đã có 191 quốc gia tham gia Công ước này. Việt Nam chính thức gia nhập vào ngày 16 tháng 11 năm 1994.

Tại Việt Nam:

Để thực thi các nghĩa vụ đã cam kết trong khuôn khổ Công ước CITES, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống chính sách về bảo vệ và buôn bán động thực vật hoang dã (BBĐTVHD) ở nhiều mức độ từ chính sách, văn bản luật, dưới luật và luôn được bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam, phù hợp với các Công ước quốc tế Việt Nam tham gia như CITES, CBD, cụ thể như: Bộ Luật hình sự năm 2017 và Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định liên quan, quy định và hướng dẫn liên quan đến việc bảo vệ các loài động, thực vật hoang dã, bao gồm: Nghị định số 82/2006/NĐ-CP về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nhập nội từ biển, gây nuôi và trồng cây nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp; *Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp*; *Nghị định số 06/2019/NĐ của Chính phủ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*; *Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng*; *Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp*; *Nghị định*

32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;...

Ngày 23/7/2020, để bảo đảm thực thi nghiêm pháp luật về quản lý động vật hoang dã, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 29/CT-TTg quy định về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã.

Hệ thống chính sách và quy định pháp luật về BBĐTVHD đã tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý cũng như phát triển việc nuôi trồng, khai thác và buôn bán động thực vật hoang dã ở Việt Nam, làm cơ sở cho việc thực thi các Công ước và cam kết quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và quản lý BBĐTVHD.

2. Động vật hoang dã tại Tây Nguyên:

Các tỉnh Tây Nguyên với diện tích rừng núi rộng lớn, là địa bàn tập trung động vật hoang dã phong phú và giàu có của cả nước, trong đó có những loài quý hiếm được xếp vào danh sách bảo vệ của thế giới. Trước năm 2010, Tây Nguyên là vùng được đánh giá có tính đa dạng sinh học bậc nhất trong 200 vùng đa dạng sinh học trên thế giới với nhiều loài động vật chỉ thị cho môi trường sinh thái toàn cầu.

Trước đây, đàn voi ở Đắk Lắk nổi tiếng có số lượng nhiều nhất cả nước. Ngoài voi, các động vật quý hiếm như bò xám, bò rừng, bò tót, trâu rừng, nai cà tong, hươu vàng, hươu đầm lầy, cheo cheo (hươu chuột), hổ báo cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt (cút xanh) phân bố khá nhiều ở Tây Nguyên. Đặc biệt, các khu rừng nguyên sinh Nam Kar (Lắk), Yor Đôn (Buôn Đôn), Ea Sô (Ea Kar), Cư Yang Sin (Krông Bông) của tỉnh Đắk Lắk, Kon Cha Răng và Kon Ka Kinh (K'bang) của tỉnh Gia Lai có đàn động vật hoang dã khá phong phú. Riêng đối với khu bảo tồn thiên nhiên Chư Mom Ray (Sa Thầy) thuộc tỉnh Kon Tum có đàn động vật hoang dã giàu có và phong phú vào bậc nhất của Việt Nam.

Tuy nhiên, suốt thời gian dài tình trạng săn bắt chim thú liên tục xảy ra tại Tây Nguyên, làm cho số lượng và các loài động vật hoang dã đã giảm sút nghiêm trọng, một số loài đặc biệt quý hiếm bị tàn sát đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Sau hơn 30 năm, rừng các tỉnh Tây Nguyên bị khai thác quá mức, diện tích bị thu hẹp nhanh, độ che phủ rừng và chất lượng của rừng giảm. Hầu hết các khu rừng đều biến đổi và tính đa dạng sinh học bị suy giảm đáng kể. Loài bò xám cực kỳ quý chỉ có với số lượng ít ỏi ở Đông Dương trước đây sống phổ biến trong rừng Yor Đôn (Đắk Lắk) và Chư Mom Ray (Kon Tum) nhưng ngày nay không còn. Loài heo vòi sau ngày giải phóng vẫn thấy xuất hiện tại khu rừng Chư Mom Ray, nhưng đến nay đã bị tuyệt chủng. Nai Cà tong trước đây sống khá phổ biến ở nhiều khu rừng, nay cũng biến mất khỏi Gia Lai và Kon Tum. Ở Đắk Lắk nai Cà tong chỉ còn số cá thể rất ít và số phận của loài động vật này đang tiếp tục bị đe dọa và cũng có nguy cơ bị tuyệt chủng. Cách đây không lâu, các loại hổ, báo, gấu sống ở nhiều khu rừng thuộc các vùng Kon Plông, Sa Thầy, Đắk Glei (Kon Tum), Chư Prông, K'bang, Krông Pa, Ia G'rai (Gia Lai),

MĐ'rắc, Ea Súp, Buôn Đôn, Nam Kar, Nam Nung...(Đắk Lắk). Do săn bắn bừa bãi, những loài động vật quý hiếm này giảm số lượng khá lớn. Tại khu bảo tồn đa dạng sinh học Ea Sô (Đắk Lắk) đang tồn tại một số ít cá thể hươu đầm lầy, nhưng do tác động của con người, loại động vật quý hiếm này đã bị tuyệt chủng. Từ hàng ngàn con voi hoang dã, giờ Tây Nguyên chỉ còn khoảng 70 con, sống co cụm trong Vườn Quốc gia (VQG) Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Loài bò tót đẹp đẽ và dũng mãnh, từ hơn 4.000 con, giờ còn chưa tới 400 con trên toàn quốc. Hồ đã biến mất khỏi núi rừng nơi đây và các loài mèo lớn khác đang bị ráo riết săn lùng.

Các loại chim quý như công, trĩ sao, gà lôi hồng tía, gà tiền, cao cát đã bị săn bắt nhiều. Một số loài không còn thấy xuất hiện ở các khu rừng nguyên sinh. Rừng bị thu hẹp, môi trường sống bị biến đổi, nhiều loài chim và động vật hoang dã đã di cư đến nơi khác, số đàn chim ít ỏi còn lại tiếp tục bị đe dọa.

3. Ý thức bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam

Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức và còn hạn chế lớn trong ý thức bảo vệ động vật hoang dã. Thực trạng đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng là nhiều loài động vật hoang dã, quý hiếm, trong đó có loài đang có nguy cơ tuyệt chủng, đã và đang bị săn bắt, buôn bán, xuất khẩu trái phép, bị giết mổ làm món ăn đặc sản tại các nhà hàng, phục vụ thói quen tiêu xài lãng phí của một bộ phận khách.

Vẫn còn những hiện tượng buôn bán ngà voi để làm đồ trang sức và trang trí nội thất, tiêu thụ sừng tê giác, mật gấu cho dù là tội hình sự. Vẫn có nhiều nhà hàng, quán ăn ở các tỉnh Tây Nguyên kinh doanh nhiều món ăn đặc sản như thịt nhím, nai, bò rừng, heo rừng, cầy cáo, chồn, kỳ đà, kỳ tôm (họ kỳ đà, tác kè) gà rừng, chim gáy và một số loại cá lăng, cá mõm trâu, cá bóng tượng... Hám lợi trước mắt, nhiều tay súng vẫn thường xuyên vào rừng săn trộm các loại động vật hoang dã để cung cấp thực phẩm rừng tươi sống cho các nhà hàng, quán ăn, nhưng các cơ quan bảo vệ vẫn chưa xử lý được triệt để. Nhiều đối tượng đã lợi dụng việc gây nuôi thương mại để thực hiện buôn bán động vật trái phép.

Thông qua con đường du lịch, động vật hoang dã có thể bị giết hại làm món ăn, làm đồ trang sức, làm đồ nội thất, buôn bán bất hợp pháp hoặc bị bắt trở thành trò vui cho du khách (cưỡi voi, xiếc thú) tới kiệt sức.

Có thể thấy công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bảo tồn loài nói riêng chưa được quan tâm đúng mức.

Tình hình nghiêm trọng nói trên yêu cầu toàn xã hội, từ cấp quản lý cao nhất đến từng người dân phải có nhận thức và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ và phát triển động vật hoang dã ở Tây Nguyên.

4 Giải pháp tuyên truyền

"Tuyên truyền" theo nghĩa rộng là hoạt động có mục đích của chủ thể nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối tượng, biến những kiến thức, giá trị tinh thần đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối

tượng, thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng, những mục tiêu do chủ thể tuyên truyền đặt ra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt mục đích đó, là tuyên truyền thất bại”.

Là một bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng, tuyên truyền là hoạt động tiếp nối công tác lý luận, nhằm phổ biến, truyền bá các nguyên lý lý luận, đường lối, chủ trương, chính sách vào quần chúng.

Nếu nâng cao nhận thức, ý thức, từ đó tạo ra và thay đổi hành động của đối tượng được tuyên truyền thì công tác tuyên truyền được đánh giá là đạt kết quả.

Với mục tiêu: tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức về phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên, chúng tôi xin đề xuất các giải pháp sau:

Thứ nhất: quy trình tuyên truyền: Với mỗi hoạt động và chiến dịch tuyên truyền cần thực hiện các bước sau:

Trước hết cần xác định mục tiêu, đối tượng tuyên truyền và nguồn lực. Tùy mục tiêu tuyên truyền là thuyết phục, hướng dẫn, khuyên nhủ, vận động, thuyết minh, đối với công chúng/khách du lịch, hay quảng cáo cho đơn vị kinh doanh để sử dụng những công cụ phù hợp.

Bước tiếp theo là xây dựng kế hoạch tuyên truyền. Hoạt động tuyên truyền thường diễn ra trong một thời gian ở một không gian nhất định. Tổ chức, cá nhân thực hiện cần có kế hoạch chi tiết và cụ thể trong việc sáng tạo, lựa chọn hình thức, phương tiện truyền tin, công cụ cần thiết, các thông điệp từ lực lượng biên tập hoặc ngoài doanh nghiệp... phù hợp với mục tiêu và nguồn lực

Bước 3: Tổ chức tuyên truyền theo kế hoạch với hình thức, công cụ, phương tiện đã chọn.

Bước 4: Đánh giá kết quả tuyên truyền. Việc đánh giá này có thể ngay sau khi tuyên truyền hoặc có độ trễ về thời gian để xác nhận hiệu quả tuyên truyền. Có thể bằng các phương pháp: Đo lường số lần thông tin; đo lường thay đổi thái độ của khách du lịch/ cộng đồng...

Thứ hai: Nội dung tuyên truyền: Các nội dung tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã phải thể hiện rõ mục tiêu giữ cân bằng sinh thái, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ rừng cũng là phục vụ lợi ích lâu dài của con người, bảo vệ cuộc sống của mọi người và là xu hướng trên thế giới.

Nội dung tuyên truyền phải có căn cứ số liệu, tư liệu, sự kiện, dẫn chứng cụ thể, phong phú, sinh động, lập luận rõ ràng; khắc phục lối tuyên truyền đại khái, quan liêu, xa rời thực tế. Nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của con người về môi trường tự nhiên, cần thiết có luận cứ khoa học trong các tài liệu hội thảo tập huấn để so sánh, phân tích sự việc, những quy định pháp luật được trình bày ngắn gọn dễ hiểu, những hình ảnh sinh động về động vật hoang dã và

rừng tại Tây Nguyên để dễ nhận diện trong các hoạt động tuyên truyền. Các tập quán tốt là nội dung quan trọng đưa vào chương trình hội thảo, thảo luận, đào tạo để hiểu rõ “Làm như thế nào?”. Có thể hướng dẫn, nhắc nhở bởi giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia, người dân địa phương, người lao động, các sinh viên có kinh nghiệm.

Cần chỉ rõ để mọi đối tượng được tuyên truyền biết rõ những động vật nào là động vật hoang dã, động vật nào cần bảo vệ, động vật nào đang sắp tuyệt chủng, cách thức bảo vệ, môi trường sống cần thiết để duy trì động vật hoang dã, các địa chỉ cứu hộ động vật hoang dã khi phát hiện.

Bài viết, thông điệp tuyên truyền với đại chúng cần ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu. Biểu tượng cần đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ.

Hình ảnh hoặc các đoạn quay phim về động vật hoang dã của Tây Nguyên cần bảo vệ bắt buộc phải có trong các nội dung tuyên truyền. Ngoài ra, các hình ảnh/phim tư liệu về môi trường sống xưa và nay của các loài động vật hoang dã cũng rất cần thiết.

Tránh những hành động phản cảm như người tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã dùng đồ da (thất lưng da, túi da..., đeo vuốt hổ...).

Thứ ba: các công cụ, hình thức tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã

Kết nối cộng đồng là cách hữu hiệu nhất để bảo vệ các loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng. Tiếng nói của một người sẽ không có tác dụng nhưng khi toàn bộ cộng đồng lên tiếng lại hoàn toàn khác.

Quảng cáo đề cao cá nhân, tổ chức đã có những hành vi tốt về bảo vệ rừng, bảo vệ, cứu hộ động vật hoang dã. Những câu chuyện hay các bài viết lý thú về sản phẩm có trách nhiệm hay hoạt động vì cộng đồng, cứu hộ một động vật hoang dã của có thể là các công cụ quảng cáo hữu hiệu nhằm gây thiện cảm của công chúng với điểm đến cũng như với đơn vị kinh doanh và sản phẩm của họ.

Hệ thống giáo dục: các khóa học đạo đức, giờ học giáo dục công dân cho học sinh, chương trình đào tạo về sinh thái học và quản lý đa dạng sinh học sẽ khiến xã hội nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của môi trường, ngăn chặn hành vi trái pháp luật.

Hình ảnh, phim tư liệu về cuộc sống, môi trường sống của động vật hoang dã tại Tây Nguyên, các trạm cứu hộ động vật là các nguồn quan trọng cho các chương trình tuyên truyền.

Các kênh thông tin đại chúng: Báo chí, TV, Radio, Internet, mạng xã hội; các loại hình Văn nghệ, Nghệ thuật, Phim ảnh có hiệu ứng lớn với công chúng, cộng đồng địa phương, khách du lịch trong nước. Đặc biệt mạng xã hội đang ngày càng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống xã hội trên toàn cầu.

Thần tượng, hình mẫu: những người nổi tiếng (nghệ sỹ, nhà khoa học, lãnh đạo...) đặc biệt là người nổi tiếng trên mạng xã hội có quyền lực, sức ảnh hưởng tới công chúng rất lớn. Hình ảnh họ, các cuộc trò chuyện về việc họ tham

gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, chăm sóc cứu hộ động vật hoang dã sẽ thu hút đông đảo những người theo dõi, hâm mộ và học tập hành vi.

Hội thảo, tập huấn về bảo vệ môi trường và bảo vệ động vật hoang dã ở các địa phương là biện pháp thích hợp để phổ biến các văn bản Luật (Luật Bảo vệ môi trường, các quy định của Chính phủ, Công ước CITES), các tiêu chí xanh áp dụng trong du lịch: các nguyên tắc phát triển bền vững...

Tranh cổ động và những biểu tượng nơi công cộng (đường phố, công viên).

Thiết kế thông điệp, khẩu hiệu, ví dụ “Bảo vệ động vật hoang dã chính là bảo vệ cuộc sống của bạn”.

Các công cụ khác như đồ lưu niệm, đồ chơi... mang hình ảnh của động vật hoang dã ở Tây Nguyên sẽ giúp khách nhớ lâu về điểm đến cũng như gợi nhắc ý thức bảo vệ động vật hoang dã.

Tạo sự kiện là phương tiện đặc biệt cho tuyên truyền như biểu diễn thời trang trên trang phục có thông điệp hay hình ảnh của động vật hoang dã cần bảo vệ, liên hoan văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ rừng... cũng giúp nâng cao nhận thức của người tham gia.

Thứ tư: Biện pháp tuyên truyền khác nhau tùy theo đối tượng: Các bên tham gia trong lĩnh vực du lịch đều phải được nâng cao nhận thức và ý thức, đặc biệt là từ người lãnh đạo cao nhất của các tổ chức. Tùy từng đối tượng để sử dụng các công cụ và biện pháp tuyên truyền khác nhau.

Đối với những người làm trong các cơ quan quản lý tại địa phương và các hiệp hội: đây là lực lượng triển khai thực hiện quan trọng tại địa bàn, cần được quán triệt để hiểu rõ pháp luật, các công ước quốc tế, quan điểm và các đường lối chính sách của Đảng và nhà nước đối với việc bảo vệ động vật hoang dã. Từ đó, lực lượng này tiếp tục tổ chức phổ biến, tập huấn, phát tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương thực hiện theo các nguyên tắc có trách nhiệm; tổ chức các hội thảo, lớp đào tạo để nâng cao nhận thức, nhận diện động vật hoang dã và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hành; tuyên truyền, khuyến khích, tôn vinh các điển hình thực hiện du lịch có trách nhiệm, các hành vi cứu hộ và bảo vệ động vật hoang dã... Hiện nay các tài liệu đã rất phổ biến trên mạng internet, quan trọng là những người có trách nhiệm phải quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu và tổ chức phổ biến rộng rãi, nghiêm khắc xử lý các vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã.

Đối với các cơ sở cung ứng dịch vụ phục vụ khách du lịch: khi hiểu rõ du lịch có trách nhiệm là một xu hướng du lịch và là một trong những cách thức để nâng cao hình ảnh, nhận diện những đơn vị/tổ chức du lịch uy tín trên thế giới, người lãnh đạo, điều hành sẽ xây dựng chính sách, chiến lược của đơn vị/cơ sở mình phù hợp với nguyên tắc có trách nhiệm. Việc tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên cần thực hiện với nội bộ tất cả người lao động trong cơ sở, khách do đơn vị phục vụ và các nhà cung cấp trong chuỗi giá trị cung ứng dịch vụ. Các cách thức tuyên truyền có thể qua các kênh thông tin nội bộ và thông tin rộng rãi của đơn vị (trong sổ tay nhân viên, mạng internet, mạng nội

bộ, tài liệu thông báo cho khách du lịch, sách trong cơ sở lưu trú du lịch...), cử người lao động tham gia các hội thảo, lớp đào tạo về bảo vệ động vật hoang dã, chế độ khen thưởng đối với cán bộ nhân viên thực hiện các sáng kiến có trách nhiệm; cung ứng sản phẩm không có nội dung tiêu thụ hay sử dụng động vật hoang dã (bỏ các nội dung cuồi voi, không đưa nhà hàng thịt rừng vào chương trình du lịch thăm Tây Nguyên ...); hướng dẫn du khách thực hiện du lịch có trách nhiệm, không mua đồ lưu niệm làm từ động vật hoang dã (như ngà và lông đuôi voi, lông công...), sản xuất để tặng nhân viên/khách hoặc giới thiệu khách mua những quà lưu niệm có tính chất gợi nhắc về động vật hoang dã cần bảo vệ của Tây Nguyên như thú nhồi bông, ảnh, đồ thủ công bằng tre/gỗ/đất nung... về voi, hổ, bò tót, heo vòi v.v...; khuyến khích các hoạt động du lịch tình nguyện và các hoạt động mang tính trách nhiệm cao như tham gia một ngày lao động trong trạm cứu hộ động vật; kiên quyết nói không với những khách du lịch có yêu cầu sử dụng, mua bán động vật hoang dã hay sản phẩm từ động vật hoang dã như mật gấu, thịt rừng..., đóng góp xây dựng quỹ bảo vệ môi trường, quỹ phát triển cộng đồng; đặt chính sách môi trường ở những nơi nhân viên dễ thấy (trong buồng thang máy, nhà ăn, các phòng họp nội bộ vv.), thông điệp thể hiện sự cam kết với công tác BVMT; Cùng với các công ty lữ hành đưa khách đến Việt Nam, các cơ sở lưu trú du lịch và nhà hàng phục vụ khách du lịch trên địa bàn Tây Nguyên là đối tượng quan trọng cần được tuyên truyền và thực hiện công tác tuyên truyền tới khách của đơn vị.

Tuyên truyền rộng rãi trên các kênh thông tin của đơn vị các hình ảnh khách và người lao động tham gia bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ rừng, các giải thưởng của đơn vị về du lịch có trách nhiệm và bảo vệ động vật hoang dã.

Đối với cộng đồng địa phương: người dân cần được trang bị kiến thức để nâng cao ý thức, hiểu biết về nguồn tài nguyên cộng đồng đang sở hữu cần giữ gìn, các động vật hoang dã và khu rừng cần bảo vệ, các quy định của pháp luật hiện hành; các hành vi được làm và không được làm, ngăn cản các hành vi vi phạm của khách du lịch. Đối tượng quan trọng là tổ trưởng các cụm dân cư, chủ nhà, học sinh sinh viên. Việc tuyên truyền bằng nhiều hình thức: đưa vào chương trình học của học sinh, tạo các chủ đề thuyết trình về các động vật hoang dã cần bảo vệ, tổ chức hội thảo, tập huấn theo từng nhóm nhỏ trong từng địa bàn, tranh cổ động, tổ chức các sự kiện trong các ngày kỷ niệm về môi trường, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình, mạng xã hội), thông điệp và những người nổi tiếng...

Đối với khách du lịch: Khách du lịch cần được thông tin chi tiết, cụ thể về những việc được làm và không được làm trong hành trình, đặc biệt trong những chuyến đi thăm rừng, thăm các vườn quốc gia. Lực lượng đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với khách du lịch là các hướng dẫn viên du lịch, lễ tân trong cơ sở lưu trú du lịch, lái xe vận chuyển khách du lịch và cộng đồng địa phương. Nếu những đối tượng này được nâng cao nhận thức, có ý thức sẽ hướng khách đến các hoạt động du lịch có trách nhiệm trong hành trình.

Đối với các cơ sở đào tạo du lịch: để cải thiện tình hình, cần thay đổi nhận thức, hành vi, nâng cao năng lực bảo vệ môi trường của những người làm du lịch, trong đó sinh viên các trường du lịch - đội ngũ kế cận, nguồn nhân lực quan trọng của ngành, phải được đặc biệt quan tâm. Chúng tôi đề xuất giải pháp để sinh viên làm quen và tham gia ngay vào các hoạt động có trách nhiệm trong những ngày trên ghế nhà trường. Trong đó, các thông tin và tài liệu, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, các quy định pháp luật có liên quan tới du lịch có trách nhiệm về công tác bảo vệ động vật hoang dã phải được sinh viên nắm rõ trong quá trình học, các hoạt động ngoại khóa về cứu hộ, chăm sóc, bảo tồn động vật hoang dã cần được khuyến khích.

Kết luận: Tuyên truyền là hoạt động thực hiện trên diện rộng, đa dạng, phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tầng lớp nhân dân nhằm tạo chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí cũng như hành động, tạo đồng thuận cao. Việc truyền thông không chỉ theo định kỳ mà cần thực hiện thường xuyên để tạo thành ý thức, thói quen mới đạt hiệu quả cao.

Du lịch Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt về việc quản lý, tổ chức hoạt động du lịch. Trước bối cảnh mới và xu hướng phát triển du lịch toàn cầu, ngành du lịch Việt Nam nhận thức rõ phát triển bền vững chính là xu thế tất yếu của thời đại. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề ra các giải pháp hướng đến việc thực hiện du lịch có trách nhiệm để đạt đến sự phát triển bền vững. Để hiện thực hóa mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp liên quan. Phát triển du lịch có trách nhiệm sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của ngành du lịch Việt Nam trong tương lai. Việc tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã tại Tây Nguyên là một hoạt động cần thiết, quan trọng trong phát triển du lịch có trách nhiệm, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, dẫn đến thay đổi hành vi của các bên tham gia hoạt động du lịch, góp phần gìn giữ tài nguyên thiên nhiên còn lại của đại ngàn Tây Nguyên./.

Tài liệu tham khảo

[1] Vụ Khách sạn, Tổng cục Du lịch, Sách hướng dẫn tự thực hiện Quản lý và Bảo vệ môi trường trong cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam, xuất bản năm 2008 tại Hà Nội, 191 trang.

[2] www.weforum.org/reports/the-global-competitiveness-report-2017-2018
Global Competitiveness Report 2017-2018.

[3] www.weforum.org/reports/the-global-competitiveness-report-2016-2017
Global Competitiveness Report 2016-2017.

[4] <https://monre.gov.vn/Pages/cong-uoc-cites-va-su-tham-gia-cua-viet-nam.aspx>

[4] <http://vea.gov.vn/>

Tham luận: Định hướng phát triển Du lịch gắn với bảo vệ động vật hoang dã tỉnh Kon Tum.

I. Đặt vấn đề

Tỉnh Kon Tum nằm ở khu vực bắc Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 967.418,39 ha, trong đó: diện tích đất lâm nghiệp có rừng 602.119,93 ha, bao gồm 351.418,18 ha rừng sản xuất, 159.624,61 ha rừng phòng hộ và 91.077,14 ha rừng đặc dụng. Độ che phủ 63% diện tích toàn tỉnh¹

Rừng Kon Tum phần lớn là rừng nguyên sinh có nhiều gỗ quý như Cẩm lai, Giáng hương, Pơmu, Thông ... Một số lâm sản dưới tán rừng có giá trị kinh tế và dược liệu cao như Gió bầu, Sâm Ngọc Linh, Sa nhân, Thông nhựa, Song mây, Bông đót, Mã tiền, Hoàng đằng, Ngũ gia bì, Hà thủ ô,...

Trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 02 Khu bảo tồn thiên nhiên, đó là: Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray và Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Ngọc Linh và Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Măng Đen.

1. VQG Chư Mom Ray:

Tổng diện tích tự nhiên: 56.249,23 ha trong đó bao gồm các phân khu:

(1) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 19.883,03 ha; (2) Phân khu phục hồi sinh thái: 30.923,26 ha; (3) Phân khu dịch vụ hành chính: 5.442,94 ha.

- **Về hệ thực vật:** Đã điều tra ghi nhận được 1.895 loài, thuộc 184 họ, 877 chi, 06 ngành thực vật. Số loài nguy cấp, quý, hiếm là 80 loài chiếm 5,2% trên tổng số loài cây đã điều tra. Trong tổng số 80 loài nguy cấp, quý, hiếm có 48 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và 63 loài trong Sách đỏ thế giới.

- **Về hệ động vật:** Đã điều tra ghi nhận được 952 loài, trong đó: 122 loài thú, 290 loài Chim, 42 loài Bò sát, 25 Lưỡng cư, 108 loài Cá nước ngọt, 179 loài bướm ngày, 186 loài bướm đêm.²

2. Khu BTTN Ngọc Linh:

- Tổng diện tích tự nhiên: 37.475,99 ha, trong đó: (1) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: 30.028,85 ha. (2) Phân khu Phục hồi sinh thái: 7.314,86 ha. (3) Phân khu Dịch vụ hành chính: 132,28 ha.

* **Về hệ thực vật** ở đây có tính đa dạng sinh học cao với 1.090 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 616 chi, 173 họ, 6 ngành thực vật. Trong đó: có 40 loài trong Sách đỏ Việt Nam; 25 loài nằm trong IUCN³ và 51 loài nguy cấp, quý, hiếm⁴

* Về hệ động vật:

¹ Theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019.

² Trong đó: có 33 loài thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam và Thế giới. Trong đó, các loài thú ăn cỏ, nhóm thú móng guốc như Bò tót, Bò rừng, Nai, Heo rừng... và nơi cư trú Gà rừng và một số loài thú nhỏ...;

³ (Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên- International Union for Conservation of Nature and Natural Resources).

⁴ Nghị định 06/2019/NĐ-CP (Sâm Ngọc Linh; Lan Kim Tuyền; Trâm hương; Thông Đà Lạt; Đinh Tùng, Vù Hương; Đẳng Sâm; Vàng đắng;...).

- **Khu hệ thú:** Có 91 loài thú thuộc 28 họ, 11 bộ; đã xác định được 30 loài đang bị đe dọa, trong đó có 25 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 29 loài được ghi trong Danh lục đỏ IUCN (2016),⁵

- **Khu hệ Chim:** Thống kê được 234 loài chim thuộc 43 họ của 11 bộ;⁶

- **Khu hệ bò sát, ếch nhái:** Có 65 loài thuộc 13 họ, 2 bộ, trong đó: Lớp bò sát 24 loài thuộc 7 họ; 1 bộ Lớp lưỡng cư 41 loài thuộc 6 họ, 1 bộ;⁷

- **Khu hệ Bướm:** Có 326 loài thuộc 11 họ, 1 bộ.⁸ Có 2 loài bướm bị đe dọa tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh là: Bướm phượng đuôi kiếm răng tù (*Teinopalpus imperialis*) được ghi trong sách đỏ của Việt Nam 2007, trong Danh lục đỏ IUCN và thuộc Phụ lục 2 của CITES.⁹

- Khu BTTN Ngọc Linh còn có loài động vật đặc hữu là Khướu Ngọc Linh – *Garrulax ngoclinhnensis*.

3. Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Măng Đen, huyện Kon Plông

Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tại quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 05/02/2013, trong đó có nội dung Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng, cụ thể.

Vùng du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen thuộc huyện KonPlông, tỉnh Kon Tum, là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, với diện tích tự nhiên 137.124ha, trong đó, đất nông nghiệp là 124.761ha (*đất sản xuất 11.283ha, đất lâm nghiệp 113.469ha, đất nuôi trồng thủy sản 8,59ha*).

Măng Đen nằm ở độ cao trung bình 1.000m - 1.500m so với mực nước biển, có khí hậu ôn đới, quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình hàng năm giao động từ 16-20°C, độ ẩm trung bình 82-84%, có rừng nguyên sinh bao bọc xung quanh, với nhiều danh lam thắng cảnh, rừng có độ che phủ hơn 80% diện tích tự nhiên; có nhiều hồ thác, suối đá và cảnh quan thiên nhiên, văn hóa bản địa độc đáo; đây là tiềm năng thuận lợi để phát triển trở thành trung tâm du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cấp quốc gia; có nhiều hệ động vật, thực vật quý hiếm sinh sống; nhiều hồ thác như: (Đăk Ke, Pa sỹ, Lô Ba), hồ (Toong Đam, Toong Zori, Toong Pô)... thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với nghiên cứu khoa học.

Theo thông báo của **Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (GreenViet)** Các khảo sát về đa dạng sinh học mới đây của Tổ chức Fauna & Flora International (FFI) đã tiết lộ một ‘kho báu’ về động vật hoang dã quý hiếm và quan trọng tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Với tính đa dạng sinh học cao và là nơi trú ngụ của nhiều loài động thực vật đang bị đe dọa, rừng Kon Plông

⁵ 24 loài thuộc Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, 17 loài trong ND 64/2019/NĐ-CP

⁶ Có 10 loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, trong đó có 4 loài thuộc nhóm IB và 6 loài thuộc nhóm II, 11 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 13 loài trong Danh Lục Đỏ IUCN, 4 loài trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP.

⁷ Có 10 loài bị đe dọa cấp quốc gia, ghi trong Sách Đỏ Việt Nam; 7 loài nằm trong sách đỏ thế giới năm 2012; 5 loài nằm trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; 01 loài trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP.

⁸ Trong đó, số họ bướm xanh có thành phần loài nhiều nhất 60 loài (chiếm 18,40% tổng số loài ghi nhận); họ bướm có thành phần loài ít nhất là họ bướm Ngọc: 2 loài (chiếm 0,61%).

⁹ Loài này thường sống ở độ cao trên 1.700 m so với mực nước biển; Bướm phượng cánh chim chằm rời (*Troides aeaacus*) được ghi trong Sách đỏ Việt Nam phổ biến hơn loài trên và sống ở các độ cao khác nhau.

xứng đáng được xem là một trong những khu rừng có giá trị bảo tồn lớn nhất của Việt Nam.

Tại rừng Kon Plông đã phát hiện được một số loài động vật đang bị đe dọa tuyệt chủng, bao gồm Chà vá chân xám, Vượn má vàng Trung Bộ, Cây vằn, Gấu ngựa, Cu li nhỏ, Rái cá, Mèo rừng và nhiều loài động vật quý hiếm khác của Việt Nam. Gồm quần thể khoảng 500 cá thể Chà vá chân xám và gần đây phát hiện thêm hơn 100 cá thể Vượn má vàng Trung Bộ. Cả hai loài này đều đang bị đe dọa tuyệt chủng. Chà vá chân xám chỉ được tìm thấy ở Việt Nam và là một trong số các loài được xếp hạng ‘Cực kỳ nguy cấp’, mức cao nhất trong Danh lục đỏ IUCN. Quần thể ở Kon Plông và quần thể tại Vườn quốc gia Kon Ka Kinh có khả năng là hai quần thể lớn nhất còn lại của loài này.

Đặc biệt tại Kon Plông đã phát hiện một số loài cực kỳ nguy cấp và đặc hữu. Điển hình như quần thể Cây vằn đã được tìm thấy một cách đáng ngạc nhiên ở nhiều nơi tại Kon Plông. Đây là loài thú ăn thịt nhỏ, xếp loại ‘Nguy cấp’ trong danh lục đỏ của IUCN và có tầm quan trọng quốc tế. Loài này đã bị tuyệt chủng hoặc bị bẫy bắt tại nhiều nơi, ngay cả tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn của Việt Nam. Bên cạnh đó, Kon Plông cũng là nơi sinh sống của nhiều loài chim đặc hữu của Việt Nam và khu vực như Khướu Kon Ka Kinh, Khướu Ngọc Linh và một số loài thực vật đặc hữu khác.

Những kết quả này cho thấy rừng Kon Plông là một trong những khu vực có giá trị lớn nhất cho bảo tồn không chỉ ở Kon Tum mà cả Việt Nam và khu vực.

4. Về nguồn gen:

Trên địa bàn tỉnh có 118 loài thực vật và 137 loài động vật nguy cấp, đặc hữu, quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam, trong Danh lục Đỏ quốc tế, Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019. Trong đó những loài có giá trị khoa học cao cần được bảo tồn như: Thực vật (*Trắc, Sua, Sâm Ngọc Linh, Thông Đà Lạt, Giáng hương, Cẩm lai, Lan Kim Tuyến,...*); Động vật (*Hổ, Bò tót, Bò rừng, Vọc Chà vá chân xám, Gấu ngựa, Gấu chó, Tê tê,...*) phân bố chủ yếu tại các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có VQG Chư Mom Ray, KBTTN Ngọc Linh thực hiện lưu giữ, bảo quản các mẫu tiêu bản. Trong đó: Khu BTTN Ngọc Linh lưu trữ, bảo quản: 200 mẫu động vật rừng, 300 mẫu thực vật, 200 mẫu côn trùng, bò sát và 800 mẫu tiêu bản thực vật chưa định danh; VQG Chư Mom Ray lưu giữ, bảo quản 1.193 mẫu tiêu bản thực vật, bướm và côn trùng. Đây là những tài nguyên quý báu phục vụ khai thác phát triển du lịch của tỉnh Kon Tum.

Qua những đánh giá và số liệu nêu trên, có thể thấy, tỉnh Kon Tum nhờ vào vị trí địa lý, đồng thời tiếp giáp với các khu vườn Quốc gia của các nước Lào và Campuchia, đã thừa hưởng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với hệ sinh thái chính là rừng, môi trường sống của các loài động vật, trong đó có các loài động thực vật đặc hữu, các loài nằm trong sách đỏ của Việt Nam và của Thế giới.

Trong quá trình phát triển kinh tế- XH của tỉnh những năm qua, diện tích rừng đã bị thu hẹp, nhường chỗ cho các vườn cây công nghiệp, cây ngắn ngày, các công trình thủy điện, hồ đập và các công trình xây dựng khác, đây là tính tất yếu của quy luật phát triển. Tuy nhiên, vấn đề phát triển bền vững những năm gần đây

đã được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm, đó là vấn đề bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có việc bảo vệ động vật hoang dã, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum, đã đặt ra nhiều thách thức cho các cấp chính quyền địa phương, các cơ quan ban ngành của tỉnh trong đó có ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. Một số kết quả đã triển khai trên địa bàn tỉnh

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kon Tum đã có nhiều văn bản triển khai đối với công tác Bảo tồn tính đa dạng sinh học và tăng cường bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ động vật hoang dã đảm bảo tính thực thi của pháp luật cụ thể như:

- Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 về Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định: số 523/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2025; QĐ số: 1308/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng tỉnh Kon Tum đến năm 2020; QĐ số: 587/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 về thành lập Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và phát triển sinh vật Vườn quốc gia Chư Mom Ray.

+ Kế hoạch số 2110/KH-UBND ngày 07/10/2009 về Bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3527/KH-UBND ngày 28/12/2017 triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 15/10/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động triển cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 667/KH-UBND ngày 08/3/2020 về thực hiện Chương trình bảo tồn các loại rùa nguy cấp của Việt Nam hiện có trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Và mới đây là Công văn số 3125/UBND-NNTN ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã.

Trong các hoạt động du lịch, những năm qua tỉnh Kon Tum đã xác định du lịch sinh thái là thế mạnh của tỉnh, bên cạnh các sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh...; các điểm du lịch cộng đồng đã hình thành và trải đều trên địa bàn các huyện, thành phố, các tour du lịch khám phá thiên nhiên tại Vườn Quốc gia Chư Mom Ray, khu du lịch nghỉ dưỡng Măng Đen ngày càng phát triển và đa dạng.....

2. Một số kết quả: Việc thực hiện qua cơ chế chia sẻ lợi ích từ dịch vụ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh thông qua chi trả dịch vụ môi trường rừng, đây là nguồn hưởng lợi chính người dân, cộng đồng tham gia bảo vệ rừng. Hiện diện tích khoán bảo vệ rừng của tỉnh đến nay là 216.701,22 ha.

3. Về du lịch

* Lượt khách du lịch đến Kon Tum

Năm	2018	2019	2020
Lượt khách chung toàn tỉnh	448.304	462.000	250.500
Khách đến Măng Đen Kon plong	120.600	242.700	199.700
Vườn QG Chư Mom Ray	1.442	2.306	1.865

4. Công tác kiểm soát, ngăn chặn khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã:

Từ năm 2013 đến nay, đã tổ chức 54 đợt kiểm tra kiểm tra, kiểm soát các cơ sở nuôi, trồng động thực vật hoang dã và các cơ sở kinh doanh, nhà hàng quán ăn trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh: 07 đợt, cấp huyện: 47 đợt). Trong quá trình kiểm tra phát hiện, xử lý 17 vụ vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã (*xử lý hành chính: 16 vụ; xử lý hình sự: 01 vụ*).

Ngoài ra trong quá trình tuần tra, truy quét đã phát hiện, xử lý và tịch thu 38 cá thể động vật hoang dã do vận chuyển trái pháp luật và 46 cá thể động vật hoang dã do mua bán, cất giữ trái pháp luật.

Đối với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên tuyên truyền vận động, các công ty lữ hành, các cơ sở kinh doanh du lịch không dùng thực phẩm chế biến từ động vật rừng phục vụ khách du lịch, đi đôi với các biện pháp chế tài phù hợp nhằm hướng đến nhu cầu thị hiếu du lịch văn minh, có trách nhiệm với môi trường của khách du lịch và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch.

III. Định hướng trong thời gian đến:

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ động vật hoang dã và các rủi ro lây truyền dịch bệnh từ động vật sang người.

- Tuyên truyền, vận động người dân, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức không tham gia săn, bắt, mua bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo động vật hoang dã trái pháp luật và không sử dụng động vật hoang dã.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan chủ động, kiểm tra, rà soát các cơ sở nuôi động vật hoang dã; hướng dẫn hồ sơ nuôi động vật hoang dã cho các tổ chức, cá nhân biết thực hiện theo quy định, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển và mua bán động vật hoang dã, kiên quyết xử lý nghiêm nếu phát hiện vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu động vật hoang dã trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật; cập nhật danh sách các cơ sở nuôi động vật hoang dã hợp pháp trên cổng thông tin điện tử.

- Tăng cường phối hợp với lực lượng Kiểm lâm và các đơn vị liên quan trong công tác rà soát, kiểm tra toàn diện các hoạt động nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển và mua bán động vật hoang dã; kiên quyết xử lý nghiêm nếu phát hiện vi phạm.

- Kiểm soát chặt chẽ tại các cửa khẩu, đường mòn, lối mở biên giới; kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp mua, bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất trái pháp luật động vật hoang dã, mẫu vật các loài động vật hoang dã. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người

dân khu vực biên giới không săn, bắt, nuôi, nhốt, mua bán, vận chuyển trái pháp luật động vật hoang dã.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi buôn bán, vận chuyển, kinh doanh các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và các sản phẩm, dẫn xuất có nguồn gốc từ các loài động vật hoang dã theo quy định.

- Ban Quản lý Vườn Quốc gia Chư Mom Ray, nghiên cứu hướng dẫn về kỹ thuật chăm sóc, quản lý, chuyển giao, xử lý các loài động vật và bộ phận động vật bị tịch thu trong quá trình kiểm tra, xử lý nhằm đảm bảo công tác bắt giữ, tịch thu và chăm sóc động vật được thực hiện theo đúng quy định.

- Hình thành các sản phẩm du lịch sinh thái, giải trí... tại Vườn Quốc gia Chư Mom Ray theo đề án được phê duyệt.

*** Đối với khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Măng Đen - Kon Plông**

Phát huy những giá trị về tính đa dạng sinh học, đồng thời đã được Chính phủ phê duyệt Quy hoạch trở thành Khu du lịch Quốc gia đến năm 2030, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị về mặt đa dạng sinh học cao, đẩy mạnh các biện pháp ngăn chặn làm suy giảm tài nguyên như nạn săn bắn, khai thác gỗ bất hợp pháp, nạn phá rừng

Đẩy mạnh các biện pháp thực hiện dịch vụ lâm nghiệp và phòng hộ đầu nguồn tạo nên các giá trị về đa dạng sinh học của khu vực này, thông qua sự phối hợp của các tổ chức xã hội và cơ quan chính quyền.

Ưu tiên thành lập một khu bảo tồn để bảo vệ khu vực rừng nguyên sinh động vật hoang dã của Kon Plông, với nhiều loài đặc hữu, quý hiếm, Gắn công tác bảo tồn với khai thác tổ chức các loại hình du lịch tăng thu nhập cho người dân, đóng góp cho công tác bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học và phát triển bền vững./.

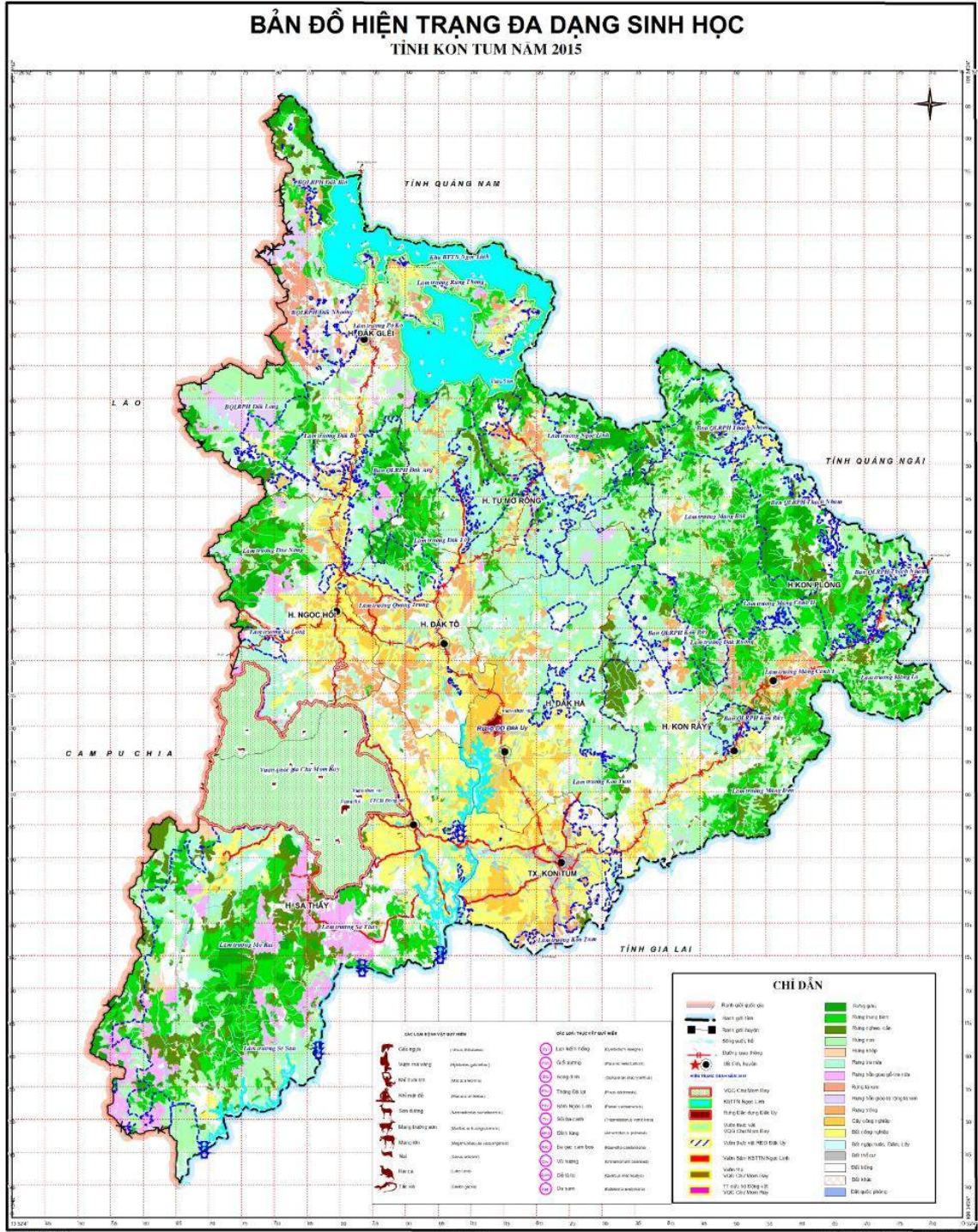
Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Kon Tum

***Tài liệu tham khảo:**

- (1) Báo cáo 10 năm công tác bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum;
- (2) Đề án phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Chư Mom Ray;
- (3) Báo cáo đa dạng sinh học Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh
- (4) Theo thông cáo báo chí của Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (GreenViet)
- (5) Quyết định số 523/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030
- (6) Tài liệu khác.

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐA DẠNG SINH HỌC



TỈNH KON TUM NĂM 2015



T. Phạm Văn Hùng biên tập
 Bản đồ địa hình 1:50,000 và 1:25,000
 Bản đồ địa hình trong rừng của Bộ địa chất khoáng sản và địa lý Việt Nam

TỶ LỆ 1:100,000

Đơn vị xuất bản bản đồ: Công ty CP Địa Chất Việt Nam
 Tháng năm xuất bản: tháng 7 năm 2015







Bảo vệ động vật hoang dã gắn với phát triển du lịch tại một số Vườn quốc gia và Khu Bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên

TS Vũ Văn Triệu



Nguyên Trưởng Đại Diện IUCN tại Việt Nam







- 
- 
- - **Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN)** là vùng đất hay vùng biển đặc biệt được dành để bảo vệ và duy trì tính đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, kết hợp với việc bảo vệ các tài nguyên văn hoá và được quản lý bằng pháp luật hoặc các phương thức hữu hiệu khác. Theo nghĩa hẹp, khu bảo tồn thiên nhiên còn gọi là khu dự trữ tự nhiên và khu bảo toàn loài, sinh cảnh, là vùng đất tự nhiên được thành lập nhằm mục đích đảm bảo diễn thế tự nhiên.

- 
- 
- ▶ **-Vườn quốc gia (VQG)** là một khu vực đất hay biển được bảo tồn bằng các quy định pháp luật của chính quyền sở tại. Vườn quốc gia được bảo vệ nghiêm ngặt khỏi sự khai thác, can thiệp bởi con người. Vườn quốc gia thường được thành lập ở những khu vực có địa mạo độc đáo có giá trị khoa học hoặc những khu vực có hệ sinh thái phong phú, có nhiều loài **động-thực vật** có nguy cơ tuyệt chủng cao cần được bảo vệ nghiêm ngặt trước sự khai thác của con người. Các vườn quốc gia là một khu vực được bảo vệ theo quy định của **IUCN** loại II.

- ▶ Như vậy, VQG chính là KBTNN nhằm bảo tồn

- 
- 
- ▶ Hiện tại ở Tây Nguyên có các VQG/KBTTN sau :
 - ▶ Chư Mom Rây (Kon Tum), Kon Ka Kinh (Gia Lai), Yok Don (Đắk Lắk), Chư Yang Sin (Đắk Lắk), Tà Đùng (Đắk Nông), Bidoup Núi Bà (Lâm Đồng), Cát Tiên (một phần thuộc Lâm Đồng, phần lớn thuộc Đồng Nai và Bình Phước)

- 
- 
- **Động vật hoang dã** là các loài động vật sống trong tự nhiên và chưa được thuần hóa, không hoặc ít chịu sự tác động của con người.
 - **Bảo tồn động vật hoang dã** là việc thực hành bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng. Mục tiêu của việc này là để đảm bảo rằng giới tự nhiên sẽ được bảo vệ để che chở cho các thế hệ tương lai và giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của động vật hoang dã và môi trường hoang dã đối với con người và các loài khác nhau trên hành tinh này.

- 
- 
- ▶ Động vật hoang dã là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự cân bằng sinh thái, bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Vì vậy, con người phải có trách nhiệm bảo vệ động vật hoang dã, tạo môi trường sống cho các loài động vật này được bảo tồn và phát triển






➤ *Giá trị của động vật hoang dã :*

➤ - *Đóng góp về y học*

➤ Trong cuộc đấu tranh sinh tồn nhiều loài động vật hoang dã đã tự tìm ra cách để kháng vi khuẩn, vi rút và các tế bào gây ung thư. Chúng có thể tạo ra các chất mới lạ mà các nhà hóa học chưa từng biết tới. Việc tìm hiểu và nghiên cứu về đặc tính này của các loài có thể giúp các nhà khoa học tìm ra những phương pháp chữa bệnh mới, hiệu quả cho những căn bệnh tưởng chừng như vô phương cứu chữa, Gần đây Các chuyên gia nghiên cứu Brazil đã phát hiện ra rằng phân tử trong nọc độc



- 
- Đây được xem là bước đầu tiên nhằm hướng tới một loại chống lại virus gây ra đại dịch COVID-19.
 - Việt nam có khoảng 200 loài rắn độc, hiện đã sử dụng nọc độc số loài để chế ra thuốc giảm đau, giảm huyết áp, chống viêm nhiễm tiêu độc và làm đẹp da, trị sạm nám.
 - - *Lợi ích nông nghiệp*
 - Nhiều loài động vật hoang dã đang được sử dụng có hiệu quả để diệt chuột và sâu bọ gây hại cho mùa màng.

- 
- 
- ▶ - **Tác hại** : nhiều loại dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật hoang dã mà chủ yếu là các loài gặm nhấm, bò sát và linh trưởng như dịch bệnh HIV/AIDS, Ebola, dịch hạch, SARS-MERC(2002-2004) . Một số loài virus giống như virus SARS-COVID 19 đã tìm thấy ở loài dơi, có thể lây trực tiếp sang người hoặc qua vật chủ trung gian là loài tê tê.
 - ▶ Các động vật hoang dã quý hiếm ở Tây Nguyên gồm voi, bò xám, bò rừng, bò tót, trâu rừng, nai cà tong, hươu vàng, hươu đầm lầy, cheo cheo (hươu chuột), hổ, báo, các loài bò sát cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt (cút xanh)

















- 
- 
- Ngày 11/11/2013 tại Quyết định số 2162/ QĐ-TTG Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 “
 - Mục tiêu cụ thể :
 - - Về tổ chức không gian du lịch: Hình thành và phát triển 3 địa bàn trọng điểm du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng; 4 khu du lịch quốc gia; 4 điểm du lịch quốc gia; 1 đô thị du lịch; và các khu, điểm du lịch địa phương để tạo động lực phát triển du lịch cho các tỉnh và toàn Vùng.

- 
- - Một số chỉ tiêu phát triển ngành :
 - ▪ Năm 2020 thu hút 800 nghìn lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 3,9 triệu lượt khách du lịch nội địa; tăng trưởng khách du lịch quốc tế là 12,2%/năm và khách du lịch nội địa là 6,0%/năm;
 - ▪ Năm 2030 thu hút 1,8 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 3,8 triệu lượt khách du lịch nội địa; tăng trưởng khách du lịch quốc tế là 8,0%/năm và khách du lịch nội địa là 5,0%/năm.
 - Với các chương trình quảng bá du lịch hữu hiệu thì lượng du khách đến các VQG/KBTTN sẽ ngày càng tăng lên.

- 
- Nhằm Bảo tồn động vật hoang dã gắn với phát triển du lịch t VQG/KBTTN của Tây Nguyên cần chú trọng các giải pháp sau
 - - Cần phát triển du lịch có trách nhiệm đó là du lịch sinh thái bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, hạn chế các hoạt động cực do các khách tham quan gây ra và tạo ra lợi ích cho người dân địa phương cùng tích cực tham gia.
 - - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, thể chế thời tăng cường nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, người bản địa và du khách về Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo v trường, Luật Lâm Nghiệp...
 - -

- 
- 
- ▶ - Cần tuyên truyền để mọi người hiểu biết về giá trị của động vật hoang dã đối với hệ sinh thái, tầm quan trọng đối với một số ngành kinh tế và y học.
 - ▶ - Cần có những quy định xử phạt cụ thể đối với việc săn bắn, đánh bắt, mua bán và tiêu thụ các loại động vật hoang dã. Trước hết cần cấm các hàng quán bán và chế biến động vật hoang dã, gà voi, lông đuôi voi...
 - ▶ - Cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch sinh thái như xem thú, ngắm chim tại hiện trường kết hợp với tìm hiểu di sản văn hóa các dân tộc, các lễ hội như lễ hội công chiêng Tây Nguyên, lễ hội đua voi Tây Nguyên, lễ hội cà phê Tây nguyên, lễ hội mừng lúa mới...













➤ XIN CẢM ƠN !